NHẤT HẠNH

Bưởi

LÁ BỐI

Mục lục

Tùng 3

Bưởi 22

Hồng 47

Tùng

Sau khi thỉnh được 107 tiếng đại hồng chung, chú Tâm Thể dùng cán vồ chuông khẽ điểm hai tiếng "keng keng" trên lưng chuông để báo hiệu cho sư huynh là Tâm Hiền rằng chỉ còn một tiếng đại hồng chung cuối cùng nữa là chuông "nhập", và buổi công phu sáng bắt đầu. Đợi cho tiếng chuông thứ 107 ngân hết, chú mới thỉnh đến tiếng chuông thứ 108.

Từ góc thiền đường chùa Pháp Vân đã có tiếng bảng của chú Tâm Hiền. Chú Tâm Thể đáp lại ba tiếng bảng đầu bằng ba tiếng đại hồng chung và buông vồ xuống, trong khi ba hồi bảng của chú Tâm Hiền kéo dài. Đại chúng đã sẵn sàng trên chính điện để bắt đầu công phu sáng.

Chú Tâm Thể khoác chiếc áo tơi lên vai cho ấm rồi xuống thang lầu chuông, mở cửa đi ra ngoài. Sương mù còn dày đặc. Chú rảo bước về phía tam quan chùa, nơi vị khách tăng tá túc.

Vị khách tăng này tới chiều hôm qua nhưng không vào chùa, chỉ xin nghỉ chân lại ngoài tam quan. Chú Tâm Thể đã mời ông ta vào nghỉ ở hậu liêu nhưng ông từ chối. Ông ta chỉ xin chú một manh chiếu để ngủ lại ngoài tam quan, nói rằng sáng sớm khi sương mù ta, ông ta đã phải lên đường sớm. Chiếc áo nâu bạc màu của khách tăng dính đầy bụi đường. Tóc râu dài ra nhưng ông không cạo; mặt mũi tay chân ông đầy cáu ghét, và từ người ông bay ra một mùi tanh hôi nồng nặc. Chú Tâm Thể đã vào chùa bưng ra một chậu nước và một chiếc khăn tay. Rồi chú lại vào đem ra một chiếc chiếu trải trên nền tam quan. Đợi vị khách tăng rửa mặt rửa tay xong, chú bưng chậu nước vào, và một lát sau chú bưng ra một chiếc mâm gỗ, trên mâm có một bát cháo trắng, một ít dưa cải, một chén nước tương và một đôi đũa. Vị khách tăng cám ơn chú và thong thả ngồi ăn cháo. Chú chắp tay chào ông và khoan thai trở vào chùa. Độ một giờ sau, khi trở ra tam quan, chú thấy vị khách tăng đã nằm cuộn tròn trong chiếc chiếu ngủ. Chú cúi xuống bưng chiếc khay lên và nhẹ nhàng đi vào nhà bếp.

Sáng nay ra tới tam quan, chú thấy vị khách tăng đang yên lặng ngồi thiền. Ông không ngồi theo kiểu kiết già; chân phải của ông co gối lên, bàn chân đặt trên mặt đất. Mình mẩy vị khách tăng hôi hám nhưng phong thái của ông thật thanh cao. Tuổi của ông vào khoảng bốn mươi lăm, năm mươi. Nét mặt của ông sáng sủa, khả kính; tóc râu ông dài ra, có lẽ đã nhiều tháng chưa cạo. "Đây là một du tăng hành tung bí mật", chú Tâm Thể thầm nghĩ. Có lẽ ông ta không muốn làm phiền đại chúng chư tăng vì hình thức không chỉnh đốn của ông, cho nên đã từ chối lời mời hôm qua của mình vào ngủ trong hậu liêu. Sáng nay nếu mình được nói chuyện với ông ta thì thế nào mình cũng biết được chút ít hành tung của ông. Nghĩ thế, chú định quay trở vào chùa để mang ra một thau nước ấm cho vị khách tăng rửa mặt. Nhưng chú chưa kịp quay bước thì vị khách tăng đã mở mắt. Chú chắp hai tay lên ngực làm lễ. Vị khách tăng đằng hắng một tiếng nhỏ rồi lên tiếng:

- Từ đây đến núi Cửu Lũng còn bao nhiêu đường đất nữa, thưa chú?

Chú lễ phép đáp:

- Bạch Ngài, núi Cửu Lũng không còn xa, chừng nửa ngày đường thì tới. Để con vào lấy nước ấm ra Ngài rửa mặt.

Vị khách tăng khoát tay ra dấu không cần. Ông tựa vào tường, đứng dậy một cách mệt nhọc và đưa tay với lấy chiếc gậy trúc dựng ở góc tường.

- Cám ơn chú. Tôi phải đi ngay kẻo lỡ không tới kịp trước khi trời tới. Nói xong ông chống gậy khấp khểnh đi ra khỏi tam quan. Chú Tâm Thể theo sau lưng, định tiễn vị khách tăng xuống đồi, tận ngã ba đường núi. Nhưng ông ta khoát tay ra hiệu cho chú đi lui. Từng bước khấp khểnh, ông lần xuống đồi.

"Đi như thế thì nửa ngày đường không tới được núi Cửu Lũng". Nghĩ như vậy, chú Tâm Thể chắt lưỡi phàn nàn. "Đi xa mà cũng không có lấy một chiếc tay nải. Tóc tai áo quần đầy cả bụi đỏ. Mình

mấy thì gầy ốm đến trơ xương. Không biết đến núi Cửu Lũng để làm gì mà vội vàng đến thế". Chú có nghe nói đến ngôi chùa hay ngọn tháp nào ở núi ấy đâu. Chính chú cũng chưa tới Cửu Lũng lần nào; chỉ nghe nói rằng ngọn núi ấy khá hoang vu và đỉnh núi cao ngất, lấp trong mây mù, ít khi thấy được đường nét một cách rõ rệt. Không biết tại sao trong lòng chú Tâm Thể nảy sinh một niềm kính mến đối với vị du tăng lạ kỳ kia. Dáng điệu và phong thái của ông ta có một cái gì khiến chú ưa muốn gần gũi và hiểu biết. Nhưng ông ta đã đi. Chú chép miệng:

- Vậy là mình không biết thêm gì hành tung của vị du tăng này cả. Chỉ biết có một điều là ông ta đang tìm tới núi Cửu Lũng.

Nghĩ như vậy, chú thong thả đi vào chùa, cùng các chú khác lo cháo sáng cho chư tăng, bởi vì buổi công phu khuya sắp kết thúc.

* * *

Vị du tăng đi rất chậm, bước cao bước thấp. Ông có một mụt ghẻ trên bắp đùi trái, lớn bằng cả một quả bưởi. Mụt ghẻ làm ông đau nhức khôn cùng, nhưng ông chịu đựng không hề kêu la. Chỉ trong những giấc mơ thỉnh thoảng ông mới cất tiếng rên khe khẽ mà thôi. Nghe chú tiểu nói chỉ cần nửa ngày đường là tới núi Cửu Lũng, ông hi vọng có thể đi suốt ngày và tới được chân núi lúc trời tối. Nhưng mụt ghẻ hành ông đau nhức quá khiến hôm đó ông chỉ mới đi được hai phần ba đường, ông phải nghỉ đêm dưới một gốc cây. Ông nhịn đói đã quen, bởi vì trong suốt sáu tháng trời du hành có nhiều hôm ông phải ngủ dưới một gốc cây và không có một hạt cơm nào bỏ bụng. Nếu trên đường đi mà gặp một ngôi chùa vào lúc trời tối thì ông xin tá túc lại, và khi nào cũng chỉ xin ngủ nhờ dưới mái tam quan. Thường thường ông được một chú tiểu như chú Tâm Thể mang một bát cháo hay một bát cơm nguội ra cúng dường. Chú tiểu hồi hôm thật chu đáo, đã đem cho ông một chậu nước ấm và một chiếc chiếu còn thơm mùi nắng. Tối nay ông ngủ, gối đầu trên một chiếc rễ cây. Khí hậu miền núi lạnh lẽo quá khiến ông co ro, trằn trọc cả đêm không hề an giấc.

Trời chưa sáng hẳn, vị du tăng đã trỗi dậy để tiếp tục cuộc hành trình. Sức ông yếu quá, nhiều lúc ông té quỵ, tưởng không đứng dậy được nữa. Nhưng ông vẫn cố gắng. Đi được vài trăm bước, ông dừng lại ngồi nghỉ trên một tảng đá. Vừa mới lấy lại được hơi thở, ông lại chống gậy đi. Cứ như thế cho đến lúc khoảng cuối giờ thân hôm ấy thì ông đến được chân núi Cửu Lũng.

Nhìn quanh, vị du tăng không thấy dấu vết nào của dân cư, làng mạc. Không một làn khói lam nào bay lên để chứng tỏ rằng đằng xa kia có một nhà tiều phu đang thổi lửa nấu cơm chiều. Không thấy đường nét ngọn núi Cửu Lũng, vì rừng núi phía trên đã bị sương mù bao phủ. Làm sao mà tìm kiếm được thảo am của người ông muốn gặp, trong khi núi đồi thì bao la mà sương mù thì dày đặc?

> *"Người xưa ở tại núi này*
> *Mây mù che lấp biết rày tìm đâu?"* [1]

Vì du tăng đành ngồi xuống nghỉ trên một tảng đá. Sáu tháng trời lặn lội mới lết tới được chân núi Cửu Lũng. Sương mù dày đặc quá, rừng núi bao la quá, xứ sở quạnh hiu quá, biết làm sao tìm hỏi được nơi cư trú của người xưa?

Người xưa vốn là một vị tăng người Ấn Độ tên là Kaniska. Cách đây mười sáu năm, vị du tăng, tên là Tri Huyền – đã gặp Kaniska tại một ngôi chùa cổ ở kinh đô Trường An nơi ông tu học. Vị tăng người Ấn khi ghé chùa thì đã bị ghẻ lở đầy người, hôi hám khó chịu, ai cũng lẩn tránh. Chỉ có Tri Huyền chịu khó thân cận và chăm sóc cho người. Sáng nào thầy Tri Huyền cũng bưng một chậu nước nóng tới phòng của Kaniska. Thầy bỏ một nắm muối biển vào chậu nước, hòa muối cho tan và bắt đầu cởi áo cho ông thầy tu gốc Ấn và rửa ráy cho ông. Công việc rửa ráy xong xuôi, thầy lấy y sạch mặc cho Kaniska và đem chiếc y mới thay đầy máu mủ hôi hám đi giặt và đem phơi. Buổi trưa Tri Huyền lại mang cơm tới cho Kaniska và buổi chiều Tri Huyền lại tới mang trà nóng đến, rồi cất dẹp khay bát của buổi ăn trưa. Chứng bệnh của Kaniska không thấy thuyên giảm, nhưng sự chăm sóc của Tri Huyền đã làm nhẹ bớt sự đau khổ của người bệnh. Suốt trong hai

năm trời, Tri Huyền săn sóc cho Kaniska như săn sóc cho một người anh ruột, không có hôm nào thầy bỏ quên hoặc làm sơ sót. Đối với công việc chấp tác và tu học tại chùa, Tri Huyền không ngày nào là không làm tròn bổn phận; vì vậy không ai có thể trách cứ thầy là chỉ biết lo cho ông thầy tu Ấn Độ mà quên lãng trách nhiệm mình.

Nhưng một buổi sáng, sau khi được rửa ghẻ và thay áo, ông thầy tu Ấn Độ nói với Tri Huyền, giọng nhỏ nhẹ:

- Mấy năm nay thầy săn sóc cho tôi rất tận tụy, tôi rất cám ơn thầy. Bắt đầu từ ngày mai, thầy không cần săn sóc cho tôi nữa, vì chiều này tôi sẽ rời khỏi chốn này.

Tri Huyền sửng sốt:

- Ngài đi đâu? Đau yếu thế này thì lấy ai săn sóc cho Ngài?

Kaniska nhìn thầy với vẻ mặt dịu hiền. Ông chậm rãi:

- Tôi có việc cần phải lên đường. Xin thầy Tri Huyền đừng lo. Ở đâu cũng có pháp lữ, thế nào rồi cũng có người lo lắng cho tôi.

Thấy Tri Huyền nét mặt đượm buồn, ông tiếp:

- Nhân duyên giữa chúng mình vẫn còn, chưa hết đâu mà buồn. Thế nào chúng ta cũng lại gặp nhau. Tôi biết thầy là người thông tuệ; sự tu học của thầy sẽ thành công lớn. Rồi đây thầy sẽ trở thành một vị cao tăng, tiếng tăm lừng lẫy. Tôi xin phép nhắc với thầy rằng mục đích của sự tu hành là để đạt tới giải thoát chứ không phải là để nổi tiếng. Tình thâm giao giữa chúng ta khiến cho tôi không ngần ngại mà nhắn nhủ với thầy như vậy.

Tri Huyền cúi đầu nhận lấy những lời chỉ giáo của Kaniska. Thầy lại hỏi:

- Ngài có nói là trong tương lai chúng ta sẽ gặp nhau. Vậy thì bao giờ chúng ta gặp nhau, và gặp nhau ở chốn nào? Tôi chỉ sợ sau này trên bước đường hành hóa, Ngài không còn lưu lại một dấu vết...

- Đã có nhân duyên với nhau thì dù có trốn nhau cũng vẫn gặp nhau. Đừng lo. Nội trong kiếp này thầy sẽ dạt được những bước lớn trên đường sự nghiệp. Tuy vậy túc nhơn vẫn còn vướng víu và trong khoảng mười bốn, mười lăm năm nữa thế nào thầy cũng bị tai nạn. Lúc ấy hãy nhớ mà tìm đến tôi, tôi sẽ giúp thầy.

- Nhưng lúc đó thì biết Ngài ở đâu mà tìm? Tri Huyền hỏi. Đưa tiễn Tri Huyền ra khỏi phòng, vị tăng sĩ gốc Ấn nói:

- Cứ tìm đến núi Cửu Lũng ở Bành Thành, đất Tây Thục, là có tôi ở đấy. Từ dưới chân núi nhìn lên thấy chỗ nào có hai cây tùng vươn lên cao ngất thì đó là nơi tôi ở. Thầy nhớ lấy tên núi nhé: Cửu Lũng Sơn ở đất Thục.

Thế rồi vị tăng sĩ Ấn đã ra đi và từ đó thầy Tri Huyền không còn nghe ai nhắc đến tên người. Thời gian qua mau, Tri Huyền dần dần nổi tiếng là bác thông kinh sử; mỗi khi thầy đăng đàn thuyết pháp là hàng ngàn người đến dự. Đất Thần Kinh thiếu gì cao tăng, nhưng tiếng tăm pháp sư Tri Huyền lừng lẫy đến nỗi một ngày kia vua Ý Tông cũng phải lưu tâm để ý. Năm ấy nhằm tiết Phật Đản, vua triệu pháp sư Tri Huyền vào cung thuyết pháp cho hoàng thái hậu, hoàng hậu, các thái tử, công chúa và văn võ bánh quan nghe. Trên pháp tọa, pháp sư Tri Huyền tướng mạo đoan nghiêm, đẹp như một vị Phật sống; tiếng nói của người sang sảng lôi cuốn thính giả đi vào thế giới của diệu pháp một cách say mê. Vua Ý Tông rất đẹp lòng, truyền ban tặng cho pháp sư một áo cà sa màu tía. Từ đó danh tiếng của Tri Huyền càng thêm lừng lẫy. Lúc ấy ông đã được bốn mươi ba tuổi. Sau nhiều lần triệu thỉnh pháp sư Tri Huyền vào cung thuyết pháp, vua Ý Tông lạy tôn ông làm quốc sư và tứ cho Tri Huyền danh hiệu Ngộ Đạt, sửa soạn chùa An Quốc ở sát hoàng cung cho mỹ lệ và rước quốc sư Ngộ Đạt về trú trị tại đó để tiện việc lui tới thăm hỏi đạo mầu.

Danh tiếng của pháp sư Tri Huyền tức quốc sư Ngộ Đạt lên tới đỉnh cao nhất là vào mùa Tri Huyền năm quốc sư vừa đúng bốn mươi lăm tuổi, khi vua Ý Tông ban sắc chỉ cho toàn quốc chọn người tới kinh đô để nghe Ngộ Đạt Quốc Sư giảng kinh Pháp Hoa. Năm ngàn chỗ ngồi

được để dành cho hoàng gia và bách quan, khách tăng và sĩ phu toàn quốc. Dân chúng ở kinh đô nô nức đến nghe quốc sư giảng kinh; người nghe pháp đứng chật cả hàng trong hàng ngoài. Hàng chục ngàn người im lặng nghe tiếng giảng kinh sang sảng của quốc sư. Các buổi giảng kinh Pháp Hoa được kéo dài trong một tháng, và trong suốt thời gian ấy, vua Ý Tông không bỏ sót một buổi nào.

Hôm đó là ngày bế mạc khóa giảng Pháp Hoa. Nhân dịp này, vua Ý Tông định làm lễ dâng lên quốc sư một pháp tọa bằng gỗ trầm hương để pháp sư ngồi giảng buổi giảng cuối cùng. Pháp tọa đặt rất cao để cho đại chúng mấy mươi ngàn người được chiêm ngưỡng dung mạo của quốc sư. Hôm ấy nghi lễ thỉnh sư được cử hành thật long trọng. Sau khi làm lễ dâng pháp tọa trầm hương, vua Ý Tông đứng dậy cung thỉnh quốc sư bước lên pháp tọa. Khi quốc sư vừa bước lên pháp tọa thì quần chúng Phật tử đều quỳ xuống làm lễ; có người cảm động đến rơi lệ. Buổi giảng kinh đó là một buổi giảng kinh mà suốt đời Ngộ Đạt sẽ không quên được. Buổi giảng kinh đó đã đánh dấu một biến chuyển lớn lao trong đời tu hành của Thích Tri Huyền.

Ngồi trên một tảng đá dưới chân núi Cửu Lũng, vị du tăng nhớ lại lúc mình bước lên ngồi pháp tọa trầm hương, trong khi hàng chục người cúi rạp mình làm lễ, trong đó có vua Đường Ý Tông. Thấy mình là người tu hành mà đạt đến một địa vị cao tột trong nhân gian như thế, Ngộ Đạt, trong một giây phút ngắn ngủi, bỗng thấy một niềm tự hào dâng lên trong lòng. Quốc sư biết là tà niệm đã khởi, mặt đỏ bừng, liền ngồi xuống pháp tọa và nhiếp mình vào chánh niệm. Nhưng chậm mất rồi. Bỗng dưng, trong khoảng không có một vật gì nhỏ bé, nhỏ bằng một hạt cát, sáng trưng, bay xẹt xuống, trúng vào bắp đùi bên trái của quốc sư làm đau nhói tới xương tủy. Không chịu đựng nổi sự đau đớn tột cùng ấy, Ngộ Đạt buột la lên một tiếng, hai tay ôm lấy bắp đùi bên trái. Vua Ý Tông lật đật đứng dậy, hô thị vệ dìu quốc sư xuống pháp tọa. Buổi giảng kinh cuối cùng như vậy là bị bãi bỏ: quốc sư hình như đã bị một loài rết độc cắn nhằm bắp đùi, đang lên cơn sốt.

Ngộ Đạt biết mình không hề bị rết cắn; cái hạt bụi sáng loáng ấy đã từ trên không gian bay xuống nhanh như một làn chớp, không làm thủng áo cà sa mà lại chui thẳng vào bắp đùi của mình. Song ông im lặng không nói, mặc cho các quan ngự y giải thích. Bắt đầu từ đấy vết thương trên bắp chân quốc sư làm độc. Vết thương sưng tím căng phồng lên như một trái bưởi, đau nhức khôn cùng. Mười ngày sau ung nhọt khổng lồ nứt nẻ ra thành một mụt ghẻ lớn, máu mủ chảy ra hàng bát, mỗi ngày nhiều bận. Thuốc thang trong uống ngoài thoa do các ngự y đưa tới có tới hàng ngàn thứ mà không thứ nào chữa trị được cho quốc sư. Vua Ý Tông không ngớt ra vào thăm hỏi và ra lệnh triệu thêm thầy hay, tìm thêm thuốc giỏi đem về kinh chữa trị cho vị cao tăng của cả triều đình. Nhưng một năm trời đã qua đi mà ung nhọt kia vẫn không xẹp. Thân thể quốc sư gầy ốm trông thấy và một lần nọ ngự giá đến chùa An Quốc thăm, vua Ý Tông đã thấy một giọt nước mắt long lanh trên mi quốc sư.

Vào một buổi khuya sau khi đã trằn trọc hàng canh trên giường, quốc sư Ngộ Đạt quyết định bỏ chùa An Quốc ra đi. Một năm trời nằm trong ngôi quốc tự để cho bao người phục vụ và hầu hạ, không làm nên được tích sự gì cho quốc gia, Ngộ Đạt cảm thấy trong lòng bất an và hổ thẹn. Đỉnh danh vọng đã lên cao chót vót, hố tủi nhục bây giờ cũng đã xuống đến nơi thăm thẳm sâu. Quốc sư bỏ chùa lén ra đi ngay trong buổi khuya đêm ấy, trên thân hình chỉ có một chiếc áo tràng và trên tay một chiếc tích trượng vua ban. Bắp chân đau nhức, nhưng quốc sư đã gắng đi suốt đêm. Ra khỏi kinh đô thì trời vừa hé sáng. Thấy một khúc tre ai bỏ bên đường, quốc sư cúi xuống nhặt lên làm gậy chống đi, và khi qua cầu, ông đã ném chiếc tích trượng vua ban xuống dòng sông chảy xiết. Tích trượng trôi trở về kinh đô, còn quốc sư thì hướng về phía núi xanh cất bước.

Trưa hôm ấy đi ngang một cảnh chợ quê, quốc sư được một người đàn bà dâng cúng hai trái chuối và một gói xôi. Sợ ăn xôi thì mụt ghẻ càng thêm mủ nên quốc sư từ chối gói xôi, chỉ nhận hai trái chuối. Ngồi trên một mô đất, quốc sư lấy bùn đất trát vào mặt cho lem luốc kẻo sợ có người nhận diện được mình. Chưa biết sẽ đi về đâu thì bỗng nhiên trong trí quốc sư hình ảnh Kaniska, vị du tăng Ấn Độ hiện đến

như một tia chớp giật. Quốc sư nhớ lại những điều căn dặn của vị tăng sĩ gốc Ấn: "trong vòng mười bốn hay mười lăm năm nữa, thế nào thầy cũng bị tai nạn. Lúc ấy hãy tìm đến tôi, tôi sẽ giúp thầy..." "Cứ tìm đến núi Cửu Lũng ở Bành Thành đất Tây Thục...". Lập tức quốc sư chống gậy đứng dậy và hỏi đường về đất Thục.

Ngày đi đêm nghỉ, quốc sư quyết tìm đến núi Cửu Lũng, dù mụt ghẻ hành hạ không thôi. Máu mủ làm ướt sũng ống quần, nhưng quốc sư không có quần khác để thay. Máu mủ đã làm cho ống quần của quốc sư dày cộm như mo và một mùi tanh hôi xông lên nồng nặc, nhưng quốc sư vẫn cố gắng chịu đựng. Chiếc áo tràng cũng dính đầy máu mủ, cả vạt trước lẫn vạt sau. Chiếc áo tràng sau nhiều tháng du hành đã trở nên bạc thếch và dính đầy bụi đường. Mỗi buổi chiều, lúc nghỉ chân trên một rễ cây hay một tảng đá, quốc sư thường vén ống quần nhìn vào mụt ghẻ. Mụt ghẻ vẫn lớn như một trái bưởi to, có bốn lỗ đỏ choét: hai lỗ phía dưới gần đầu gối giống như một cặp mắt, lỗ giữa giống như một cái mũi và lỗ phía trên bắp chân loét ra như một cái miệng. Quốc sư nhìn mụt ghẻ như nhìn vào một mặt người. Quốc sư đối diện với mụt ghẻ như đối diện với một khuôn mặt con người. Có khi mụt ghẻ như muốn trợn mắt mắm môi đe dọa quốc sư. Mụt ghẻ nhìn quốc sư như một kẻ thù, và quốc sư nhìn mụt ghẻ như một khuôn mặt oan gia, đau xót thì có nhưng oán hận thì không. Quốc sư không nghĩ đến chuyện lấy nước dưới sông rửa cho mụt ghẻ. Trong một năm trời, người ta đã rửa mụt ghẻ bằng đủ thứ thuốc, mà mụt ghẻ có vì thế mà xẹp hơn hoặc sạch hơn được chút nào đâu?

Trên đường tìm đến xứ Thục, đã nhiều lần quốc sư được nghỉ ngơi ban đêm trước những mái tam quan, nhưng không ai nhận ra được quốc sư, bởi vì nhan sắc của quốc sư tiều tụy, áo quần của quốc sư thốc thếch, hôi hám,... Ngày hôm qua, một chú tiểu chùa Pháp Vân đã săn sóc cho quốc sư một cách ân cần, cảm động. Chú đã đem nước nóng cho quốc sư rửa mặt và cháo trắng cho quốc sư lót dạ. Bây giờ quốc sư đã tới được chân núi Cửu Lũng.

* * *

Vị du tăng, chính là quốc sư Ngộ Đạt – giật mình. Có tiếng suối róc rách đâu đây. Bỗng nhiên lời dặn của Kaniska lại vang lên trong trí tưởng: "Từ dưới chân núi nhìn lên, thấy chỗ nào có hai cây tùng vươn lên cao ngất, thì đó là nơi tôi ở...". Ngộ Đạt đưa mắt nhìn lên. Lạ chưa, chót vót bên phía trái, mây mù đã loãng dần và hình ảnh của hai cây tùng hùng vĩ lộ ra, vươn thẳng dậy, ngọn tùng vẫn còn khuất trong mây. Đích đó là nơi hẹn! Ngộ Đạt cầm lấy chiếc gậy trúc; từng bước, từng bước, ông tìm thế leo lên phía núi có dáng song tùng.

Sau một thời gian vừa lết vừa trèo, Ngộ Đạt thấy thấp thoáng sau cành lá xanh rờn cung vàng điện ngọc của một ngôi phạm vũ trang nghiêm. Có tiếng chuông gió thanh tao như tiếng gió lay động cây thất bảo mô tả trong kinh Vô Lượng Thọ. Có tiếng chim lạ, hoặc chính là tiếng Ca Lăng Tần Già. Lên tới tam quan chùa, Ngộ Đạt gặp một chú tiểu. Hỏi thì biết đây đích thực là phạm vũ nơi cư trú của tôn giả Kaniska. Chú tiểu vào thông báo và tôn giả Kaniska thân hành ra cổng nghênh tiếp. Kaniska rạng rỡ như một vị Bồ Tát khiến quốc sư Ngộ Đạt sụp xuống lạy. Tôn giả đỡ quốc sư dậy, và dìu quốc sư vào khách đường.

* * *

Sau một tuần trà mà hương thơm làm cho tỉnh táo cả giấc mộng mười lăm năm trường, Kaniska hỏi thăm về cận sự. Quốc sư Ngộ Đạt tuy đã bốn mươi sáu, vẫn còn thấy tủi thân như một đứa bé con, khi nghe người tri kỷ hỏi đến thân phận mình, quốc sư kể lại cuộc đời mười mấy năm của mình với thật nhiều chi tiết. Tôn giả lắng tai nghe rất chăm chú, không hề ngắt lời bạn, thỉnh thoảng lại thở dài, tỏ ý thương xót. Nghe xong, tôn giả xin xem mụt ghẻ. Ngộ Đạt đứng dậy vén ống quần cho bạn xem. Mụt ghẻ như trừng mắt nhìn cả hai người. Tôn giả gật đầu bảo quốc sư buông ống quần xuống, rồi nói:

- Không sao, dưới chân núi có một dòng suối tên là Giải Oan Tuyền, có thần lực chữa được bệnh này. Tri kỷ ngủ lại đây; sáng mai chúng ta xuống suối, tôi sẽ vốc nước suối rửa cho tri kỷ.

Mụt ghẻ sẽ lành. Không có gì đáng ngại. Chỉ cần vốc nước rửa hai lần là bệnh của tri kỷ sẽ lành hẳn.

Nói xong tôn giả đi vào. Lát sau tự tay mang ra một chậu nước ấm, một chiếc khăn và một nắm muối, cười và nói:

- Tri kỷ đã từng rửa ghẻ cho tôi suốt hai năm trời; bây giờ, trước khi tri kỷ được nhờ nước suối giải oan lành bệnh, tôi xin phép được rửa ghẻ cho người lần cuối cùng.

Ngộ Đạt toan mở lời từ chối, nhưng ngước nhìn cố nhìn, ông biết không thể nào ngăn được, bèn im lặng đưa chân cho tôn giả rửa. Một chân quỳ xuống, một chân dẫm trên đất, tôn giả nghiêng người cẩn trọng rửa mụt ghẻ cho Ngộ Đạt. Bàn tay của tôn giả đi tới đâu thì thịt da Ngộ Đạt êm dịu tới đó. Chỉ có nước muối và một cái khăn thôi mà tôn giả đã làm dịu đi bao nhiêu đau đớn của sáu tháng đường trường. Vị quốc sư trẻ nhìn bạn rửa ghẻ cho mình một cách kính cẩn mà không biết mắt mình đã nhòe lệ. Kaniska rửa xong mụt ghẻ thì bưng chậu nước vào. Lát sau ông mang ra một chậu nước khác và một tấm chăn khác. Ông cởi áo cho Ngộ Đạt và lau tắm cho quốc sư. Rồi ông lại lau tắm cả phần dưới thân hình Ngộ Đạt. Không dám lên tiếng cản ngăn, quốc sư Ngộ Đạt phải để cho bạn tắm rửa từ trên xuống dưới, ngoan ngoãn như một chú bé. Lau tắm xong, tôn giả vào lấy ra cho Ngộ Đạt một bộ quần áo sạch của chính mình, và khởi sự mặc vào người cho bạn. Bộ quần áo nhẹ, thơm ngát trầm hương.

Tối hôm ấy, Ngộ Đạt được ăn cháo trắng do tôn giả Kaniska tự tay nấu lấy mời bạn. Ăn xong, ông được tôn giả đưa vào một liêu phòng có giường chiếu sạch sẽ thơm tho. Tôn giả chúc ông yên giấc và hẹn ngày mai, sau khi uống trà, sẽ cùng nhau xuống suối.

Buổi khuya, khi tiếng chuông chùa đầu tiên ngân lên thì Ngộ Đạt thấy mình không còn chờ đợi được nữa. Cả đêm mụt ghẻ lại hành hạ ông đau nhức như chưa bao giờ ông biết đau nhức là gì. Đợi cho đến sáng thì lâu quá. Quốc sư bèn quyết định mở cửa xuống núi một mình. "Chiều qua ta có nghe tiếng suối róc rách khi ngồi nghỉ dưới chân núi" quốc sư thầm nghĩ. Trời còn đầy sương nhưng Ngộ Đạt vẫn tìm

thấy được con đường mòn đi xuống núi. Đi một hồi lâu thì ông lại nghe được tiếng suối róc rách. Sau đó ông đã tìm tới bờ suối.

Quỳ trên một tảng đá, ông xắn ống quần bên trái cho mụt ghẻ lộ ra. Ông thở những hơi thở thật dài, thật nhẹ và nhiếp tâm quán niệm. Đây là dòng Giải Oan Tuyền mà nước có thần lực chữa được chứng bệnh của mình. Ông tin tưởng nơi lời nói của tôn giả Kaniska. Ông niệm Phật rồi cúi xuống vốc nước trong lòng hai bàn tay để phả xuống mụt ghẻ mặt người. Nước suối tê cóng hai tay. Run run, ông làm chảy đổ hết một nửa vốc nước ra ngoài; chỉ còn một ít nước phả trúng vào mụt ghẻ. Nhưng từng ấy nước phả vào mụt ghẻ cũng đủ làm đau nhức tận xương tủy, khiến ông ngã ra bất tỉnh trên bờ suối. Trong cơn mê ông thấy một khuôn mặt đỏ tía, râu ria dựng ngược; khuôn mặt nhìn thẳng vào ông, hỏi:

- Ngươi là người học nhiều, hiểu rộng, vậy đã từng đọc sách Tây Hán Thư chưa?

Ngộ Đạt quá đỗi ngạc nhiên, nhưng vẫn gật gù đáp:

- Tôi có đọc.

- Có đọc Tây Hán Thư chắc ngươi còn nhớ vụ án Viên Án và Triệu Thố chứ? Viên án dèm pha thế nào mà khiến cho Triệu Thố phải bị chém ngang hông ở chợ Đông, ngươi có biết không? Chao ôi! Oan ức biết chừng nào! Ngươi có biết kiếp trước chính ngươi là Viên Án và ta chính là Triệu Thố hay không? Ta bị ngươi giết oan, nên đời đời đã tìm ngươi để báo oán. Tuy nhiên trong mười kiếp liên tiếp, ngươi làm cao tăng, giới luật nghiêm tịnh, do đó ta không thể nào tìm được cơ hội trả thù. Nhân trong kiếp này, ngươi được hưởng sự đãi ngộ của vua mà sinh tâm kiêu xa hao tổn đến âm đức, cho nên ta mới có cơ hội xen vào làm hại ngươi được. Chính ta là mụt ghẻ của ngươi. Chính ta là oan gia của ngươi đó.

Quốc sư nhìn kỹ mặt người đối diện, kinh hãi, toàn thân toát mồ hôi hột. Ông định mở miệng lên tiếng nói một điều gì, nhưng cuối cùng

không tìm ra được một lời nào cho nên lại thôi. Ông thấy khuôn mặt đối diện đỏ tím kia bỗng nhiên dịu lại. Người ấy nói giọng hòa dịu hơn trước:

- Thôi ngươi khỏi cần nói năng gì cả. Trong bao nhiêu kiếp, ta đã đau khổ vì mối oan cừu, và chính mối oan cừu đó đã dìm mãi ta vào cõi u minh dày đặc. Nay nhờ có tôn giả Kaniska đem nước Tam Muội từ bi mà rửa cho ta, mối oan cừu này từ đây sẽ được cởi bỏ. Ta sẽ không còn theo ngươi để mà báo oán nữa. Phần ngươi nhờ có phước báo lớn, cho nên ngươi mới gặp được tôn giả Kaniska, được tôn giả đưa tới suối giải oan này mà rửa sạch nghiệp xưa. Thôi từ nay về sau giữa chúng ta không còn ai nợ ai nữa nhé. Hãy vốc nước lên mà rửa thêm lần thứ hai nữa, mau lên!

Ngộ Đạt bừng tỉnh choàng dậy. Ông lại quỳ xuống trên tảng đá bờ suối, cúi xuống vốc đầy nước suối trong hai tay, phả vào mặt mụt ghẻ, gây đau nhức gấp bội lần trước. Đau thấu cả tâm can, ông lại ngã ra bất tỉnh lần nữa trên bờ suối. Nhưng trong cơn mê lần này Ngộ Đạt không thấy khuôn mặt đỏ tía kia nữa. Ông cảm thấy thân tâm nhẹ nhàng, an ổn. Ông mở thấy mình đang đi trong một khu rừng rậm, thoăn thoắt nhảy qua các mô đất và các bụi rậm một cách nhẹ nhàng, nhẹ nhàng như có cánh bay, nhẹ nhàng như một con bướm liệng trên đám cỏ. Ông thấy ông là một đứa trẻ đang chạy chơi trên cánh đồng mùa xuân, hoa tím hoa vàng nở đầy trên cỏ biếc. Ông thấy ông bơi ngửa trên một dòng sông hai mắt theo dõi mây trời xanh ngắt. Ông thấy ông là một đứa trẻ mặc áo mùa xuân, chạy chơi trên một khu đồi tuyết phủ. Trời lạnh, ông chạy vào nhà, đưa hai tay sưởi ấm trên ngọn lửa hồng, bên phải là bà ngoại ông đang khâu vá, bên trái là mẫu thân ông đang nhìn ông âu yếm. Lửa ấm quá, ông không còn có ý muốn chạy ra ngoài trời lạnh nữa. Bỗng tiếng vượn kêu gần đấy làm ông giật mình thức dậy. Nhìn quanh, ông thấy mình đang nằm bên bờ suối, tiếng chim chóc ca hát vang cả núi rừng. Nắng đã lên tự bao giờ đang sưởi ấm mọi vật. Ngộ Đạt cảm thấy ấm áp, nhẹ nhàng, khoan khoái. Ông choàng dậy, vạch quần nhìn xuống bắp chân. Mụt ghẻ đã héo mặt, bắt đầu đâm da non. Mụt ghẻ đã lành.

Ngộ Đạt đứng dậy. Ông cảm thấy người đầy sinh lực, không cần cây gậy trúc nữa. Ông nhìn quanh tìm con đường mòn để trở lên chùa tạ ơn tôn giả Ca Nặc Ca. Nhưng nhìn kỹ, ông chẳng thấy có con đường mòn nào cả. Lạ quá, chính mình sáng nay đã từ con đường ấy tìm xuống bờ suối đây mà. Nhưng quả thực là không có đường mòn nào cả. Xung quanh ông chỉ toàn là bụi cây và tảng đá. Ngộ Đạt nhận ra một tảng đá quen thuộc không xa chỗ mình đang đứng. Đó là tảng đá mà trên đó chiều qua khi tới chân núi ông đã ngồi nghỉ. Ông ngước nhìn lên núi. Mặt trời ấm áp đã xua hết sương mù. Nhưng cung vàng điện ngọc của ngôi pháp vũ ở đâu, ông đưa mắt tìm mãi mà không thấy. Hai cây tùng vươn cao đọt lấp trong mây mà hôm qua ông đã thấy rõ ràng, bây giờ cũng không còn dấu vết. Tất cả những gì ông đã thấy, đã sống suốt một đêm qua bây giờ đã tan biến như một giấc mộng. Ông ngồi xuống trên một tảng đá, hồi tưởng lại những diễn biến của sự việc chiều qua, từ lúc nhận ra sự có mặt của hai cây tùng, cho đến lúc tìm ra ngôi phạm vũ, gặp mặt chú tiểu đồng và hội ngộ với tôn giả Ca Nặc Ca. Rồi đến tuần trà, rồi đến mình được tôn giả rửa ghẻ, cho mặt một bộ áo quần nhẹ, sạch, ngát hương trầm. Ngộ Đạt nhìn lại bộ áo quần mình đang mặc. Đó vẫn là bộ áo quần mang theo sáu tháng nay từ chùa An Quốc. Ngộ Đạt thở dài, biết mối duyên kỳ ngộ tới đây đã mãn. Hướng về đỉnh Cửu Lũng, ông nghiêng mình cung kính làm lễ tôn giả Kaniska ba lần, lòng thổn thức và tràn đầy tiếc nuối.

* * *

Viện chủ Pháp Vân Tự là Thích Tâm Thể cùng với hai vị đệ tử tìm đến Thiền Tự Chí Đức vào một buổi trưa nắng đẹp. Chùa Chí Đức là một thảo am nhỏ ở chân núi Cửu Lũng, nhưng phong cảnh rất tú lệ. Chủ nhân là một vị tăng sĩ điềm đạm, tuổi trên bốn mươi, pháp hiệu là Tín Cổ, ra đón ba thầy trò chùa Pháp Vân tận ngoài cây cầu gỗ bắc qua dòng suối. Những cây tùng mà vị trú trì Chí Đức trồng quanh am thuộc loại những cây tùng không rậm rạp nhưng thân cây vươn cao, thẳng tắp. Cây nào cây nấy đã lên tới mấy mươi thước, xanh tươi, hùng vĩ. Từ lâu viện chủ Thích Tâm Thể đã nghe nói có một am mây tại núi Cửu Lũng vốn không xa thiền viện Pháp Vân, và mong có dịp

đến viếng ngọn núi danh tiếng, nhưng mãi đến bây giờ nguyện ước mới thành tựu. Nay được đặt chân tới chốn phong cảnh kỳ tú này, ông cảm thấy rất hài lòng. Ông đưa mắt nhìn ngọn núi hùng vĩ, đỉnh lấp trong sương mù; ngắm những thân tùng vươn thẳng lên không gian, nhìn ngôi am tự duyên dáng nấp sau cành lá và gật đầu tán thưởng.

Ngôi khách chủ vừa phân, thì trà được tiểu đồng mang lên. Tuần trà chưa cạn, khách nhận thấy trên án thư một cuốn kinh đang được chủ nhân chép dở nửa chừng. Nét bút linh hoạt. Viện chủ Tâm Thể xin phép cầm lên xem thì thấy ngoài bìa kinh có năm chữ Từ Bi Thủy Sám Pháp. Người đặt kinh xuống toan hỏi thì trú trì bản am đã nói:

- Đây là một thứ nghi thức sám hối mà thầy tôi biên soạn. Sám pháp này chưa được lưu hành trong nhân gian, bởi lẽ đây là bản chép đầu tiên.

Viện chủ Tâm Thể hỏi, mắt không rời cuốn kinh:

- Có phải lệnh sư là người khai sơn chùa chí Đức? Chẳng hay danh hiệu của người là gì, đại đức có thể cho chúng tôi biết được không?

Trú trì Tín Cổ nhỏ nhẹ:

- Vâng, chùa Chí Đức là do thầy tôi khai sơn. Thầy tôi tới dựng am tại đây để an cư tu hành vào khoảng bốn mươi năm về trước. Trong thời gian thầy còn tại thế, am này không có danh hiệu. Chỉ sau khi thầy tôi viên tịch, cảm ân đức sâu dày của thầy, tôi mới đặt tên thảo am này là Chí Đức Thiền Tự. Ngày thầy tôi tới đây, quanh miền chưa có nhà cửa xóm làng chi hết. Nhiều năm sau khi thầy tôi dựng am mới có mấy gia đình tiều phu tới chân núi này lập nghiệp.

Viện chủ Pháp Vân hỏi thêm:

- Ngày lệnh sư đến đây khai sơn lập am, chắc đại đức cũng đã tới một lần với người?

Trù trí Tín Cổ lắc đầu:

- Không, thầy tôi tới núi Cửu Lũng một mình. Tôi là con trai của một người tiều phu đến lập nghiệp tại chân núi này, có duyên may được thầy tôi thu nhận làm đệ tử, hồi tôi mới có bảy tuổi, không biết chữ nghĩa gì hết. Tất cả chữ nghĩa và Phật pháp của tôi là hoàn toàn do thầy tôi truyền dạy. Thầy tôi khen tôi viết chữ tốt nhưng tôi thấy chữ của thầy tôi mới thật là chữ có thần.

Nói xong, trú trì Tín Cổ nhấc một tập sách trên án thư trao cho Viện Chủ Pháp Vân. Đỡ lấy tập sách, viện chủ Pháp Vân nhận ra đó là bản chính của Từ Bi Thủy Sám Pháp. Hẳn đây là bản chính do tự tay soạn giả viết ra. Viện chủ Pháp Vân thấy nét chữ tung hoành diễm lệ như một đoàn phụng hoàng đang bay múa. Ông tặc lưỡi buột lời khen:

- Chữ viết đẹp thật, đẹp thật.

Rồi ngẩng lên, ông hỏi trú trì Tín Cổ:

- Tôi tin Sám Pháp này là một sáng tác rất quý báu. Tại sao đại đức không nêu cao danh của lệnh sư vào trang đầu để lưu truyền hậu thế?

Trú trì Tín Cổ chậm rãi nói:

- Thầy tôi không muốn ghi tên mình trên sách. Đã ẩn tích mai danh, không muốn cho người đời nay biết đến thì ghi tên mình lại cho người đời sau biết để làm gì?

Im lặng một lát, rồi vị trú trị chùa Chí Đức nói trầm ngâm:

- Ngày thầy tôi mới đến đây, cảnh trí xung quanh thật là hoang vu. Chính thầy tôi tự tay lập am, khai phá, trồng khoai, trỉa đậu và gieo lúa... Từ thuở nhỏ, thầy tôi đâu có biết làm những việc đó. Ngày mới đến, ngồi bên bờ suối, bắp chân đau nhức, thầy tôi kiệt lực, tưởng không còn sống được...

Trong khi vị trú trì chùa Chí Đức nói thì hình bóng vị du tăng bốn mươi năm về trước từ từ hiện rõ trong ký ức của vị viện chủ chùa

Pháp Vân. Phải, hồi đó viện chủ là chú tiểu Tâm Thể, mới mười sáu tuổi. Nét mặt đoan nghiêm ấy, phong thái uy nghi ấy, chiếc áo bạc màu ấy và cái mùi tanh tưởi ấy... Thì ra vị du tăng ngủ dưới mái tam quan năm xưa chính là người đã khai sơn chùa Chí Đức này. Viện chủ Pháp Vân đứng dậy chắp tay thành kính nói:

- Bạch đại đức, lệnh sư đã từng ghé thiền tự và tá túc một đêm, cách đây bốn mươi năm về trước. Chính bần tăng đã được hân hạnh múc nước cho người rửa mặt và dâng cháo cho người đỡ dạ. Đối với Chí Đức, Pháp Vân tuy cách nửa ngày đường nhưng là ngôi chùa gần gũi nhất, do đó chúng ta còn có nhiều dịp qua lại cùng nhau. Xin đại đức niệm tình xưa mà cho bần đạo biết cao danh của lệnh sư, người mà bần đạo đã đem lòng quý mến từ ngày gặp gỡ.

Thấy dáng điệu viện chủ Pháp Vân trang trọng và khẩn thiết, trú trì Tín Cổ vội đứng dậy chắp tay thi lễ, đáp:

- Xin Viện Chủ an tọa, đừng lễ nghi quá mà chúng tôi thất đức, tội nghiệp. Chúng tôi sẽ không dám giấu giếm ngài. Trời đã chiều, đêm nay thế nào việc chủ cũng phải ngủ lại thảo am Chí Đức. Chúng ta sẽ đốt nến nói chuyện. Tôi sẽ kể cho viện chủ nghe hết câu chuyện của thầy tôi, vâng, chúng tôi sẽ không dám giấu điều gì với ngài.

* * *

Đêm đã khuya, nhưng trú trì Chí Đức và viện chủ Pháp Vân vẫn còn thức. Hai ngọn bạch lạp yên lặng cháy trên án thư. Các vị đệ tử đã đi nghỉ từ lâu. Rừng núi bên ngoài yên lặng quá. Sau khi kể cho viện chủ Pháp Vân nghe về cuộc đời của quốc sư Ngộ Đạt từ khi gặp gỡ tôn giả Kaniska lần đầu cho đến khi vốc nước rửa lành mụt ghẻ bên dòng Giải Oan, trú trì Tín Cổ đằng hắng một tiếng lấy giọng và tiếp:

- Cảm ơn đức sâu dày của Tôn Giả Ca Nặc Ca, thầy tôi từ đấy nguyện ở lại núi Cửu Lũng để an cư hành đạo. Người bẻ cây che thành một túp lều trú ngụ ngay tại nơi này. Rồi người đi tìm

rau, hái quả, ăn rau trái và uống nước suối để tu hành. Kiến thức Phật pháp bây giờ không còn dùng để luận kinh giảng đạo nữa, mà để tham thiền đạt ngộ. Dần dần, gặp gỡ một vài người tiều phu vào núi kiếm củi, thầy tôi xin được hạt giống rau đậu, một cây rựa chặt củi và một lưỡi cuốc xới đất. Thầy tôi sống như vậy mà an lạc gấp ngàn lần hồi còn làm quốc sư tại kinh đô. Sau khi được thầy tôi chấp nhận làm đệ tử, tôi đã ra công phát triển khá rộng khu vườn quanh am, và từ đó hai thầy trò không còn thiếu thốn thực phẩm nữa. Thì giờ rảnh rang, tôi đi đốn củi và nhờ gia đệ gánh về chợ bán, lấy tiền mua bút giấy để bắt đầu học tập. Thầy tôi từ khi có giấy bút cùng bắt đầu trước thuật... Người viết ra nhiều tác phẩm, nhưng Từ Bi Thủy Sám Pháp là tác phẩm người viết ra sớm nhất. Sám Pháp này sở dĩ lấy tên là Từ Bi Thủy đó cũng vì thầy tôi nhớ lại nước suối từ bi mầu nhiệm của tôn giả Ca Nặc Ca đã rửa sạch oán thù, giải được mối oan kết cho người. Thầy tôi hành trì Sám Pháp này trong nhiều mùa kiết hạ. Thầy tôi dặn tôi nhiều lần:

- Tu học là để giải thoát chớ không phải để tìm cầu danh lợi. Tôi hiểu lời giáo huấn đó, bởi vì tôi được thầy tôi kể cho tôi nghe về những chuyển biến trong cuộc đời của Ngài. Thầy tôi còn dặn đừng tiết lộ chuyện này cho ai biết. Đáng lý ra, tôi phải vâng lời thầy tôi. Nhưng đêm nay, tôi thấy tôi không thể nào giữ được câu chuyện to lớn đó cho một mình tôi. Tôi thấy tôi không đủ sức. Tôi không hiểu tại vì sao. Có lẽ vì viện chủ là một người đã từng được gặp gỡ thầy tôi, và như vậy, đối với tôi, ngài là một người tri kỷ. Ngồi trước viện chủ tôi có cảm tưởng gần gũi thầy tôi. Kể cho viện chủ nghe rồi, tôi có cảm tưởng tôi sẽ không có nhu cầu kể cho một người thứ hai nào nghe nữa. Bây giờ, sau khi đã cho viện chủ biết hành trạng của thầy tôi, tôi thấy nhẹ hẳn người. Thôi đêm đã quá khuya, tôi xin đưa viện chủ vào liêu phòng an nghỉ. Tôi đã sắp sẵn chiếu mền. Sáng mai, tôi sẽ đưa viện chủ đi viếng tháp thầy tôi và sẽ trình viện chủ những tác phẩm mà người để lại.

Nằm trên giường, viện chủ chùa Pháp Vân thao thức không ngủ. Ngoài kia chắc sương phủ hết miền thung lũng núi Cửu Lũng. Các loài cầm thú trong rừng có ngủ không, mà sự im lặng của núi rừng có vẻ linh hoạt thế này? Bốn mươi năm là nhiều hay ít? Bốn mươi năm qua ta đã làm gì? Học Phật, chấn tác, ngồi thiền, giảng kinh, thuyết pháp. Từ một chú tiểu mười sáu ta đã lớn lên, vượt tiến, để bây giờ làm viện chủ một thiền viện. Bốn mươi năm bó chân, để cho sự việc ở chân núi Cửu Lũng đi qua như nước chảy dưới cầu. Đột nhiên chú tiểu Tâm Thể sống dậy, hai mắt ướt đẫm. Mình đã có duyên mang chậu nước nóng cho quốc sư, nhưng mình đã không có duyên rửa ghẻ cho quốc sư như tôn giả Ca Nặc Ca. Đột nhiên chú tiểu Tâm Thể không muốn làm hòa thượng nữa. Làm viện chủ thì lấy đâu cơ hội trồng rau, trỉa bắp, đốn củi và đi du hành kịp thời đến chân núi Cửu Lũng. Núi Cửu Lũng nào có xa xôi gì đâu, chỉ nửa ngày đường. Ấy thế mà phải đợi bốn mươi năm mới tìm tới được. Chậm quá còn gì. Họa chăng còn tiếng suối thầm thì. Viện chủ Pháp Vân, à không, chú tiểu Tâm Thể lắng tai, cố ý nghe. Quả có tiếng suối róc rách, càng lúc càng nhỏ, càng lúc càng mờ ảo. Và trong cơn mơ, chú thấy hai cây tùng vươn cao, hùng vĩ trên sườn núi Cửu Lũng, đọt tùng lẩn khuất trong mây. Hay cây Sequoia Sempervirens cao ngất tầng không.

---

[1]. "Chỉ tại thử sơn trung, vân thâm bất tri xứ" thơ của Giả Đảo.

Bưởi

Gùi măng thứ ba đã hái đầy, Bưởi lần theo lối cũ ra khỏi rừng tre. Trời đã chiều. Hai chị Chanh và Cam còn đang xõa tóc bắt chí cho nhau bên một gốc tràm. Họ đợi Bưởi hái đầy gùi măng thứ ba để cùng lên đường về buôn. Thấy Bưởi từ dưới rừng tre đi lên, họ đứng dậy phủi áo và mang gùi lên vai. Bưởi cũng đã lên tới. Ba chị em kế tiếp nhau đi thành một hàng. Gùi măng của người nào cũng đầy.

Từ sáng đến giờ chỉ có một mình Bưởi chịu khó làm việc. Chanh và Cam hái mỗi người chưa được một phần ba gùi măng thì đã bỏ gùi tìm chỗ có bóng cây êm mát ngồi chơi và xõa tóc bắt chí cho nhau. Bưởi phải tiếp tục hái măng cho đầy gùi của hai chị rồi mới đi hái cho đầy gùi của mình. Nàng chọn toàn thứ măng non mới từ dưới đất nhú lên. Thứ măng này ăn mềm và ngọt. Hái măng già đã bắt đầu nở lá thì về sẽ bị bà Bảy đánh đòn. Bưởi là con út nhưng không được cưng bằng hai chị, bởi vì nàng là con nuôi. Nhan sắc mặn mà hơn hai chị cho nên nàng thường hay bị ganh tị. Nàng làm việc rất giỏi, nhiều khi làm đỡ cả một phần lớn công việc của hai chị; nhưng vì ganh tị, hai chị vẫn thường nói xấu nàng để nàng bị đòn. Bà Bảy nuôi nàng làm con nuôi là vì bất đắc dĩ. Bưởi là cháy gọi bà bằng cô. Bưởi mồ côi cha, đến khi mẹ mất thì bà Bảy phải đem nàng về nuôi.

Ba chị em đi đến rừng sim gần bờ suối thì dừng lại buông gùi xuống đất nghỉ mệt. Chanh đề nghị đi hái sim ăn. Cam và Bưởi nghe theo. Họ vừa hái sim vừa nô đùa cùng nhau; tiếng cười vang động cả ven rừng. Chẳng mấy chốc mà trăng lên. Bưởi giục hai chị về nhà kẻo muộn, nhưng Chanh và Cam chưa muốn về. Chanh đề nghị xuống suối tắm. Cam tán thành. Vậy là ba chị em đến gốc duối, trút bỏ xiêm y, rồi chạy xuống suối ngâm mình trong nước mát. Họ tiếp tục nô đùa, tát nước lẫn vào nhau và la hét inh ỏi.

Bỗng nhiên Bưởi nghe có tiếng đằng hắng nhè nhẹ. Đưa mắt nhìn quanh, nàng không thấy một bóng người. Tiếng đằng hắng ấy phải là tiếng đằng hắng của đàn ông, không thể là tiếng của một trong hai chị

được. Bỗng nhiên Bưởi nhìn lên mặt trăng. Trên mặt trăng, một chàng nông dân đang chống cuốc nhìn xuống, mỉm cười. Bưởi xấu hổ quá; nàng hạ mình xuống thấp cho nước ngâm tới cổ. Trong khi ấy Chanh và Cam vẫn vô tình nô đùa dưới suối. Đợi khi có đám mây tới che lấp mặt trăng, Bưởi mới vội vàng chạy ra khỏi nước, tới dưới gốc cây duối và quấn xiêm mặc áo. Chanh và Cam thấy thế, tưởng Bưởi không muốn tắm nữa, liền gọi:

- Bưởi! Bưởi! Xuống tắm nữa đi, vội vàng về mà làm gì thế?

Không trả lời, Bưởi hất đầu làm dấu chỉ lên phía mặt trăng. Lúc bấy giờ đám mây đã bay khỏi, mặt trăng lại lồng lộng sáng. Hai người nhìn lên thấy chàng nông dân đang chống cuốc nhìn xuống; nhưng chàng nông dân không nhìn họ mà lại nhìn Bưởi đang nấp dưới lá cành. Hai người làm đủ cách mà chàng trai không để ý tới họ. Một lát, nhiều đám mây lớn lại tới che lấp mặt trăng. Họ bực mình chạy lên bờ, quấn xiêm mặc áo và mang gùi lên vai. Trên đường về, hai chị em Chanh và Cam không thèm đả động tới Bưởi. Mặt trăng đêm đó không lộ hình ra lần nào nữa.

Bà Bảy mắng Bưởi vì hai tội: tội về nhà trễ và tội hái măng già. Thật ra măng của Bưởi hái trong ba gùi toàn là măng non, ăn rất mềm và ngọt. Chỉ trong số măng của hai chị hái mới có măng già. Nhưng Cam và Chanh làm thinh để cho Bưởi bị măng. Tội về nhà trễ cũng không phải là do Bưởi, hai người cũng biết như vậy. Và có lẽ bà Bảy cũng biết như vậy, nhưng bà vẫn mắng Bưởi bởi vì bà đã quen trút tất cả mọi bất bình của mình trên đầu cô gái nuôi biết nhẫn nhục ấy.

Tối hôm sau có hội trăng rằm, cả nhà đều được đi dự, duy Bưởi không được đi. Chanh và Cam không muốn chàng trai trên mặt trăng cứ đăm đăm nhìn Bưởi mà không thèm để ý tới ai khác. Hai chị em bèn thưa với bà Bảy bắt Bưởi ở nhà, lấy cớ là phải có người ở nhà xem chừng lợn kẻo kẻ trộm vào bắt. Muốn cho chắc ăn, hai người lại tìm cách giấu xiêm áo của Bưởi trong bồ lúa. Với xiêm áo xơ xác mặc trong nhà, Bưởi sẽ không dám ra khỏi bếp, và sẽ không có Bưởi tại hội trăng rằm đêm nay.

Trống đã giục từ hồi canh hai và lòng Bưởi nao nao. Một năm có được mấy đêm hát hội trăng rằm? Ở nhà một mình nghe tiếng trống giục, Bưởi sốt ruột quá. Nàng chạy ra sân nhìn trăng cho đỡ buồn. Đêm nay trời trong không có một gợn mây. Trăng vằng vặc. Nhưng không có bóng người con trai chống cuốc nhìn xuống. Xem bộ anh chàng không biết đêm nay dưới đất có hội hay sao? Nhìn trăng và nghe trống giục một hồi thì thấy nôn nao quá, Bưởi định bỏ nhà đi xem hội. Nhưng khi định thay áo thì không thấy xiêm y đâu nữa. Chắc chắn là hai chị đã đem giấu mất rồi. Nàng đi sục sạo một hồi nhưng không thấy. Bưởi ngồi thừ xuống suy nghĩ. Bưởi nhớ lại cách bà Bảy và hai chị đối xử với nàng từ xưa đến nay. Những lần bị bắt nhịn đói, những lần bị đánh mắng oan ức, những lần bị chèn ép, áp chế. Chanh và Cam năm nào cũng được may xiêm áo mới. Còn Bưởi có một bộ từ ba năm qua tuy còn lành lặn nhưng cũng đã mòn cũ đi rồi. Thế mà còn đem giấu mất của người ta. Tại sao con người lại có thể ác độc với nhau như thế, Bưởi thầm nghĩ, và một niềm oán hận trào lên trong lòng nàng. Bưởi quyết định bỏ nhà ra đi. Nàng vào bếp lấy chiếc dao con của nàng mang theo, và bước ra khỏi nhà, khép cửa lại. Bưởi tìm vào rừng mà sống.

Khuya ấy khi Chanh, Cam và bà Bảy đi hát hội về thì không thấy Bưởi đâu nữa. Nghĩ rằng Bưởi đã trốn đi dự hội với bộ xiêm áo rách nát, bà Bảy định bụng sáng mai khi Bưởi về thì sẽ đánh cho một trận nên thân và đuổi nàng ra khỏi nhà vì tội không biết vâng lời. Nhưng suốt một ngày hôm sau, bà vẫn không thấy Bưởi về. Chanh phải lo gánh nước, nấu cơm, quét nhà. Cam phải đi vớt bèo, nấu cháo cám cho lợn ăn. Họ vừa làm vừa thầm rủa Bưởi. Nếu có Bưởi ở nhà thì họ đâu có phải mó tay vào các công việc này. Mấy ngày trôi qua, Bưởi vẫn không về. Họ biết Bưởi đã bỏ nhà ra đi. Thiếu Bưởi, công việc nhà chất đống lại. Ba mẹ con bà Bảy lúc đó mới thấy thiếu Bưởi là thiếu nhiều quá. Chanh và Cam chỉ chịu làm những việc cần thiết như gánh nước, vo gạo nấu cơm thôi, còn những công việc như dọn dẹp, quét tước, trồng tỉa, chăn nuôi, v.v... thì các cô thây kệ. Tin Bưởi bỏ nhà ra đi bây giờ cả xóm đều biết. Dân xóm thì thào vì biết rằng Bưởi bỏ nhà ra đi là vì bà Bảy khe khắt với đứa con nuôi. Trong làng có một chàng

thanh niên tên là Ổi. Ổi là người hiền hậu và chăm làm. Chàng từng đem lòng yêu dấu Bưởi. Mẹ chàng đã đến dạm hỏi Bưởi cho chàng nhưng bà Bảy từ chối, nói rằng phải gả Chanh và Cam trước. Bà đề nghị gả Chanh cho Ổi. Nhưng Ổi không chịu. Ổi chờ đợi. Bưởi cũng biết chuyện đó. Bưởi biết là Ổi thương mình, và nàng cũng hơi có cảm tình với người con trai kia. Bưởi chưa nghĩ nhiều đến chuyện vợ chồng.

Sáng nay Ổi ghé qua nhà bà Bảy để hỏi thăm về cái tin đồn là Bưởi đã bỏ nhà ra đi, gặp lúc bà Bảy đang thuê người lên rừng tìm Bưởi. Ổi tình nguyện đi với đám người này. Họ mang ná, cầm dao, như là đi săn thú. Sau ba ngày sục sạo, họ không thấy dấu vết nào của Bưởi. Có thể là Bưởi đã bị một con trăn nuốt sống hoặc một con cọp nhai xương rồi. Ổi về nhà, buồn lắm; luôn ba hôm chàng không ăn được cơm. Bà Bảy tiếc Bưởi là tiếc một người làm lụng giỏi. Thấy công việc nhà bê bối quá, bà bắt đầu la mắng Chanh và Cam. Không khí trong nhà bây giờ khó thở lạ. Ba mẹ con thầm tiếc sự có mặt của Bưởi.

Bưởi đang hái trái sung ăn thì nghe có tiếng nhiều người đi lại. Nàng nhìn quanh chưa biết trốn ở đâu thì bỗng thấy có một bọng cây rất lớn không xa chỗ mình đứng. Bưởi liền bước vào ngồi thu hình trong bọng cây. Một lát Bưởi nghe tiếng người nói chuyện, biết rằng đám người này được bà Bảy thuê đi tìm mình. Sợ bị bắt đem về thì thế nào Bưởi cũng bị bà Bảy trói lại và đánh đập trong nhiều ngày, Bưởi nín thở ngồi yên thin thít. Một lát sau có người nói:

- Tìm khắp rừng mà không thấy nó, chắc nó bị cọp ăn thịt mất rồi. Thôi, đi về thôi.

Bưởi ngồi đợi thật lâu cho đoàn người đi thật xa rồi mới dám thở mạnh. Nàng bước ra khỏi bọng cây. Ghê quá, nếu trong bọng cây này mà có một con rắn thì nguy cho mình biết mấy. Bưởi biết rằng từ nay người ta sẽ không còn lên tận miền này để tìm mình nữa cho nên an tâm bẻ lá bẻ cành che thành một túp lều để ở. Rất quen với núi rừng cho nên Bưởi tìm ra rau trái rất dễ. May cho Bưởi là từ khi lên rừng cho đến nay Bưởi chưa từng gặp thú dữ rắn độc. Nàng đã nhiều lần

gặp nai, gặp thỏ, nhưng chưa bao giờ Bưởi có ý bắt giết những con vật này để ăn thịt.

Một hôm đi hái măng về luộc ăn, Bưởi thấy một mụt măng màu đỏ hồng ngời như mã não, mùi thơm như mùi hoa mộc hoa cam. Bưởi liền lấy con dao ra, đào đất chung quanh mụt măng và bứng cả khối rễ đem về trồng bên túp lều của mình. Để cho cây măng sống, mỗi ngày Bưởi đều tưới cho măng một gáo nước. Cây măng của Bưởi mọc rất mau. Chẳng mấy ngày mà măng đã thành cây tre; vỏ tre xanh biếc, thân tre thẳng, lá tre óng mượt. Bưởi thấy vậy càng thêm yêu quý chăm sóc cây tre. Thấm thoát cây tre đã cao bằng ba lần túp lều của Bưởi. Một đêm kia, trời nóng, thao thức ngủ không yên, Bưởi bứt rứt trỗi dậy ra suối tắm. Trăng rừng sáng tỏ. Đang tắm, bỗng Bưởi nhớ lại đêm trăng ngày xưa, khi đi hái măng về, cùng hai chị tắm suối gần gốc cây duối. Bưởi ngẩng đầu lên nhìn mặt trăng thì lạ chưa, nàng bỗng thấy chàng nông dân trẻ tuổi trên mặt trăng đang chống cuốc nhìn xuống đất mỉm cười với nàng.

Bưởi lại e thẹn: nàng lại ngâm trọn thân hình dưới suối, chỉ chừa có cái mũi và hai con mắt. Một lát, mây kéo tới, che lấp mặt trăng. Bưởi lại vội vàng lội ra khỏi nước, quấn xiêm y lại và chạy về lều. Nhưng từ lúc ấy, trăng rừng không sáng nữa. Mây đen kéo về đầy trời. Rồi trời mưa tầm tã suốt đêm. Mưa như trút nước. Trời vừa hé sáng Bưởi đã bị đánh thức bởi một âm thanh kỳ dị. Đó là tiếng nước suối tràn bờ. Nước từ trên núi đổ xuống đang dâng ngập vùng Bưởi ở. Gió thổi rất mạnh. Nhìn quanh, Bưởi thấy một vùng trắng xóa. Chưa biết phải làm gì thì Bưởi thấy nền nhà của căn lều đã bị nước dâng tràn ngập. Nước đến mắt cá rồi đầu gối của Bưởi. Cuống quá, Bưởi ôm lấy cây tre, trèo lên. Nàng trèo lên cao quá túp lều và nhìn ra xa. Vẫn chỉ thấy có một màu mưa bạc. Nước lại dâng cao hơn, Bưởi lại trèo lên cao hơn. Hai chân và hai tay Bưởi bám chặt vào cây tre. Cây tre rất thẳng và rất khỏe, đứng rất vững trong lòng nước chảy xiết. Hình như cây tre càng lúc càng mọc cao thêm. Bưởi thấy mình đã cao hơn những cây cao nhất trên rừng, mà nhìn lên, đọt tre còn cao tuốt; lá tre xanh thấp thoáng bay trong màn mưa bạc.

Cây tre bỗng oằn xuống dưới sức gió, đọt tre nghiêng về phía buôn của nàng, và Bưởi thấy rõ căn nhà của bà Bảy nằm giữa mấy cây cau đang oằn oại trong gió. Cây tre đưa Bưởi sát tới mái nhà, và nếu Bưởi muốn, nàng có thể nhảy xuống mái nhà và lên tiếng gọi bà Bảy đem thang cho nàng leo xuống. Nhưng nghĩ đến những buổi đánh đập, những cơn đay nghiến của bà Bảy cùng những ghen ghét thường ngày của hai chị, Bưởi ngập ngừng chưa muốn nhảy xuống. Cuối cùng, Bưởi nhất định chết thì chết chứ không trở về mái nhà cũ. Một lát sau, cây tre bỗng vút lên đứng thẳng lại, ngọn tre quất vào mặt trăng. Bưởi thấy mặt trăng chỉ còn cách đầu mình có bốn năm thước. Nàng đem hết sức lực bám vào thân tre, trèo lên. Cuối cùng, Bưởi đã đặt chân lên trên mặt trăng.

Trên mặt trăng vậy mà rộng rãi ghê. Đá, cát và đất ở đây màu vàng chứ không phải màu nâu, màu đỏ và màu mun như dưới mặt đất. Bưởi trông thấy ruộng vườn, làng mạc và những con đường băng qua ruộng. Ruộng ở đây trồng một thứ lúa lạ, không giống lúa ở dưới mặt đất. Nhà cửa cũng không giống. Nhà cửa có rất nhiều cửa sổ và xây cất kín đáo hơn nhà cửa dưới đất. Bưởi nghe tiếng chim hót, ngẩng nhìn lên. Giống chim này Bưởi chưa từng thấy. Mà cái cây trên đó con chim đang đậu và hót cũng là một cái cây lạ. Bưởi không ngớt ngạc nhiên. Bưởi đi trên đường ruộng, và chân Bưởi đưa Bưởi tới một căn nhà nhỏ nhưng có vẻ sạch sẽ và gọn gàng. Định vào hỏi thăm, nhưng không thấy người, cho nên Bưởi cứ đứng chần chừ trước ngõ. Bỗng có tiếng đằng hắng quen thuộc sau lưng. Bưởi quay lại nhìn. Thì ra đó là anh chàng nhân dân mà Bưởi đã thấy trên mặt trăng hôm tắm suối dưới đất. Anh ta vác một cái cuốc, mặt anh ta tươi cười như người bắt được vàng.

Bưởi hơi luống cuống. Nhưng mình đã lên đây, không lẽ không hỏi thăm để cho biết xứ sở của người ta. Bưởi liền lấy lại bình tĩnh và nói:

- Đây có phải là nhà của anh không?

Người nhân dân trẻ gật đầu rồi hỏi lại:

- Cô có phải là người dưới đất mới lên không?

Tiếng nói rất lạ tai, nhưng không biết làm thế nào mà Bưởi hiểu được. Bưởi gật đầu rồi nói:

- Dưới đất có lụt; tôi lên đây chơi ít bữa rồi thì xuống lại.

Chàng nông dân mời Bưởi vào nhà, đem nước ra mời Bưởi uống. Hai người ngồi nói chuyện. Nói chuyện hồi lâu, Bưởi biết chàng nông dân tên là Đan. Đan chưa có vợ. Đan sống một mình. Cha mẹ Đan đã chết rồi. Đan có hai người em gái đã đi lấy chồng xa. Đan có tám mẫu đất; sáu mẫu ruộng và hai mẫu vườn. Vườn trồng trái cây, ruộng thì trồng lúa, trồng khoai. Đan phải một mình chăm sóc cả tám mẫu. Bưởi nói:

- Đây không phải là lần đầu tiên tôi thấy anh đâu.

Đan cũng nói:

- Đây cũng không phải là lần đầu tiên tôi thấy cô. Tôi thấy cô lần đầu hôm cô đi hái măng về với hai người khác và ghé suối tắm. Rồi tôi thấy cô ở rừng, cất lều, trồng tre, tưới nước cho tre, đi hái trái cây và rau rừng. Rồi mới hôm qua đây tôi lại thấy cô tắm suối một mình.

Bưởi nhớ lại cảnh tượng hôm qua khi trăng còn sáng tỏ. Bưởi cúi xuống nhìn, bỗng xấu hổ đưa tay che ngực. Xiêm y của cô không lành lặn, nhiều chỗ rách khiến bày cả da thịt ra ngoài. Nhưng Đan nói: "Không sao đâu, cô Bưởi", rồi đi vào nhà trong. Một lát, Đan đem cho Bưởi một bộ áo quần lạ, nói là của cô em gái út để lại, bảo Bưởi vào nhà trong mà thay.

Bưởi ngại ngừng nhưng cuối cùng cũng nhận lời, đỡ lấy bộ áo quần. Đan đưa Bưởi vào nhà trong và để Bưởi một mình. Rồi Đan bước ra ngoài, khép cửa lại sau lưng. Bưởi trút xiêm y còn ướt nước mưa của mình, rồi loay hoay mặc bộ quần áo mới. Áo quần gì lạ thật. Bưởi mặc ngược mấy lần. Cuối cùng Bưởi cũng mặc xong được bộ áo quần và mở cửa ra ngoài.

Bưởi xin phép đi giặt bộ áo quần ướt của mình để hôm nào xuống lại mặt đất thì trả lại bộ quần áo trăng mà mặc vào người. Đan đưa Bưởi

ra bến nước. Đan đợi Bưởi giặt xong, hai người cùng về. Đan vào bếp một mình. Một lát Đan đem ra một mâm cơm. Mâm cơm thật lạ. Không có đũa. Đan mời Bưởi ăn. Bưởi bắt chước Đan ăn, vừa ăn vừa tức cười. Rồi Đan hỏi chuyện Bưởi. Bưởi vui lòng kể hết cho Đan nghe. Đan nghe xong, thương quá, đề nghị Bưởi cùng Đan kết nghĩa vợ chồng. Đan nói:

- Mình lấy nhau rồi thì ta cùng chung sức làm tám mẫu đất. Ở đây có dư ăn, tội gì về lại dưới đất. Ở nhà bị má Bảy và hai chị hà hiếp. Ở lều thì phải đi hái trái rừng và rau rừng, ăn mãi xót ruột chết.

Nghĩ mãi, thấy tự thương cho thân phận mình, nên Bưởi quyết định ở lại mặt trăng. Hai người thành đôi vợ chồng. Bưởi học tiếng nói của chồng, và trong ít lâu, Bưởi có thể nói chuyện với người trong xóm trong làng. Bưởi học làm ruộng làm vườn theo đời sống trên trăng rất mau. Chẳng mấy chốc mà hai người có một đời sống sung túc. Bưởi sinh được hai đứa con, đứa lớn con trai sinh vào mùa hè, Bưởi đặt tên là Hạ; đứa nhỏ con gái sinh vào mùa xuân, Bưởi đặt tên là Xuân.

Bà Bảy một hôm đi rừng hái măng với hai cô gái đã khám phá ra được túp lều của Bưởi, biết rằng Bưởi còn sống và hiện đã leo tre lên sống trên mặt trăng. Bà ta muốn leo lên mặt trăng để dụ dỗ Bưởi về, hứa hẹn từ đây sẽ thương yêu Bưởi ngang hàng với Chanh và Cam. Nhưng làm sao mà bà leo lên tới mặt trăng được? Bà mập quá. Hai cô con gái của bà cũng không đủ sức. Đó là vào một buổi sáng hạ tuần, mặt trăng chưa lặn, còn lơ lửng trên lưng chừng trời. Đứng dưới đất nhìn lên, thấy thân tre vươn thẳng cao vút, đọt tre như trộn lẫn với cành đa của chú Cuội. Nhìn kỹ bà thấy thấp thoáng dáng điệu quen thuộc của Bưởi đang đi thăm ruộng về. "Cái con nhỏ làm việc thiệt giỏi", bà thầm nghĩ, "Từ ngày vắng nó, mình mới biết là nó giỏi". Bà nghĩ ra được một kế để dụ Bưởi. Mừng thầm trong bụng, bà giục Chanh và Cam về.

Sáng hôm sau, bà Bảy đi chợ nói với các bà bạn rằng hễ chàng trai nào leo lên mặt trăng gọi được Bưởi về thì bà sẽ gả Bưởi cho. (Bà đâu biết

là Bưởi đã lấy chồng trên mặt trăng!). Phút chốc tin Bưởi lên trăng cả chợ đều biết. Chiều đó bà con trong cả mấy làng lân cận đều hay tin Bưởi leo tre lên trăng. Những chàng trai muốn cưới Bưởi mà bị Chanh và Cam chặn đường, nay lại thấy có hy vọng. Họ tìm tới nhà bà Bảy. Người ta đếm cả thảy là mười sáu chàng, trong số đó có cả anh chàng Ổi dễ thương ngày nọ.

Cả đoàn người cùng lên đường tìm tới túp lều năm xưa của Bưởi. Túp lều đã xiêu vẹo; những tấm tranh mà Bưởi lợp trên mái đã bị gió thổi bay đi gần hết. Duy có cây tre vẫn còn đứng thẳng, xanh mướt, đọt tre chấm thẳng vào mây.

"Có chắc là cây tre lên thẳng mặt trăng không?" Một anh chàng hỏi. Hôm nay trời có mây. Không ai thấy trăng cả. Bà Bảy nói:

- Chắc chắn, chính mắt tôi thấy con Bưởi trên trăng, như là đang đi thăm ruộng; cây tre đi thẳng lên mặt trăng. Cậu nào lên được mà dụ nó về thì tôi sẽ bằng lòng gả nó. Tôi nói thiệt.

Anh chàng vừa đặt câu hỏi hồi nãy liền bước tới, tay tựa vào thân tre. Bà Bảy vội nói:

- Khoan, cậu thong thả để tôi dặn. Nếu lên được trên ấy thì cậu nói với con Bưởi là tôi nhớ nó lắm, nhờ cậu đi gọi nó về, và tôi hứa là từ rày về sau tôi sẽ thương yêu nó, không còn đánh mắng nó như trước nữa đâu.

Chàng trai gật đầu và bám vào thân cây thoăn thoắt leo lên. Nhưng thân tre trơn quá. Mới lên chừng năm sáu thước thì chàng ta tuột xuống. Các mắt tre phía trên không có ngấn nhiều, hai chân không biết bám vào đâu, thành ra không thể bám vào thân tre được. Anh chàng nhổ nước bọt vào hai tay, xoa xoa vài cái, rồi lại bám vào thân tre trèo lên. Nhưng lần này chàng ta cũng không lên cao hơn được lần trước, trước khi chàng ta bị tuột xuống lại.

Các chàng khác lần lượt thử sức mình. Mỗi người thử hai ba lần. Nhưng không ai thành công. Đến lượt Ổi. Chàng cũng thử tới ba lần, nhưng rồi chàng cũng bị tuột xuống.

Thế là cả đoàn người tiu nghỉu ra về. "Cây tre trơn tuột như thế làm sao mà Bưởi leo lên tới trăng được?" Mọi người thầm hỏi như thế. Ổi cũng thầm hỏi. Trong lòng nhiều chàng trai, một mối nghi ngờ dấy lên. Có lẽ không phải là cô gái đã lên tới mặt trăng. Có lẽ đây là một âm mưu để mình bỏ theo đuổi Bưởi mà hướng về Chanh và Cam. Nghĩ như vậy nên nhiều người sinh ra ghét bà Bảy. Ai về nhà nấy, họ không nói chuyện với bà ta nữa.

Riêng Ổi thì khác. Ổi tin rằng Bưởi đã lên tới mặt trăng dù không biết Bưởi làm thế nào mà leo xa như thế được. Ổi có một trực giác, một niềm tin. Sáng hôm sau, vừa tinh sương đã thấy Ổi lên tới túp lều xiêu vẹo của Bưởi. Ổi mang theo một con rựa và một nậm bầu đựng nước. Và Ổi nhất định leo lên.

Ổi là một chàng trai khá thông minh. Anh leo lên tới chỗ bắt đầu trơn láng của thân tre thì rút rựa ra chém một lát vào thân tre. Chàng chém nghiêng lát rựa, và chém nhẹ thôi, đủ để tạo ra một cái mắt tre nhân tạo. Rồi Ổi bám hai chân vào nơi ấy mà đứng. Hay quá, Ổi không tuột. Chàng chém thêm một nhát. Lần này nhát chém cao hơn một bước. Dắt rựa vào lưng, Ổi đặt chân phải vào chỗ ấy và leo lên. Cứ như thế Ổi lên cao từ từ. Những vết chém trên thân tre phía dưới bắt đầu lành lặn trở lại. Đến trưa, Ổi đã leo cao đến bốn trăm thước. Nhìn xuống, Ổi thấy rừng cây xanh đậm. Túp lều của Bưởi nhỏ quá, không còn trông thấy nữa. Ổi rút nạm bầu nước ra, mở nút và nghiêng bầu uống một hớp cho đỡ khát. Xong chàng đậy nậm, gài vào lưng. Đường leo còn dài, Ổi phải hà tiện nước. Ổi kiên nhẫn leo, thỉnh thoảng dừng lại ôm cây tre mà thở và nghỉ cho đỡ mệt. Bây giờ Ổi không dám nhìn xuống đất nữa, bởi vì Ổi đã lên cao quá, nhìn xuống sợ chóng mặt. Ổi leo như vậy tới hai ngày hai đêm.

Sáng ngày thứ ba, Mặt Trời vừa lên chiếu ấm thì Ổi nghe một tiếng chim trên đầu. Ngẩng nhìn lên, Ổi thấy mặt trăng đã gần; chàng chỉ cần leo thêm mươi thước nữa thì tới. Lá tre lòa xòa phía trên. Ổi như có thêm sức mạnh. Trong vòng vài ba hơi thở, Ổi đã leo tới mặt trăng. Chàng víu vào một cành tre, bước lên mặt trăng.

Ổi lên tới mặt trăng thì mệt hơn ngày Bưởi lên nhiều, cho nên ta thấy Ổi không chú ý đến cảnh vật. Sẵn con đường rộng, Ổi cứ đi. Cố nhiên là con đường này đưa tới nhà Đan. Tới cổng nhà Đan, Ổi không thấy ai. Chờ mãi không thấy người tới để hỏi thăm, Ổi liền tiện đường đi ra vườn. Bỗng Ổi thấy thấp thoáng dáng Bưởi trong một đám ruộng có trái như trái dưa. Ổi núp sau một đám dưa, đưa hai tay lên miệng, giả làm chim tu hú.

Quả nhiên đang đi thăm dưa nghe tiếng tu hú thì Bưởi dừng lại ngơ ngác nhìn. Năm năm trời ở trên trăng, đây là lần đầu tiên Bưởi nghe âm thanh quen thuộc này. Nàng dáo dác tìm. Ổi kêu thêm một tiếng tu hú nữa thì Bưởi tìm ra được chàng.

Ổi đứng dậy đón Bưởi. Bưởi ngạc nhiên. Năm năm nay mới gặp một người dưới đất, mà là người mình có cảm tình nhiều nhất. Mừng quá, Bưởi hỏi Ổi lên hồi nào. Ổi nói Ổi mới lên. Hai người ngồi bên bờ ruộng nói chuyện. Bưởi nói nghe tiếng chim tu hú Bưởi sinh ra nhớ nhà quá sức.

Chuyện trò hồi lâu thì Ổi biết rằng Bưởi đã có chồng. Ổi nghe đau nhói trong tim, nhưng Ổi gắng không tỏ vẻ thất vọng. Ổi hỏi Bưởi về đời sống trên mặt trăng. Bưởi kể cho Ổi nghe về sự làm ăn, cách phục sức, cách ăn uống và các phong tục tập quán ở trên trăng. Rồi Bưởi hỏi chuyện Ổi về đời sống dưới đất. "Mấy năm nay dưới đất không có lụt lội. Xóm làng được mùa, vui lắm. Bưởi nên về lại dưới đất mà ở. Trên này đời sống khác lạ quá, chắc Bưởi không được sung sướng".

"Mình có sung sướng không?", Bưởi tự hỏi. Trong năm năm qua, Bưởi sống yên bình. Đan hiền lành, chưa khi nào nói nặng lời với Bưởi. Công việc làm ăn khấm khá, hai vợ chồng chưa hề bị đói lạnh. Hai đứa con của Bưởi là thằng Hạ, bốn tuổi, và con Xuân, ba tuổi, đều kháu khỉnh, dễ thương. Nghĩ đến đời sống bên cạnh Chanh, Cam và bà Bảy, Bưởi còn rùng mình. "Vậy thì mình sống trên này sung sướng hơn". Nghĩ như vậy Bưởi nói với Ổi:

- Anh Ổi ạ, tôi ở trên này yên phận rồi. Tôi không về dưới ấy đâu. Về thì thế nào cũng gặp bà Bảy. Tôi khổ sở vì cái gia đình ấy

nhiều rồi, anh cũng biết. Với lại tôi ở đây đã có chồng, có con rồi, bỏ về dưới ấy sao được?

Biết không thể thuyết phục Bưởi bỏ cuộc sống trên trăng được. Ổi xoay câu chuyện sang hướng khác. Ổi kể cho Bưởi nghe về đời sống dưới đất. Ổi kể chuyện ngày mùa. Ban ngày trai gái trong làng ra đồng vừa gặt lúa vừa cùng nhau hát đối. Tối đến dưới ánh trăng vàng, họ tụ tập trên sân gạch, vừa đập lúa vừa nô đùa. Mắt Bưởi sáng lên. Biết Bưởi nhớ đất, Ổi nhắc cho Bưởi nghe, tả cho Bưởi nhớ những cảnh tượng quen thuộc dưới đất. Nào những lúc tắm suối, nào những sáng hái sim, nào những đêm hát hội trăng rằm, nào những ngày đầu xuân ấm áp hoa mai, hoa đào nở đầy thôn xóm núi rừng. Ổi lại nhắc tới những món ăn quen thuộc dưới đất như bánh tét, bánh chưng, xôi đậu, bánh bò, me ngào, chuối chưng, đậu đỏ bánh lọt nước dừa, dưa cải kho cá trên, canh chua cá lóc, chè đậu xanh nước dừa đường cát, bánh đúc chấm mật mía... làm Bưởi cứ nuốt nước miếng ừng ực. Lâu nay Bưởi đâu được ăn những thứ ấy.

- Bưởi không xuống dưới đất sống thì thôi, tôi không ép. Nhưng mà Bưởi có thể về thăm chơi vài hôm rồi lên trở lại.

Mắt Bưởi sáng lên. "Ừ thì mình xuống chơi rồi chiều trở lên cũng được. Đan đưa mấy đứa nhỏ sang làng bên thăm cô ruột của chúng, chắc tối mịt mới về". Nghĩ vậy, Bưởi nói:

- Vài hôm thì nhiều quá, không được anh ạ. Chiều tối ba cha con về không có mặt tôi sao được. Tôi chỉ có thể xuống chơi một buổi rồi tối nay tôi lại trở lên.

Trong trí Bưởi, lên trăng xuống đất chỉ là công việc của một khắc đồng hồ. Ngày xưa Bưởi chỉ trèo có mấy chục thước là lên tới mặt trăng. Bưởi đâu có biết rằng chính cây tre mọc cao đưa Bưởi lên chưa. Bưởi có leo được bao nhiêu đâu. Về phần anh chàng Ổi thì anh biết rất rõ: tuột xuống cây tre có thể là mau, nhưng leo lên mặt trăng thì giỏi lắm cũng phải hai ngày hai đêm. Tuy vậy anh ta làm thinh không nói. Anh ta phải làm sao cho Bưởi xuống đất trước đã. Cả hai người hướng về phía đọt tre. Đến nơi, Ổi bảo Bưởi vịn một cành tre, đặt

chân lên thân tre, rồi ôm thân tre mà tuột xuống. Bưởi nghe lời. Bưởi tuột xuống rất mau. Đợi cho Bưởi tuột xuống khá sâu rồi thì Ổi mới bắt đầu ôm lấy thân tre mà tuột. Nhưng anh chàng chỉ tuột bằng hai bàn chân và cánh tay trái. Cánh tay còn lại Ổi dùng để cầm chiếc rựa. Tuột tới đâu Ổi chặt đứt thân tre tới đó. Ổi chặt thật mạnh khiến cho những đốt tre đứt rời ra và rơi xuống đất rào rào tới tấp.

Trong khi đó thì Bưởi cứ tiếp tục tuột xuống, không hay biết gì. Cuối cùng Bưởi xuống tới đất, buông thân tre, nhìn quanh. Bưởi nhận ra khu rừng năm xưa. Túp lều của Bưởi bây giờ xác xơ quá. Trời đã quá ngọ. Bưởi đang đứng nhìn cảnh cũ thì Ổi xuống tới. Ổi bảo:

"Bây giờ mà mình về xóm của Bưởi thì thế nào cũng gặp bà Bảy, rắc rối lắm. Chi bằng ta về xóm Thượng chơi, ở đây không ai biết Bưởi". Hai người men theo con đường rừng để đi về xóm Thượng.

Bưởi rất sung sướng khi thấy lại được cây sim, gốc tràm và những loài cây cỏ quen thuộc. Ra khỏi rừng, Bưởi vui mừng đi giữa những nương khoai. Rồi hai người đi vào một con đường rộng, hai bên có lúa lên xanh rì. Đất quả thiệt là quê hương của Bưởi. Một con châu chấu nhảy dưới chân Bưởi. Bưởi chạy theo úp tay thộp châu chấu. Con châu chấu lẹ hơn, thoát khỏi tay Bưởi, nhảy mất. Bưởi cười khanh khách như một cô bé. Hết ruộng lại tới vườn. Đi qua gần một cành ổi, Bưởi ngắt một lá ổi vò trong ngón tay và đưa lên mũi: đúng là mùi thơm ngọt của lá ổi. Bưởi lại ngắt một lá chanh đưa lên ngửi. Thật là đúng mùi lá chanh. Bưởi thấy ấm cả lòng. Vượt qua lũy tre xanh, hai người đi tới đầu xóm. Ở đây có giếng nước; có hai cô gái đang sàn sạt kéo gàu. Thấy Bưởi, họ trố mắt nhìn. Đó là tại Bưởi mặc xiêm y gì kỳ lạ. Bưởi hơi ngượng nghịu, rảo bước cho mau khuất. Khỏi lùm cây quanh giếng, Bưởi thấy có một bà bán hàng. Bà ta bán đậu đỏ bánh lọt nước dừa. Nghe tiếng bà ta rao, mấy đứa trẻ trong xóm chạy đến, Bưởi cũng sáng cả mắt. Ổi bảo Bưởi dừng lại. Hai người ngồi xổm xuống. Ổi mua đậu đỏ bánh lọt cho Bưởi và cho mình. Đã lâu quá không được ăn món này, Bưởi thích thú quá, ăn thêm một chén thứ hai. Bọn trẻ ăn xong chạy ra bãi thả diều. Bưởi bảo Ổi cùng đi theo bọn trẻ. Một đứa bé nâng con diều, một đứa khác cầm

đầu dây đưa lên cao, bắt đầu chạy. Hai đứa cùng chạy theo một hướng. Đứa sau bỗng đứng dừng lại và buông diều. Diều bắt đầu bắt gió, bay lên cao. Đứa bé cầm dây tiếp tục thả dây cho diều lên cao hơn.

Nhìn theo con diều lên cao, Bưởi bỗng nhớ tới mặt trăng. Trời đã ngả chiều. Bây giờ Đan và hai đứa con cũng sắp về tới. Bưởi giật mình bảo Ổi:

- Tôi phải trở lên trăng ngay mới được. Ổi đưa tôi về tận gốc tre nhé.

Nhưng Ổi lặng thinh. Nghĩ rằng Ổi muốn lưu mình ở chơi vài hôm, Bưởi nói với Ổi:

- Anh Ổi ạ, tôi không thể ở chơi dưới này lâu được. Tôi phải lên trên ấy. Anh Đan và các cháu chờ. Để dịp khác tôi sẽ xin xuống chơi lâu hơn.

Nhưng Ổi vẫn lặng thinh. Ổi vừa có vẻ buồn rầu vừa có vẻ lo sợ. Thúc giục mãi mà vẫn thấy Ổi ngồi yên, Bưởi sốt ruột quá đứng dậy, nói:

- Thôi nếu anh không đưa tôi về thì tôi về một mình vậy. Chào anh.

Rồi Bưởi hấp tấp bước theo lối cũ về rừng. Thấy vậy Ổi cũng đứng dậy chạy theo Bưởi. Bưởi đứng chờ Ổi một chút rồi lại rảo bước. Hai người đi tới chạng vạng tối mới đến được túp lều ngày xưa của Bưởi.

Trăng đã lên. Bưởi ôm lấy thân tre, chào Ổi và định leo lên thì Ổi nói:

- Bưởi ạ, không thể lên lại mặt trăng được đâu.

Định buông tiếng hỏi tại sao thì Bưởi nhác thấy những đốt tre ai chặt rơi đầy bốn phía. Nhìn lên, Bưởi thấy cây tre chỉn còn cao khoảng bốn năm cây sào, thân tre đứt ngang. Hoảng quá, Bưởi la lớn hỏi Ổi:

- Anh Ổi! Anh Ổi! Tại sao thế này? Tại sao cây tre bị chặt đứt thế này? Làm thế nào bây giờ hả anh Ổi? Anh Ổi!

Thấy Ổi ôm đầu không trả lời, Bưởi càng hoảng sợ. Bưởi tới lắc vai Ổi, hỏi:

- Có phải anh đã chặt đứt cây tre hay không? Ôi trời ơi là trời ơi! Anh Ổi! Anh nói đi! Có phải anh đã chặt đứt cây tre không?

Bưởi khóc rống lên, mái tóc xổ tung, hai mắt đỏ ngầu. Bưởi hết đập hai tay vào ngực mình lại đập hai tay vào vai Ổi. Bưởi hét to vào tai Ổi:

- Anh nói đi chứ! Anh điếc rồi hay sao? Tại sao anh chặt đứt cây tre?

- Tại vì Ổi thương Bưởi quá!.

Ổi chỉ nói được mấy tiếng đó rồi lại lấy hai tay ôm đầu ra vẻ hối hận.

- Thương tôi! Trời ơi, thương tôi mà chặt đứt cây tre không cho tôi về với chồng, với con! Anh Ổi ơi là anh Ổi ơi!

Cả một khu rừng vang tiếng khóc than kêu gào của Bưởi. Mặt trăng sáng tỏ vằng vặc. Ngẩng nhìn lên trăng, Bưởi không thấy gì hết. Nghĩ tới chồng, tới con giờ này đang trông đợi, Bưởi lại khóc òa như mưa.

Bưởi khóc như vậy trong bảy ngày bảy đêm, không ăn cũng không ngủ. Ổi yên lặng đi chặt lá đốn tre, che lại túp lều cho đỡ mưa nắng và hái mang về cho Bưởi các thứ trái rừng. Nhưng Bưởi không động tới trái cây và nước suối của Ổi mang về. Có lúc khô cổ quá thì Bưởi đi ra suối vốc nước uống. Rồi Bưởi vốc nước rửa mặt và ngồi bên suối. Ngồi nghỉ hồi lâu nhớ tới chồng con, Bưởi lại khóc.

Trong khi đó thì Ổi đã về xóm, gùi lên một ít thức ăn và dụng cụ làm bếp. Ổi lấy một nắm gạo nấu cháo cho Bưởi. Lần đầu tiên Ổi đưa cháo cho Bưởi thì Bưởi gạt ra. Ổi đặt bát cháo xuống giường. Suốt hai ngày Bưởi không động tới cháo. Ngày thứ ba Ổi nấu cháo mới cho Bưởi. Vừa đưa đến Bưởi lại gạt ra. Lần này Ổi không đặt cháo xuống giường nữa mà cứ cầm trên tay. Ổi cầm bát cháo cho đến khi mỏi tay phải thì thay sang tay trái, tay trái mỏi thì thay sang tay phải. Cứ như thế Ổi nâng bát cháo ngồi bên Bưởi suốt một đêm. Cho đến sáng hôm

sau chịu không nổi nữa, Bưởi cầm lấy bát cháo đặt xuống giường. Nhưng Bưởi không ăn, cũng không nhìn tới bát cháo.

Ổi ra rừng đốn cây để làm giường, làm ghế. Ổi ở ngoài rừng suốt ngày. Chiều hôm ấy trở về lều, Ổi vui mừng thấy bát cháo trên giường Bưởi chỉ còn là cái bát không. Mấy trái cây rừng Ổi để trên giường Bưởi bây giờ cũng không còn nữa. Chắc chắn là Bưởi đã ăn rồi. Ổi chạy đến để tay trên vai Bưởi. Bưởi lấy tay hất tay Ổi ra.

Nhưng Ổi không thất vọng chút nào. Bưởi đã khóc hết nước mắt, bây giờ Bưởi không khóc nữa. Ổi biết mình phải kiên nhẫn. Ổi chăm sóc lo lắng cho Bưởi một cách im lặng. Ổi làm việc suốt ngày, chặt tre, đốn gỗ, đan tranh. Túp lều biến thành một ngôi nhà xinh xắn. Một hôm Ổi lại can đảm để tay lên vai Bưởi. Bưởi không hất tay Ổi ra nữa. Bưởi đã tha thứ cho Ổi. Bưởi đã biết chấp nhận số phận của mình.

Ổi phá một khoảng rừng, gieo lúa, trồng bắp. Bưởi và Ổi bắt đầu lại một cuộc sống mới bên nhau. Thỉnh thoảng hai người mới về chợ để bán củi, mua muối, mua đường. Bưởi cố ý không về xóm cũ, sợ bà Bảy bắt gặp.

Thỉnh thoảng lại nhớ chồng con giờ này đang thui thủi trên trăng, Bưởi lại ôm mặt khóc. Và những đêm trăng rằm, Bưởi hay ngồi nhìn trăng. Bưởi nhìn mãi mà không thấy bóng Đan, Hạ và Xuân trên đó. Chỉ thấy lá cành của cây đa phất phơ như vẫy tay gọi Bưởi.

Cuối năm ấy Ổi bàn với Bưởi dọn nhà về xóm Thượng. Ổi nghĩ xóm Thượng có chợ, có người, vui vẻ hơn, ít làm cho Bưởi nhớ tới người cũ. Họ dọn về xóm Thượng. Chẳng mấy lúc mà Ổi tậu được ruộng vườn. Bưởi lại thêm được nghề dệt vải.

Mùa thu năm sau vào ngày rằm tháng tám, Bưởi sinh hạ được một bé gái rất kháu khỉnh. Hai vợ chồng đặt tên con là Thu. Có Thu, lòng Bưởi như ấm lại, tim Bưởi như mọc rễ. Rễ bám vào lòng đất. Hương quê đằm thắm đã khiến tóc Bưởi xanh lại, mặt Bưởi tươi cười. Có bữa ru con, Bưởi hát:

"Măng giang nấu cá ngạnh nguồn

Tới đây mẹ phải đổi buồn làm vui".

Vườn rau sau nhà của Bưởi có đủ thứ rau húng, rau ngò, rau tần, lá cải, lá dứa. Những giàn khổ qua và mướp hương cho Bưởi thật nhiều trái.

* * *

Tay phải ẵm Xuân, tay trái dắt Hạ, Đan bước vào nhà nói lớn:

"Cha con chúng tôi đi chơi mới về". Cửa nhà lạnh tanh. Lấy làm lạ. Đan đặt bé Xuân xuống, chạy ra vườn sau tìm Bưởi. Nhưng Đan không thấy dáng Bưởi. Ruộng vườn mênh mông. Bóng tối đã lảng vảng xung quanh. Ra tới vườn dưa, Đan thấy dấu chân của vợ và dấu chân của một người đàn ông khác. Hoảng hốt Đan chạy về phía đọt cây tre. Đọt tre không còn đó nữa. Nhìn xuống thật xa, Đan cũng không thấy cây tre. Có lẽ cây tre đã bị chặt rồi.

Đan về nhà, ngồi ôm hai con, khóc. Trời tối, nhà tối, không ai thắp đèn, không ai làm cơm. Nhà Đan lạnh lẽo như một nhà mồ. Xuân gọi mẹ, Hạ dỗ em. Đan đi tìm bánh nguội cho các con ăn.

Ngày này sang ngày khác, Bưởi vẫn không về. Đan cố gắng nuôi con, cố gắng tiếp tục cuộc sống. Nhưng khó khăn cho Đan và hai đứa bé quá. Thà Bưởi không lên đây. Bưởi lên rồi Bưởi lại về. Đan hay chống cuốc nhìn xuống đất, nhưng không hề thấy dáng Bưởi dưới đó. Bưởi ơi! Tại sao Bưởi lại bỏ Đan và hai con?

Năm ấy trên trăng có đại hạn. Trời không mưa đã lâu, mùa màng của Đan thất bát. Hai đứa con thiếu mẹ cứ ngồi khóc hoài. Đan cũng chảy nước mắt, ngồi ôm hai con mà dỗ dành. Một hôm đi ruộng về, Đan không thấy hai con đâu. Ra vườn không thấy, vào nhà cũng không thấy. Tới chỗ hai đứa ngồi khóc thương nhớ mẹ, chỉ thấy có một vũng nước mắt. Thì ra hai đứa vì khóc quá mà đã biến thành một vũng nước mắt lớn. Đan chấm nước vào ngón tay nếm thì thấy mặn, biết đây là nước mắt của con mình. Đau xót quá, Đan ngồi khóc mãi. Cuối cùng Đan cũng biến thành nước mắt. Nước mắt của Đan đã hòa với nước mắt của hai con thành một vũng khá lớn. Trời nắng to làm vũng

nước bốc hơi, bay lên, biến thành một đám mây. Đám mây theo gió lang thang bay quanh trên mặt đất cố ý tìm tòi. Đám mây bay như vậy trong hơn hai năm thì một hôm dừng lại trên sân sau của nhà Bưởi. Hôm ấy trời nóng bức, hình như sắp có một cơn giông. Ổi ẫm con đi chợ mua quà vẫn chưa về. Đợi mãi mà trời không mưa, Bưởi định ra giếng sau nhà để tắm cho bớt nực. Giếng nhà Bưởi có trồng một hàng rào bông bụp xung quanh, hoa bụp nở đỏ chói trên màu lá xanh đen. Bưởi cởi bỏ xiêm y, kéo nước xối ào ạt. Đang tắm, Bưởi bỗng nghe tiếng mưa rào rào. Nhìn lên Bưởi thấy một đám mây sa thật thấp. Đám mây đó chính là hiện thân của ba cha con Đan mà Bưởi đâu có biết. Thấy đám mây lạ xuống rất thấp, Bưởi đăm đăm nhìn. Đám mây trông thấy thân thể của Bưởi; hai con nhận ra mẹ, chồng nhận ra vợ, bỗng nhiên đám mây rùng mình biến thành mưa trút hết xuống thân thể Bưởi. Bưởi cảm thấy thân hình nóng lên, như mùa đông tắm bằng nước ấm. Chạm tới da thịt Bưởi, nước mưa của đám mây kia bỗng nhiên biến hình. Phút chốc Đan và hai con trở lại hình người. Thấy hai con và chồng cũ đột nhiên xuất hiện, Bưởi mừng quá. Bưởi ôm chặt lấy Hạ và Xuân rồi ngước mắt nhìn Đan, lòng tràn ngập hân hoan. Bưởi không cần biết tại sao Đan và hai con tìm xuống được dưới này. Bưởi chỉ cần biết là Đan và hai con hiện đang ở dưới đất, ngay trước mặt Bưởi.

Bưởi quấn vội xiêm y, đưa ba cha con vào nhà. Đan hỏi Bưởi: "Tại sao em lại bỏ anh và các con mà đi như thế hả Bưởi? Em không thương anh và các con hay sao?".

Bưởi nước mắt ràn rụa đáp:

- Không phải là em không thương chồng, thương con. Em nhớ Đất, định xuống thăm Đất một buổi rồi lại lên với Đan và hai con. Rủi thay cho em, khi trở lên thì cây tre đã bị chặt mất rồi. Em khóc mười ngày mười đêm. Em nhớ anh và nhớ con. Có khi nào em muốn bỏ anh và bỏ con đâu.

Rồi Bưởi kể cho Đan nghe tất cả cơ sự. Nghe xong Đan nói:

“Bây giờ em sửa soạn cùng về trên ấy với anh và hai con”. Đan nói như thế nhưng không biết mình sẽ trở lên trăng bằng cách nào. Đan chỉ muốn có Bưởi trở lại như cũ, rồi sau đó ra sao thì ra. Nhưng Bưởi giật mình. Lên trăng thì có Đan và hai con. Nhưng mà mất Thu và Ổi. Gần ba năm trời ở với Ổi, ân nghĩa cũng đã nặng. Lên trăng thì chắc chắn Bưởi sẽ nhớ Ổi và nhất là nhớ Thu.

- Không được đâu, lên trăng thì em bỏ Ổi và bỏ Thu. Em sẽ khổ lắm. Trời ơi, khổ cho tôi quá – Ở lại Đất thì nhớ Trăng, nhớ Đan, nhớ Hạ, nhớ Xuân; còn lên Trăng thì nhớ Đất, nhớ Ổi, nhớ Thu – Biết làm sao đây hỡi Trời!

Trong lúc đó thì ngoài ngõ vọng vào tiếng cười tíu tít của Thu. Ổi ẵm con đi chợ đã về. Hoảng hốt quá, đau khổ quá, không biết phân xử như thế nào cho trọn cả hai bên, Bưởi bèn nhặt lấy con rựa của chồng để ở góc nhà, cầm rựa trong hai tay, bổ ngược lưỡi rựa vào đầu mình. Đan ngơ ngác chưa kịp cản ngăn thì lưỡi rựa đã phập vào trán Bưởi. Lúc ấy đúng vào giữa trưa, mặt trời chính chắn ở trên đỉnh đầu ba người. Lưỡi rựa của Bưởi phập trúng vào đầu Bưởi đúng vào một giờ rất thiêng, giờ Hoàng Đạo, nên phép lạ hiển hiện. Lưỡi rựa sắc bén từ trên đỉnh đầu theo đà tay Bưởi đi thẳng xuống cổ, xuống ngực, xuống bụng và chẻ Bưởi ra làm hai mảnh đều đặn. Trong phút chốc, đứng trước ba cha con là hai cô Bưởi giống nhau y hệt, tuy rằng thân hình mỗi cô nhỏ bé hơn trước. Một trong hai cô Bưởi, tức là cô mà tay còn cầm rựa, nói với cô kia:

- Chị đưa Đan ra ngả sau và tìm đường về Trăng. Em ở lại.

Bưởi Chị nghe vậy lập tức tay đẩy hai con, tay đẩy chồng đi ra ngả bếp. Không kịp nghĩ ngợi, Đan đi theo, quên cả ngoảnh lại chào Bưởi Em. Bốn người đi ra ngả giếng rồi tìm ra bờ ruộng.

Trong khi đó thì cha con Ổi đã vào tới cửa trước.

“Có ai ở nhà không? Cha con chúng tôi đi chợ mới về nè”. Ổi lớn tiếng nói. Bước vào, Ổi thấy Bưởi đang ngồi trước khung cửi. Khung cửi chạy lách tách. Bưởi đang dệt vải, Bưởi không trả lời Ổi.

Hơi lấy làm lạ, Ổi tới gần nhìn Bưởi. rồi Ổi nâng cằm Bưởi lên, nhìn vào mặt Bưởi. Ổi thốt kêu lên:

- Này lạ chưa: mặt này là mặt Bưởi, thân hình này là thân hình Bưởi, mà tại sao hôm nay Bưởi nhỏ con như thế này?

Bưởi ngừng dệt nói:

- Tại vì Bưởi chỉ còn một nửa. Nửa kia, Đan xuống mang về Mặt Trăng rồi.

* * *

Bưởi Chị đưa Đan và hai con băng khỏi đất vườn của nhà Ổi và ra tới đầu xóm Thượng. Không muốn những người trong xóm thấy mình, Bưởi đưa ba người đi tắt theo ngả ruộng và ra khỏi địa phận xóm. Ra khỏi xóm, Bưởi còn đang phân vân chưa biết đưa chồng con đi đâu thì bỗng Bưởi sực nhớ tới túp lều ngày xưa của Bưởi mà Ổi biến thành căn nhà gọn ghẽ với nhiều khoảnh vườn chung quanh. Từ ngày Ổi và Bưởi dọn về xóm Thượng đến nay, căn nhà và khu vườn hoàn toàn bị bỏ trống, không có ai chăm sóc. Bưởi liền đưa Đan và hai con đi theo con đường dẫn tới khu rừng cũ.

Cảnh xưa có vẻ điêu tàn. Hai vợ chồng Bưởi sửa chữa lại ngôi nhà và xới lại những khoảnh vườn. Họ gieo lúa, trỉa bắp, trồng rau, nuôi gà. Hạ và Xuân tha hồ chạy chơi ở triền đồi, dốc núi, cửa rừng. Chúng được mẹ chỉ cho những trái cây rừng có thể ăn được. Bưởi đưa Đan tới dòng suối nơi đó ngày xưa lúc tắm, Bưởi đã trông thấy Đan chống cuốc nhìn xuống mỉm cười. Hai người ngồi trên tảng đá cạnh suối đợi trăng lên. Bưởi bảo Đan kể hết những chi tiết của cuộc đời ba cha con từ ngày Bưởi theo Ổi bỏ Trăng xuống Đất.

Đan kể cho Bưởi nghe cơ sự xảy ra trên Trăng từ ngày Bưởi đi, không bỏ sót một chi tiết nào, từ lúc ba cha con đi về không thấy Bưởi cho đến khi cả ba cha con vì khóc quá mà biến thành một vũng nước mắt. Đan lại nói: "Nước biển đông mặn, có lẽ đó cũng là nước mắt của con người tích tụ lại. Xưa nay biết bao nhiêu cảnh vợ xa chồng, con xa cha mẹ, anh em xa nhau. Một lần cách biệt, biết bao giờ cho được đoàn tụ.

Nay anh và con đã gặp lại em, ta quyết không để cho xa cách nhau nữa". Bưởi rơi nước mắt... Trăng đã lên, sáng chói trên đỉnh đầu. Hai người cùng nhìn trăng. Một lát lâu, Bưởi thấy nước mắt đọng trên mi Đan. Bưởi biết Đan nhớ cảnh, nhớ nhà trên Trăng, cũng như ngày xưa, Bưởi đã nhớ cảnh, nhớ nhà dưới Đất. Bưởi nhớ lại hồi mình mới xuống đất, ngửi lại hương lá ổi, lá chanh, Bưởi thương quý quê hương vô cùng. Được nghe lại tiếng hát của mục đồng, được thấy trẻ em thả diều, được lượm me chua, được ăn trái cóc chấm muối, lúc ấy Bưởi thấy tất cả tình thương yêu của mình đối với Đất. Thì bây giờ Đan cũng vậy. Chắc Đan đang nhớ đời sống trên Trăng, nhớ nhà, nhớ vườn, nhớ ruộng, nhớ những thức ăn, nhớ những tiếng chim, nhớ cây cối và giọng nói câu cười trên đó. Bỗng nhiên Bưởi thấy thương Đan vô hạn. Bưởi để tay lên vai Đan và nói:

- Bưởi biết Đan nhớ nhà lắm. Cái gì dưới này cũng lạ lùng với Đan hết; hột lúa, con chim, thức ăn, giọng nói cũng vậy. Nhưng mà Đan có Bưởi và có hai con ở chung với Đan, biết rằng xa cách nhau, chúng ta không sống được, (nói đến đây Bưởi im lặng một lát, không biết Bưởi nghĩ gì. Rồi Bưởi tiếp), Đan và hai con thiếu Bưởi thì Đan và hai con sống không được. Vậy Đan kiên nhẫn mà sống, tìm niềm vui ở đây; biết đâu một ngày nào đó chúng ta trở về trên Trăng sống với nhau như cũ.

Đan nhìn Bưởi, hỏi:

- Nhưng giá chúng ta lên lại được trên Trăng thì liệu Bưởi còn nhớ Đất hay không? Bưởi có còn bỏ Đan và hai con để mà tìm xuống Đất như lần trước hay không?

Bưởi nắm lấy tay Đan, trả lời một cách chân thật:

- Không đâu, lần này được lên Trăng thì Bưởi sẽ không còn tìm xuống Đất lại nữa, Bưởi đã sống dưới Đất và Bưởi cũng đã sống trên Trăng. Bây giờ một nửa Bưởi đã ở luôn dưới Đất rồi, một nửa kia sống luôn trên Trăng cũng được. Bây giờ Bưởi coi cả hai nơi như là quê hương. Đan không biết chứ trong thời gian ở dưới Đất, Bưởi nhớ đời sống trên Trăng lắm, không những nhớ

Đan và hai con mà còn nhớ cả cây cỏ, chim chóc, sông suối và mọi thứ trên ấy, kể cả những món ăn mà Đan dạy cho Bưởi làm nữa.

Bưởi nói chân thành bởi vì trong tâm chân thành Bưởi nghĩ như vậy. Đan tin lời Bưởi. Đan vui vẻ đứng dậy đưa Bưởi về nhà. Hạ và Xuân đã ngủ say. Hai người vào thăm con, đắp chiếu lại cho hai trẻ và cùng đi ngủ.

Bưởi Em sống với Ổi và Thu rất hạnh phúc. Bưởi tuy được ta gọi là Bưởi Em nhưng không khác gì Bưởi Chị, nghĩ là Bưởi chỉ là Bưởi. Bưởi Em không trẻ hơn cũng không nhỏ hơn hình Bưởi Chị. Mỗi khi nhớ đến Bưởi Chị, Bưởi mỉm cười và thấy lòng đầy trìu mến. Đã có Bưởi Chị săn sóc cho Đan và hai con, Bưởi thấy lòng an ổn. Bưởi không lo lắng cho Đan, cho Hạ và cho Xuân nữa. Biết đã có Bưởi Chị bên cạnh những người ấy, Bưởi đinh ninh là họ sẽ có hạnh phúc. Cái gì mà ở đây Bưởi làm được thì ở trên ấy Bưởi cũng làm được. Bưởi tin chắc (không biết sao) rằng Đan, Hạ và Xuân đã lên tới Trăng và hiện đang sống ở ngôi nhà cũ. Nghĩ tới ngôi nhà cũ có nhiều cửa sổ với những bức tường dày cộm, nghĩ tới ruộng vườn, hạt đậu, hạt lúa và quả dưa trên ấy mà Bưởi mỉm cười. Thật không giống với cảnh quê ở đây chút nào.

Chỉ trong vòng ba hôm sau khi Đan, Bưởi và hai con đi, Bưởi đã lớn lên bằng cũ. Bưởi thèm ăn hơn và vì vậy Bưởi đã lấy lại dáng vóc xưa. Thật giống như khi người ta chiết cành trên một thân cây để làm thành một thân cây khác. Cây mới tiếp tục cuộc sống của cây gốc, tiếp tục làm nụ, làm lá, làm hoa, làm quả. Hai cây mà cũng như một cây. Một cây mà thành hai; có thể một cây thành năm, thành mười cũng nên. Bưởi mỉm cười nhớ lại mẹ Bưởi ngày xưa. Mẹ Bưởi ngày xưa đẹp lắm. Ngày ấy bà ngoại còn sống và Bưởi được ở chung với ngoại, nghe thật nhiều truyện cổ tích. Có một hôm Bưởi đang chơi ngoài bờ ao thì nghe tiếng cha nói lớn: "Con Bưởi đi đâu rồi, mình để nó chơi la cà ngoài bờ ao thì có thể nó rơi xuống ao chết đuối đấy". Bưởi nghe nhưng không lên tiếng. Đợi cho mẹ kêu lớn: "Bưởi ơi! Vào đây mẹ bảo!", Bưởi mới chạy vào. Bưởi chạy vào thấy mẹ đang xoa đầu trên

trán ngoại. Bưởi cười. Mẹ Bưởi mắng yêu: "Ai cho con ra bờ ao chơi hả? Ai cho phép con thế? Vậy mà còn cười." Bưởi nắm lấy tay áo mẹ. Đúng vào lúc đó có tiếng xèo xèo dưới bếp. Mẹ Bưởi nói: "Chết rồi, nồi canh sôi đã trào hết ra ngoài". Rồi mẹ Bưởi buông chai dầu gió, hất cánh tay Bưởi ra và chạy xuống bếp. Cũng vào lúc ấy, cha Bưởi từ ngoài sân kêu vọng vào: "Má nó ơi, ra giúp tôi một tay, kẻo một mình tôi khiêng không nổi cái cửa chuồng bò đây này". Mẹ Bưởi lưỡng lự, định vào bếp bớt lửa, nhưng cuối cùng bà không vào bếp mà chạy ra sân đỡ cánh cửa chuồng bò cho cha Bưởi. một lát trở vào bà nói với Bưởi: "Nếu tao có bốn tay thì tao có thể vừa nấu canh, vừa thoa dầu cho ngoại, vừa khiêng cửa chuồng bò với cha, vừa giữ con đừng chạy ra bờ ao. Nhưng tao chỉ có hai tay thôi".

Cha chả, người mà có bốn tay thì trông kỳ lạ lắm! Lúc ấy Bưởi nghĩ như thế. Nhưng có một hôm đi chùa, Bưởi thấy một tượng Phật có rất nhiều cánh tay, mỗi cánh tay cầm một dụng cụ khác nhau, tay thì cầm bút, tay thì cầm bông sen, tay cầm ống sáo, v.v... Có lẽ mỗi tay để làm một việc. Mẹ Bưởi nói đó là Đức Phật Quan Âm, Ngài có tất cả một ngàn cánh tay và một ngàn con mắt. Một ngàn con mắt để nhìn thấy một ngàn chuyện và một ngàn cánh tay để làm một ngàn việc. Mẹ Bưởi chỉ cần có bốn cánh tay thôi. Có lẽ vì vậy mà mẹ Bưởi hay đến chùa lạy Đức Quan Âm, trí óc non nớt của Bưởi ngày xưa đã nghĩ như thế. Nhưng mẹ Bưởi đâu cần bốn tay. Một mình mà mẹ lo cho ngoại, giúp cho cha, nuôi Bưởi, quán xuyến cả công việc trong nhà, ngoài ngõ. Mẹ Bưởi chắc cũng giỏi gần bằng Phật Quan Âm. Chỉ tiếc là mẹ mất sớm cho nên Bưởi chẳng được mẹ nuôi cho lớn, cho nên Bưởi mới lọt vào tay bà Bảy.

Bây giờ đây Bưởi ngồi dệt vải mà nhớ lại cái ngày cha con Đan từ Trăng xuống năn nỉ Bưởi đi theo họ về Trăng. Bưởi nhớ lại giây phút cha con Ổi đi chợ về trong lúc cha con Đan đứng trước mặt Bưởi và cái lòng của Bưởi lúc đó hoảng hốt, phân vân, dằn xé, khổ sở tới mức nào. May mà lát rựa có phép chứ nếu không giờ này Bưởi đã chết rồi, và để lại khổ đau cho cả bao nhiêu người. Người đàn bà nào trong xứ của Bưởi cũng muốn biến thành bốn, thành năm để một thân lo cho cha mẹ mình, một thân lo cho cha mẹ chồng, một thân lo cho chồng

con, một thân lo cho bếp núc vườn tược. Bưởi thầm mong cho ai nấy đều có thể phân thân như Bưởi, hoặc như cây được chiết ra nhiều cành, mỗi cành thành một cây mới. Lòng Bưởi đã thương Trăng, thương Đan, thương Hạ, thương Xuân cho nên Bưởi chỉ có thể sung sướng khi về Trăng ở với Đan; lòng Bưởi cũng đã thương Đất, thương Ổi và thương Thu cho nên Bưởi chỉ có thể sung sướng khi ở lại Đất sống với Ổi. Bưởi an lạc vì Bưởi vừa được ở trên Trăng mà vừa được ở dưới Đất. Nhưng mà mấy ai đã được phép Phật nhiệm mầu phân thân như Bưởi. Bưởi thấy mình an lạc hạnh phúc dưới đất thì Bưởi tin chắc rằng trên Trăng, Bưởi cũng đang an lạc hạnh phúc. Bưởi không biết giải thích sao, nhưng Bưởi thấy điều đó rõ ràng như Bưởi thấy mặt mũi dễ thương của con Thu mỗi ngày.

Căn nhà ở trên rừng đã được Đan biến thành một ngôi nhà khang trang. Lúa bắp ở các rẫy quanh nhà lên xanh tốt. Đan đã trở nên quen thuộc với loại ngũ cốc và rau trái dưới đất. Đan đã có thể ưa thích những món ăn dưới đất như bắp luộc, chả cá, canh khoai mỡ, cá nướng trui, mắm cà,... Theo Đan thì những món ăn này ngon không kém gì những món Đan ưa thích trên Trăng cả. Bưởi cười hồn nhiên khi Đan nói như thế. Có Đan và hai con bên mình, Bưởi thấy như có cả mặt Trăng bên mình, Bưởi không thấy thiếu thốn và nhớ nhung mặt Trăng nữa. Bưởi biết Đan đã tìm thấy niềm vui ở dưới Đất nhưng Bưởi cũng biết rằng Đan chưa có hạnh phúc hoàn toàn, bởi vì Đan chưa được như Bưởi: Đan còn phân biệt trên Trăng, dưới Đất nhiều quá. Bưởi đã có lần nói với Đan là nếu lên được Trăng thì Bưởi lên, Bưởi sẽ không hối tiếc Đất. Bưởi nói như vậy là vì Bưởi thấy được rằng Đất không phải Đất, Trăng không phải Trăng; Đất hay Trăng đều nằm trong lòng mình. Đó là cái lý do khiến cho Bưởi an lạc. Hoài bão của Bưởi là làm cho Đan và hai con cũng được an lạc như mình. Hạ và Xuân vốn sinh trưởng trên Trăng nên hai đứa cũng thường nhắc đến đời sống trên ấy.

Một hôm khi ra suối gánh nước về nhà, Bưởi nghe tiếng con Xuân từ sân trong gọi ra: "Mẹ ơi mẹ, mẹ vào xem cái này lạ lắm". Bưởi đặt gánh xuống hỏi: "Gì đó con?" thì Xuân kéo tay áo Bưởi về phía góc vườn. "Lạ lắm mẹ à. Con thấy một mụt măng màu hồng như ngọc

bích và mùi thơm như hoa sói, hoa cam." "Mụt măng mọc ở đâu hả con?", vừa đi theo con, Bưởi vừa hỏi. Theo ngón tay con, Bưởi nhận ra là ở dưới gốc cây tre năm cũ. Cây tre ấy tàn rụi đã lâu, Bưởi tưởng nó đã chết khô lâu rồi, ai ngờ hôm nay một mụt măng lại mọc bên gốc. Bưởi bảo Xuân đi tìm Đan về. Khi Đan từ đám rẫy quảy đầy một gánh bí rợ về nhà thì Bưởi đưa Đan tới gốc măng mới.

- Đan xem, chính cây tre này đã mọc lên Trăng, đã đưa Bưởi lên Trăng, rồi bị Ổi chặt đứt mà chết. Bây giờ một mụt măng của nó lại mới mọc ra. Mụt măng này cũng sẽ mọc thành một cây tre như cây tre cũ. Chúng ta có thể trở về mặt Trăng được rồi.

Đan đã từng nghe Bưởi kể chuyện cây tre cho nên Đan hiểu ngay. Mặt Đan rạng rỡ lên, Bưởi thấy mà thương. Hạ và Xuân cũng đứng bên cha mẹ lúc ấy. Nghe nói mình sẽ được lên Trăng trở lại, hai bé vỗ tay reo mừng. Chưa bao giờ Bưởi thấy ba cha con họ vui vẻ thế. Bưởi nói với Hạ: "Con lấy cho mẹ cái gáo nước, Đan xách hộ cho Bưởi một thùng nước lại đây. Mình phải tưới cho măng mỗi ngày thì măng mới lớn mau thành tre được."

Từ đó, chẳng hôm nào mà họ quên tưới nước cho măng, cho mầm hi vọng của họ.

Hồng

Ở biển Nam Hải có một con cá màu hồng rất tinh khôn và nhanh nhẹn. Cá dài chừng chín tấc, vảy màu ửng đỏ sáng đẹp. Mỗi khi cá ngoi lên gần mặt nước, màu hồng của vi vảy làm ngời sáng cả những gợn sóng lấp lánh ánh mặt trời. Ngư thuyền trong vùng ít khi gặp được cá. Hành tung của cá thật là bí mật. Chỉ có một người biết rõ được nguồn gốc của cá. Đó là một cô gái người Việt tên Đào.

Đào mười chín tuổi. Cô với người yêu cùng vượt biển với bốn mươi hai người khác trên một chiếc thuyền bề rộng hai thước rưỡi và bề dài mười một thước. Thuyền của cô bị hải tặc chặn cướp trên con đường từ cù lao Quái đến cù lao Chàng. Bọn hải tặc vơ vét tất cả những gì chúng có thể vơ vét được và còn hiếp dâm tất cả phụ nữ trên thuyền. Đào cũng chịu chung số phận với những người khác. Cô bị ba tên hải tặc thay nhau hãm hiếp. Những người con trai nào trên thuyền chống lại hải tặc đều bị chúng trói lại và đánh đập. Chồng chưa cưới của Đào cũng chịu chung số phận này. Trong cơn kinh hoàng, cô chỉ biết vùng vẫy la hét. Vì cô la hét và cào cấu quá cho nên tên hải tặc thứ ba, sau khi thỏa mãn thú tính đã lấy chân hất cô xuống biển. Cô đã được con cá Hồng cứu thoát và đưa vào bờ cát của một hòn đảo nhỏ không tên, cách cù lao Chàng chừng mười tám cây số về phía Tây Nam.

Khi Đào bị hất xuống biển, cô la lên một tiếng thất thanh. Nhưng tiếng kêu của cô cũng như thân thể của cô trong khoảnh khắc đã bị chìm nghỉm. Biển cả đã nuốt cô. Đào ngất đi. Khi tỉnh dậy, sáng hôm sau, Đào thấy mình nằm trên một bãi cát vắng. Thân thể cô rã rời đau nhức. Cố gắng mãi cô mới chống tay ngồi dậy được. Nước biển còn liếm tới bãi cát cách chân cô chừng vài thước. Cô gắng gượng đứng lên, và lảo đảo đi về phía có mấy tảng đá có bóng cây rợp mát. Tới nơi, cô ngồi bệt xuống đất, dựa vào một tảng đá, và thở.

Đào biết mình còn sống. Cô bắt đầu nhớ lại những gì đã xảy ra ngày hôm qua trên thuyền. Cô đưa hai tay bưng đầu không dám nhìn ra biển cả, tưởng rằng bọn hải tặc vẫn còn đó. Nhưng không, cảnh tượng

hãi hùng hôm qua đã không còn nữa. Nhìn lại, cô chỉ thấy mặt biển mênh mông và sóng trên biển nối tiếp nhau dạt vào bờ cát. Cô nhớ đến những tấm thân thô bạo trên thân hình cô. Cô rùng mình nghiến răng, nước mắt ràn rụa đầy hai má. Cô nhìn xuống thân thể cô. Trên thân hình đau nhức ấy không còn lấy một mảnh vải. Cô hổ thẹn vội đưa hai tay che lấy ngực và nhìn ra. Không, vẫn không có ai. Mặt biển phản chiếu lấp lánh ánh mặt trời. Không có một đám mây nhỏ. Trời xanh ngắt. Không có một dấu hiệu nào, một chấm đen nào ở ba phía chân trời.

Cô nhớ tới Đạt, người yêu của cô. Chắc là giờ đây Đạt đã chết rồi. Hôm qua chàng đã bị bọn hải tặc trói lại và đánh đập tàn nhẫn. Cô chỉ cào cấu bọn chúng mà thôi, vậy mà chúng đã hất cô xuống biển, huống gì Đạt: chàng đã xông vào liều thân với bọn cướp biển. Chúng đã đánh ngã Đạt, trói chàng lại. Thế nào chúng cũng đã hất chàng xuống biển. Đào nghẹo ngào. Cô đưa tay ôm ngực, hổn hển, làm như khí trời không đủ cho cô thở. Cô buông hai tay, nằm ngửa trên mặt đất, như một người đã tắt thở.

Cảm thấy mệt mỏi và cùng cực, Đào nhắm mắt lại, nghĩ rằng mình sẽ tắt thở và chết trên hòn đảo hoang này. Nhưng cô không tắt thở. Hơi thở của cô đều đặn lại, và cô thiếp đi trong mệt mỏi. Cô thiếp đi như thế cho đến khi mặt trời lặn xuống và mặt trăng lồng lộng hiện rõ trên bầu trời bao la thì cô tỉnh dậy. Có một bàn tay nhỏ đặt trên trán cô. Đào giật mình ngồi nhỏm dậy, đưa hai tay lên che ngực. Trước mặt cô là một em bé gái chừng mười tuổi, tóc chấm ngang vai, hai mắt đen nháy. Em bé mặc một chiếc áo màu hồng.

- Em là ai? Tại sao lại ở đây? - Đào vội vàng hỏi. Em bé đáp:

- Em tên là Hồng. Em tới đây từ lúc mặt trời chưa lặn. Nói tới đó, Hồng đứng dậy rút từ cành cây trên đầu hai người một bộ xiêm y rồi đưa cho Đào. Em nói tiếp:

- Chị mặc mấy thứ này vào cho đỡ lạnh, rồi chúng ta hãy nói chuyện. Sương bắt đầu xuống rồi, và chị đang run đó, chị có thấy không?

Đào tiếp lấy bộ xiêm y trên tay em bé, run rẩy mặc vào người. Đây là một bộ xiêm y của phụ nữ Việt còn thơm mùi long não. "Em bé này là ai mà một mình lạc vào đảo?". Đào vừa cài khuy vừa suy nghĩ. Hay đây là một bóng ma hiện hình khủng bố cô?

Vừa lúc đó thì em bé lên tiếng:

- Em là người, không phải là ma đâu chị. Em sinh ở Vĩnh Long, và cha mẹ em từ bảy năm nay buôn bán ở thị xã Vĩnh Long. Chị ngồi xuống đây, ăn mấy cái bánh này rồi chị em mình nói chuyện.

Đào ngồi xuống bên cô bé. Hồng mở một cái hộp thiếc lớn, lôi ra một chiếc bao ny lông đầy bánh. Em lấy răng cắn thủng một góc bao, dùng ngón tay mở rộng chỗ thủng và lấy hai cái bánh vuông, đưa cho Đào. Ruột gan Đào cồn cào khi trông thấy bánh. Cô đưa tay nhận bánh và bỏ vào mồm nhai ngấu nghiến. Từ trưa hôm qua đến giờ, cô chưa có một hạt cơm bỏ bụng.

Bánh Đào đang ăn thuộc về loại bánh lạt, một loại crackers để dùng ăn với sữa. Mỗi chiếc bánh lớn bằng bốn ngón tay Đào. Ăn hết chiếc bánh đầu tiên, Đào hỏi:

- Bánh ở đâu mà em có vậy?

Hồng cười:

- Đây là một trong những thùng bánh mà một chiếc tàu Đan Mạch liệng xuống biển. Chị ăn bánh đi, rồi từ từ em giải thích cho, đừng có mở mắt to nhìn em như vậy. Số là hôm nay có một chiếc ghe tị nạn hết nước uống và lương thực. Trên ghe có tám mươi bốn người, mà hai phần ba là trẻ em như em. Máy ghe bị hỏng. Có một chiếc tàu treo cờ Pháp đi qua. Nhiều người trên ghe cởi áo phất qua phất lại cầu cứu. Chiếc tàu treo cờ Pháp làm ngơ đi thẳng. Mấy giờ đồng hồ sau lại có chiếc tàu treo cờ Anh đi qua. Chiếc tàu treo cờ Anh cũng làm ngơ như không trông thấy. Lúc mặt trời sắp lặn thì có một chiếc tàu treo cờ Đan Mạch đi ngang. Thấy kêu cứu, chiếc tàu này dừng lại và đi vòng

quanh chiếc ghe ba lần. Họ không chịu cứu tám mươi bốn người lên tàu họ mà chỉ thả xuống cho hai thùng nước và mười thùng bánh. Bảy thùng bánh rơi trúng ghe, còn ba thùng rơi tõm xuống biển. Thùng bánh mà chị đang ăn là một trong ba thùng rơi xuống biển.

- Sau đó chiếc ghe có gặp tàu khác không? Chiếc ghe có tới được bờ bên kia không? Mà tại làm sao em biết? Em đi trên chiếc ghe đó hả? Còn những người khác bây giờ ở đâu? Ghe chìm chết hết rồi phải không?

- Chị hỏi nhiều quá khiến em chóng mặt. Dạ không, em không phải là người trên ghe ấy. Ghe chưa chìm. Hiện giờ gió Đông Bắc đang đưa ghe tấp từ từ vào bờ biển Thái Lan. Em hy vọng ghe đó được vào bờ vô sự.

Nói xong Hồng lộ vẻ trầm ngâm. Đào muốn hỏi nữa nhưng ngài ngại. Đây đúng là một em bé, nhưng phong thái và cách ăn nói của em thật là khác thường. Một đứa bé mười tuổi trôi dạt vào một hải đảo, xa cha mẹ và các anh chị, thì không thể nào ăn nói bình tĩnh chững chạc như vậy được. Đáng lý nó phải khóc la, phải kêu mẹ, phải ôm lấy Đào mà kể lể thì mới đúng. Đằng này, nó ngồi trước mặt Đào, lấy áo cho cô mặc, lấy bánh cho cô ăn và săn sóc Đào như một người chị săn sóc cho một đứa em. Cảnh hoang đảo dưới trăng này hoặc giả chỉ là một giấc mơ, Đào nghĩ. Cô cắn vào môi đau gần rướm máu, và biết đây không phải là một giấc mơ. Vừa lúc ấy Hồng đưa một ngón tay lên làm hiệu cho Đào yên lặng. Một thoáng sau Hồng nói:

- Em nghe như có tiếng nước chảy róc rách. Có thể là chúng ta sẽ tìm ra nước uống. Chị ngồi yên đây, để em xem.

Hồng đứng dậy, thoăn thoắt nhảy trên những tảng đá và phút chốc biến mất sau lùm cây. Trong lúc chờ đợi, Đào với tay lấy túi bánh và móc ra thêm hai cái bánh. Cô ăn thong thả, mặt hướng về lùm cây. Một lát sau, cô thấy bóng Hồng xuất hiện trên một tảng đá, hai tay đang nâng một vật gì không rõ. Khi Hồng đến gần, Đào thấy đó là một chiếc lá cuốn lại hình một quặn, bên trong đầy nước.

- Đây là nước ngọt, chị uống đi.

Hồng đưa nước vào tận môi Đào. Nước ngọt quá, ngon quá, làm cho ruột gan Đào mát rượi.

- Chị uống hết đi, em đã uống rồi.

Đào uống hết nước. Cô cám ơn Hồng. Hồng bảo:

- Ở gần suối nước có một khoảng đất sạch và kín gió. Chị em mình có thể nghỉ đêm ở đấy được. Ngồi đây lạnh quá. Vả lại giữa khuya nước có thể lên cuốn chị em mình xuống biển lắm.

Hồng bỏ túi bánh vào thùng, trao cho Đào cầm và cúi xuống xách cái bọc quần áo lên. Hai chị em men theo con đường cũ trở lên suối. Trăng hải đảo sáng vằng vặc. Trời vẫn trong, không một gợn mây. Hồng đợi Đào ngồi xuống rồi mới nói:

- May mắn chúng ta đã tìm ra được con suối nước ngọt này. Có thùng bánh lạt Đan Mạch, ít ra chúng ta cũng có đủ thức ăn cầm hơi trong chừng mười bữa hay nửa tháng. Chúng ta ăn bánh, uống nước suối và sẽ đi tìm trong đảo xem có thứ rau, thứ trái gì để ăn cho bớt xót ruột. Trong thời gian đó, chúng ta để ý xem có chiếc ghe tị nạn nào đi ngang gần đây không. Ta sẽ cầu cứu và khi họ ghé vào, ta sẽ cùng xin đi với họ. Cái bọc áo quần và thùng bánh này em nhặt được ngoài bãi cát hồi chiều qua. Lúc em lên đảo thì chị đang ngủ. Thấy chị không có quần áo, em mới mở bọc tìm một bộ đồ, vắt cho ráo rồi treo lên cành cây cho khô để chị mặc. Những bộ quần áo còn trong bọc này, ngày mai ta sẽ vắt phơi để đắp ngủ thay mền cho ấm. Nếu chị chưa mệt thì chị kể cho em nghe chuyện của chị đi, chị.

Đào bắt đầu kể chuyện vượt biển của mình cho Hồng nghe. Cha cô là một nhà văn bị đi học tập ở miền thượng du Bắc Bộ từ năm 1976. Mẹ cô dành dụm trong hai năm mới đủ tiền đi thăm nuôi chồng một lần. Từ đó về sau, mẹ cô và cô chỉ có đủ tiền để viết thư, gửi cho cha cô một hũ đường và một chai muối sả mỗi ba tháng. Có lần trong sáu bảy tháng liên tiếp gia đình không nhận được thư từ gì của cha cô cả.

Lần đầu gặp được cha cô tại trại học tập, mẹ cô thấy ông gầy ốm và tiều tụy đến thảm thương. Ông đã xúi mẹ con cô trốn qua nước khác mà sinh sống, nhưng mẹ cô nói còn nước thì còn tát, rằng chồng bà còn sống thì bà còn chờ đợi. Trong khi đó thì sự sống mỗi ngày một trở nên khó khăn. Cô và thằng em trai lớn của cô – thằng Văn, năm nay mười sáu tuổi – hết sức giúp mẹ trong việc buôn bán, nhưng không đủ ăn. Cô có một người bạn tên Nguyên. Gia đình của Nguyên cũng lâm vào cảnh túng thiếu như cô, nhưng nhờ có thân nhân sống ở ngoại quốc, nên đời sống của họ đỡ khổ hơn nhiều. Cứ mỗi hai tháng họ nhận được một gói quà từ ngoại quốc trong đó có bột ngọt, thuốc lá ba số 5, bơ, phô mai, thuốc trụ sinh và những loại xa xỉ phẩm khác. Các thứ này họ đem bán lấy tiền mua gạo và những thứ cần thiết khác. Khi chồng chưa cưới của Đào ngỏ ý vượt biên, cô băn khoăn lo sợ. Cô không lo sợ cho cô mà cô sợ bỏ mẹ, bỏ em ở nhà. Mẹ của cô ôm cô khóc một đêm, nhưng cũng đồng ý để cô đi. Cô để lại tất cả tư trang và áo quần cho mẹ, chỉ đem theo cái bằng tú tài và một bộ đồ mặc trên mình. Cô thức một đêm với Văn, ký thác gia đình cho em. "Hễ qua được Mã lai, chị sẽ đánh điện cho em liền". Ghe của cô hư máy lênh đênh trên biển đã mười sáu đêm ngày và rốt cuộc bị bọn cướp biển tấn công. Cô bị ba tên cướp biển làm nhục, và tên thứ ba đã hất cô xuống biển. Đạt bị trói và đánh đập dã man. Có lẽ chàng đã chết rồi, và mọi người trên ghe có thể cũng đã chết rồi. Cô bưng mặt, nước mắt cô lại tuôn ra như suối. Cô gọi mẹ, gọi em, gọi tên người yêu. Cô nói cô muốn đập đầu vào đá để chết.

Hồng im lặng nghe, thỉnh thoảng cầm lấy tay Đào trong hai tay mình và bóp thật chặt. Em không hề ngắt lời của cô. Đến khi Đào đứng dậy định đập đầu vào đá thì em ôm cô ghì chặt lại. Hồng có một sức mạnh kỳ lạ khiến Đào không nhích thêm được một bước. Một lát sau, hết sức. Đào ngã quỵ xuống thở hổn hển. Trời về đêm lạnh mà mồ hôi Đào lấm tấm.

Hồng đỡ Đào ngồi xuống cỏ. Em lấy vạt áo hồng của mình lau mồ hôi trán cho Đào. Đợi cơn đau của Đào dịu xuống, em mới nhỏ nhẹ nói:

- Chị làm như vậy là chị không nghĩ tới hai bác và các em của chị. Hai bác và các anh chị sẽ khổ đau suốt đời mỗi khi nghĩ đến chị, cho rằng chị đã chết chìm dưới biển. Trong khi đó thì chị đang ở trên đất liền, có cơ hội đón ghe khác để tiếp tục cuộc hành trình. Nếu mà đến nơi đến chốn được thì chị sẽ làm việc để nâng đỡ cho gia đình. Nội cái tin chị được tới bờ bên kia cũng đủ cho bác vui rồi. Huống nữa chị vẫn còn nhiều hy vọng. Chiếc ghe của chị và bốn mươi hai người trên đó rất có hy vọng đến bến bờ bên kia. Bọn cướp sau khi hất chị xuống biển chắc đã tháo lui. Bởi vì chính mắt em trông thấy chiếc ghe đang bập bềnh trôi dạt về hướng Tây Nam. Trong vài ngày nữa có thể thuyền sẽ cặp vào một bờ bến Mã Lai. Anh Đạt rất có thể còn sống và chị còn rất nhiều hy vọng gặp lại anh ấy...

Đào nắm lấy cánh tay trái của em bé trong hai bàn tay mình:

- Chắc không em? Có chắc là anh Đạt còn sống không em? Mà tại sao em thấy được chiếc ghe chở anh ấy đi dạt về phía Tây Nam? Em đứng ở đâu và thuyền em bây giờ đi về hướng nào? Ba má cùng các anh chị của em hiện giờ ở đâu?

- Em hứa với chị là mai mốt em sẽ kể chị nghe. Chuyện của em gần như chuyện của chị. Bây giờ đã khuya rồi, chị em mình cần ngủ để sáng mai còn dậy canh chừng ba mặt biển. Chị nằm xuống đây và gối đầu lên cái rễ cây này mà ngủ.

- Chị cầu Trời khẩn Phật cho anh Đạt của chị còn sống. Em ơi, thân chị bây giờ ô uế rồi, chị không còn xứng đáng với anh Đạt nữa. Chị khổ lắm. Đời con gái giữ gìn từng ly từng tí, vậy mà trong phút chốc bị sa vào tay một bọn cướp biển dã man. Chị không còn hứng thú gì mà sống trên đời này nữa.

Đào khóc rưng rức. Hồng chậm rãi:

- Có nhiều người trên đời sống không vì hứng thú mà vì bổn phận và vì thương yêu. Mà nói cho tới cùng, sống vì bổn phận và vì thương yêu cũng có thể là một nguồn vui lớn, chị ạ.

Trong cơn đau khổ cùng cực, Đào không nhận thấy ý nghĩa sâu xa của lời Hồng nói, một lời nói thật ra không thể phát ra từ cái miệng xinh xắn của một cô bé mười tuổi như Hồng. Cho nên Đào lặng thinh. Hồng nói tiếp:

- Có biết bao người chìm ghe chết và bị lũ cá mập rỉa thịt, rỉa xương. Nhưng không phải chỉ ở dưới biển sâu mới có cá mập, thưa chị. Trên đất liền cũng có cá mập. Chúng rỉa thịt, rỉa xương tủy của chúng ta mà sống. Bọn cướp biển kia cũng là một loại cá mập có phải không chị? Có thể là vì bị những con cá mập khác trên lục địa chèn ép cho nên chúng mới ra biển để làm cá mập trên thuyền. Cá mập dưới biển rỉa hàng chục, hàng ngàn đồng bào của chị. Cá mập trên thuyền lại rỉa hàng chục ngàn đồng bào khác. Chị bị ba con cá mập rỉa đói. Chị đã gánh chịu một phần cái khổ đau cùng cực của đồng bào chị. Trong chúng ta, có ai mà không bị thương tích? Có ai mà bảo tồn toàn vẹn được thân thể và tâm hồn? Với con mắt em, em vẫn thấy chị trong trắng và trinh bạch một cách hoàn toàn. Bọn cướp biển bức bách chị, cưỡng đoạt chị, nhưng không lấy được gì của chị hết. Chị chưa bao giờ muốn đem thân thể của chị để đưa cho chúng nó. Chị không có lỗi lầm gì hết. Vết thương của chị, cũng như vết thương do một con cá mập gây ra, một ngày kia sẽ lành. Miễn là chị phải chạy chữa đừng để nó làm độc. Vết thương làm độc thì chị chết. Vết thương có thể làm độc tinh thần chị cũng như làm độc thể xác chị. Chừng mười ngày nửa tháng nữa thì chị em mình có thể qua được bờ bên kia. Chúng ta sẽ cố gắng xin với một bác sĩ chữa trị và chặn đứng chất độc của vết thương trong thân thể chị. Còn vết thương tinh thần thì không có bác sĩ nào chữa trị được cho chị hết. Chị phải chữa trị lấy.

Những lời nói của Hồng thấm dần, thấm dần vào toàn thân Đào. Cô nằm im lặng. Nước mắt cô tuôn trào nhưng cô đã cảm thấy dễ chịu hơn. Một lúc lâu sau đó Hồng nói:

- Hồi ở nhà em được nghe bà ngoại em tụng Tâm Kinh Bát Nhã mỗi buổi tối. Em không hiểu lời kinh, nhưng mỗi lần nghe kinh

là em thấy khỏe khoắn trong người. Chị mệt lắm, buồn lắm phải không? Chị im lặng để em đọc Tâm Kinh cho chị nghe nhé?

Rồi không đợi Đào trả lời, Hồng bắt đầu đọc Tâm Kinh Bát Nhã theo giọng của bà ngoại Hồng. Em đọc Tâm Kinh này luôn nhiều lần. Càng nghe Đào càng thấy nỗi đau của mình lắng xuống, êm dịu lại. Nước mắt vẫn chảy trên má cô, nhưng nước mắt bây giờ ngọt như nước cam lộ. Hồng chưa đọc xong hết "biến" thứ tư thì Đào đã thiếp đi. Cô ngủ cho đến sáng hôm sau khi nắng lên thì cô mới thức dậy.

* * *

Khi Đào thức dậy thì không thấy Hồng đâu cả. Nghĩ rằng Hồng thức dậy trước mình và đi chơi đâu đó lang thang trên đảo, Đào tới gần suối vốc nước rửa mặt. Cô lấy nước suối vã lên đầu tóc để rửa bớt chất mặn của nước biển. Rồi cô leo lên một tảng đá, nhìn quanh bốn phía. Nắng đã chiếu tràn lan trên mặt biển và hải đảo. Trời vẫn trong không một gợn mây. Chợt cô thấy xót xa trong ruột. Cô chạy về lấy một tấm bánh, cắn từng miếng nhỏ, nhai thật kỹ trước khi nuốt. Bánh thơm và có nhiều chất béo, rất là ngon miệng. Cô không dám ăn thêm, sợ thùng bánh mau hết. Cô vốc nước ngọt uống đầy bụng. Rồi cô mở bọc áo quần ướt ra quan sát. Trong bọc còn có một bộ bà ba màu tím, một cái áo montagut màu sữa đã cũ, một cái khăn tắm màu vàng khá lớn và một bộ đồ bà ba của trẻ em màu khói hương. "Bộ đồ này chắc Hồng mặc vừa", cô nghĩ như vậy và đem các thứ nói trên tới bờ suối để giặt. Áo quần còn sạch, cô chỉ cần xả đi cho hết mùi nước biển mà thôi. Cô vắt tất cả cho ráo nước và đem phơi trên những tảng đá có nắng chiếu vào. Cô làm xong việc mà Hồng vẫn chưa về. Cô đưa hai tay chụm lên miệng và gọi lớn tên Hồng nhưng không nghe tiếng Hồng đáp lại. Tiếng của chính cô dội lại làm cô hơi lo sợ. Cô bèn yên lặng. Men theo bờ suối cô đi lên đảo, với hai bàn chân không. Cô chọn những chỗ có cỏ hoặc có tảng đá để bước cho đỡ đau chân.

Cây cối trên đảo toàn là cây dại. Để ý, cô trông thấy một cây ổi. Cô hái một lá, vò nát, để lên mũi ngửi. Đúng là mùi thơm của lá ổi. Cô mừng như gặp một người thân. Nhà ngoại cô ở Cần Thơ có một cây ổi. Hồi

còn bé cô cứ hay trèo lên cây ổi đó để chơi và để hái ổi ăn. Ngoại cô cứ rầy tại sao con gái mà lại leo cây, cô không hiểu. Nhưng cô không nghe lời ngoại, cứ leo lên cây ổi đó hoài. Đứng trên một cành ổi mà nhún thì vui lắm. Nhành ổi rất dẻo, ít khi nào bị gãy. Thằng Văn, em cô có lần trèo lên cây bông sứ trước nhà bị té, bởi vì lần ấy cái cành sứ trên đó nó đứng nhún bị gãy. Cô biết cành sứ dễ gãy cho nên không trèo lên cây sứ. Vả lại cây sứ mọc ở sân trước, cô không muốn cho những người qua lại thấy cô trèo cây.

Trong thế giới lạ lùng này, cây ổi là một người quen. Cô lưu luyến đứng dưới gốc nó. Nhìn lên, cô chỉ thấy mấy trái ổi non. Nhưng cô rất muốn nếm, cô rất thèm hương vị của ổi. Cô nhìn quanh xem có ai không (lạ chưa, trên hoang đảo này có thể có ai mà phải nhìn) rồi nắm một cành ổi, nhún chân nhảy lên thân ổi. Cô không nhảy lên được, bởi vì sức cô đã quá yếu. Cô bèn bẻ một cành cây khô, khoèo nhánh ổi xuống. Một lúc sau, cô vít được cành ổi, kéo nó xuống thấp, và hái được trái ổi non. Cô lấy tay chùi vỏ ổi và đưa lên miệng cắn. Trái ổi non chát lắm, nhưng hương vị quen thuộc của nó làm cho cô sung sướng vô cùng. Mới xa cách quê hương có hai tuần lễ, mới xa cách loài người chưa được trọn một ngày tròn mà cô có cảm tưởng đã xa cuộc sống quen thuộc cũ có hàng trăm năm và cách biệt với loài người cách hàng ngàn thế giới.

Nhờ có cây ổi, Đào nhận thức được rằng mình đang đứng trên trái đất, giữa một hoang đảo trong vịnh Thái Lan. Cô nhìn ra trước mặt. Mặt trời ở phía trái của cô, đó là phương Đông, nơi cô đã ra đi. Bên phải cô là bến bờ Thái Lan và xa xa, về phía Tây Nam, là bờ biển Mã Lai, nơi chiếc ghe của Đạt đang trôi dạt tới. Cô tin lời bé Hồng như tin lời một người lớn. Cô bé thật là lạ. Mới từng đó tuổi mà phong độ giống hệt người lớn, nói năng như một người lớn. Càng nghĩ cô càng lấy làm lạ. Từ chiều hôm qua cho đến bây giờ nhiều thay đổi đã xảy tới trong tâm hồn cô và tất cả đều do con bé gây ra. Nếu không có nó chắc cô đã gieo mình xuống biển chiều hôm qua để chấm dứt cuộc đời mình. Một con bé mười tuổi, nhiều lắm là mười một, không thể nói lên những lời từng trải và thấm thía như Hồng đã nói hồi hôm với cô. "Chị đã gánh chịu một phần cái khổ đau cùng cực của đồng bào

chị. Trong chúng ta, có ai mà không bị thương tích? Có ai mà bảo tồn toàn vẹn được thân thể và tâm hồn? Em thấy chị còn trong trắng và trinh bạch hoàn toàn. Bọn cướp biển bức bách chị, nhưng chúng không lấy được gì của chị hết... Vết thương của chị cũng như vết thương do một con cá mập gây ra...".

Chính những lời nói đó đã khởi sự làm dịu bớt nỗi đau trong tâm hồn Đào. Biết bao nhiêu là sự khôn ngoan được chất chứa trong từng ấy câu nói. Ngồi trên ghế học đường bao nhiêu năm Đào đã học được gì để chuẩn bị đi vào đời? Một cô bé mười tuổi đã dạy cho Đào nhiều hơn mười năm đèn sách. Nhưng Hồng là ai? Tại sao Hồng không chịu trả lời những câu hỏi của Đào? Tại sao em lên được hoang đảo này với một thùng bánh và một bao quần áo? Tại sao em biết được ghe của Đào hiện đang theo gió tấp về phía Tây Nam? Tại sao một em bé gái mười tuổi mà lại bình thản và khôn khoan gấp mấy lần một thiếu nữ mười chín như Đào? Hay Hồng chỉ là một con ma? Nghĩ đến đó Đào thấy lạnh run, dù trời đã bắt đầu nắng gắt. Cô men theo lối cũ tìm về chỗ phơi áo để xem lại áo quần cô giặt sáng nay còn không, và thùng bánh cô ăn hôm qua và sáng nay có phải là bánh thật hay không, hoặc tất cả chỉ là giẻ rách và đất sét do ma biến hiện. Nhưng không, Hồng không thể là ma được. Bộ quần áo Đào đang mặc đây đúng là bộ áo quần của Hồng đưa từ tối hôm qua. Cô còn nhớ rất rõ là hôm qua khi tỉnh dậy trên bãi cát, cô không có một mảnh vải che thân. Mà kia rồi, những bộ áo quần cô giặt còn kia, đang được phơi trên các gộp đá. Mà thùng bánh cũng còn kia. Áo quần đã khô, cô đi thu góp và xếp lại thành một chồng. Hồng không thể là một bóng ma được. Nhưng Hồng đi đâu mà bây giờ chưa về? Cô lo ngại. Cô định trèo lên mỏm đá cao gần đấy để nhìn quanh thì bỗng nghe tiếng cười trong trẻo của Hồng từ phía bờ cát. Ngoảnh lại, cô thấy Hồng từ bờ cát đi lên, áo quần cô bé vẫn khô ráo không dính một giọt nước.

Tiếng cười trong trẻo của Hồng làm cho những sợ hãi của Đào tan biến trong chốc lát. Quả thật, đó là tiếng cười của trẻ con, sáng và dòn như thủy tinh. Vậy mà hồi nãy Đào đã nghĩ rằng Hồng là ma. Đào nói lớn, giọng hơi trách móc:

- Em đi đâu mà quá trưa mới chịu về như thế? Chị đi tìm em mãi mà không gặp.

Hồng đã tới bên Đào và chỉ cho Đào thấy những đám mây đen đang tụ họp phía chân trời Đông Nam:

- Sắp có cơn mưa giông rồi đó chị, ta đi kiếm chỗ trú ẩn đi thôi.

Hồng kéo Đào đi về phía những tảng đá lớn. Một lát sau, hai người tìm ra được một hốc đá khá rộng và khá kín đáo:

- Chị ngồi đây, để em trở lại mang thùng bánh và bọc quần áo, Hồng nói với Đào.

Đào nhặt những viên sỏi dưới đất và ngồi xuống, lưng cô dựa vào vách đá. Trời bỗng nhiên tối sầm lại. Gió thổi ào ào làm ngả nghiêng các thân cây phía trước. Những giọt mưa nặng bắt đầu rơi lộp bộp như có người ném đá. Một tia chớp sáng lòe xẹt ngang, tiếp theo là một tiếng sấm nổ lớn gần như ở phía trên đầu của Đào. Cô đang run rẩy thì Hồng vừa chạy tới, một tay ôm thùng bánh, một tay xách bọc áo quần. Cô đỡ những thứ đó trên tay Hồng, đặt xuống đất, ôm Hồng vào lòng và lấy tay vuốt phủi những giọt mưa trên tóc và trên áo Hồng. Cô bé để yên cho Đào săn sóc và âu yếm. Mưa trút ào ào nghe như tiếng thác đổ, nhưng chỗ hai người ngồi không hề bị ướt. Mặt biển lúc này chắc là đầy sóng gió. Hồng từ từ mở mắt và nói với Đào:

- Biển động như thế này thì có nhiều ghe tị nạn chìm lắm chị ạ.

Đào trầm ngâm. Trong trí tưởng tượng của cô, cô thấy hình ảnh những chiếc ghe trẻ em và phụ nữ đang bị sóng nhồi ngang ngửa trên mặt biển. Những cánh tay đưa chới với. Những tiếng kêu la kinh hoàng lạc trong mưa gió. Những thân hình chìm nghỉm dưới biển sâu. Và những đàn cá mập quanh quẩn chờ đợi, sẵn sàng lao tới. Trái tim cô như bị một bàn tay ác nghiệt nào bóp chặt. Lòng cô xao xuyến, cô tự hỏi không biết tại vì sao từ hơn nửa thế kỷ nay đồng bào của cô không ngày nào mà không chịu cảnh tai ương chết chóc. Cô nhìn Hồng thì thấy hai má em bé ướt đẫm nước mắt. Thì ra Hồng cũng đang lặng lẽ khóc. Nhìn Hồng khóc, cô bỗng thấy niềm đau của cô

dịu đi, trái tim cô như được bàn tay ác nghiệt kia buông thả. Cô lấy vạt áo lau nước mắt cho Hồng. Hai người lặng yên không nói gì. Đào thầm ước cho mưa chóng tạnh, gió chóng yên. Nhưng mưa vẫn giăng mịt mùng đầy trời và gió vẫn ào ào bốn phía. Nằm trong tay cô, Hồng nhắm lại như ngủ. Hơi thở của em nhè nhẹ. Cô có cảm tưởng đang ôm tất cả những gì cô thương yêu trong lòng. Sự có mặt của Hồng trên đảo này thật là một điều nhiệm mầu, lạ lùng khôn tả.

Mưa cho tới gần bốn giờ chiều mới dứt. Mây quang, trời tạnh và mặt trời lại ló dạng. Hoang đảo có vẻ dịu mát. Đào và Hồng rủ nhau lên đứng trên một tảng đá lớn. Hai người phóng mắt về phía chân trời. Vẫn không thấy có bóng một ghe thuyền nào. Có lẽ nhiều chiếc đã chìm trong thời gian sóng gió.

Đào kéo Hồng ngồi xuống tảng đá và bảo Hồng kể chuyện Hồng cho Đào nghe. Hồng ngần ngại. Nhưng bỗng em cười rất tươi, và giao hẹn với Đào:

- Em sẽ kể chuyện cho chị nghe, nhưng hôm nay em chỉ kể một nửa thôi nhé. Còn một nửa chị phải đợi tới ngày mai. Chị có bằng lòng thì em mới kể.

Đào bằng lòng. Hồng ậm ừ một lát rồi mới bắt đầu nói.

* * *

Hồi đó Hồng còn bé lắm. Thế giới của Hồng chỉ rộng bằng đôi cánh tay của má Hồng. Nằm trong thế giới đó, em thấy ấm áp và yên lành. Hồng có biết đâu rằng hai cánh tay đó của bà đã chống đỡ cả một vũ trụ giông bão bên ngoài để bảo tồn được cái không khí an lành vô tư mà trong đó em được ấp ủ. Mãi tới gần đây, em mới thấy được một đôi chút cái thế giới của người. Ngày xưa tại Vĩnh Long, ba má Hồng có một nhà máy nước đá và một tiệm tạp hóa. Ông bà trông nom hai cơ sở đó và được người ăn người làm thương mến. Tại miền quê, gần sát nhà của bà ngoại Hồng, ba má Hồng còn gầy dựng được một vườn cây ăn trái, có hơn ba trăm gốc xoài, một trăm gốc nhãn và gần sáu chục gốc sầu riêng. Chiến tranh đã cướp mất ba Hồng và làm tan

nát cửa hàng tạp hóa. Khi chính phủ lâm thời của Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam lên nắm chính quyền, má Hồng quyết định về quê. Bà đem nhà máy nước đá và tất cả vốn liếng tài sản làm ăn ở thị xã cống hiến cho nhà nước. Bà chỉ muốn giữ lại có vườn cây ăn trái ở quê ngoại Hồng. Về quê được một tháng thì má Hồng sinh cho Hồng một đứa em trai kháu khỉnh. Hồi ba Hồng bị lạc đạn chết ở thị xã Vĩnh Long thì bà mới có thai thằng nhỏ được hai tháng. Em của Hồng tên là Bích. Nó giống ba Hồng như tạc. Má Hồng và Hồng rất thương yêu Bích. Hồng đi học trường làng. Mỗi chiều, má Hồng ẵm Bích và dắt Hồng đi chơi giữa những cây xoài, cây nhãn. Kể ra vườn cây ăn trái của nhà Hồng rất đáng giá, ba mẹ con có thể sống sung túc nhờ tiền bán trái cây. Ba Hồng trước kia đều có ủng hộ tài chính cho Cách Mạng, trích trong tiền huê lợi thâu được của nhà máy nước đá và tiệm tạp hóa. Sau khi dâng hiến cho nhà nước các cơ sở này, má Hồng nghĩ rằng bà vẫn có thể tiếp tục ủng hộ cho nhà nước cách mạng mỗi năm bằng cách lấy bớt hai mươi phần trăm tiền bán trái cây trong vườn để hiến cho cách mạng. Trong một bữa cơm thịnh soạn mà bà bỏ công nấu để đãi người cán bộ xã quen thuộc, bà đã tỏ lộ thiện ý ấy. Người cán bộ công nhận thiện ý của bà, nhưng khuyên bà nên biến mấy mẫu đất trồng cây ăn trái thành ruộng lúa. Bà rất ngạc nhiên. Mười mấy năm trời với bao nhiêu công khó nhọc mới gầy dựng được sở vườn. Bây giờ đốn ngã hết bao nhiêu cây quý để mà làm ruộng, điều đó bà không thể tưởng tượng ra được. Nhưng người cán bộ nói rất chân thành. Anh bảo hiện giờ đất nước cần lúa gạo hơn là những thứ trái cây xa xỉ. Nếu bà không nghe lời thì tiền bán trái cây thu được mỗi năm sẽ không đủ để trả tiền thuế, lấy đâu ra mà mua gạo cho con ăn, đừng nói hiến hai mươi phần trăm cho nhà nước. Nếu bà trồng lúa thì thuế sẽ ít hơn nhiều. Đã quen với việc làm ăn, má Hồng cho việc đốn cây ăn trái để trồng lúa là việc điên rồ nên bà không chịu nghe theo. Nhưng người cán bộ đã nói đúng và nói thành thực. Sau khi nhà nước đến kiểm kê và nói cho bà biết tiền thuế của mỗi gốc xoài, gốc nhãn, gốc sầu riêng, bà mới ngã ngửa. Nhưng sức phản kháng lớn quá khiến bà không chịu đốn xoài, nhãn và sầu riêng để trồng lúa. Bà làm giấy hiến dâng sở vườn cho chính phủ rồi ôm thằng Bích và dắt con Hồng lên thị xã sống nhờ một người quen. Đây là một người bạn học

cũ rất thân của má Hồng. Chồng bà đã đi học tập, bà ở nhà buôn bán qua ngày để nuôi ba đứa con. Bà đề nghị má Hồng nấu cháo vịt để bán, và chia một căn phòng trong nhà cho ba mẹ con Hồng. Được hai năm thì tiền vốn của má Hồng cạn. Bà cũng lâm vào cùng một tình trạng. Hai gia đình không có đàn ông ở chung một nhà. Hai bà mẹ tìm trăm phương ngàn kế mà không có cách nào nuôi nổi năm đứa trẻ. Họ bán dần tư trang, áo quần và tất cả những gì bán được. Có những đêm đói quá, ba mẹ con Hồng nằm ôm nhau trên bộ ván mục, cố sức ngủ để quên đói mà không thể nào ngủ được. Ngoại Hồng mất đã lâu rồi nên má Hồng cũng không còn rút lui được về miền quê.

Một hôm bác Bảy Nhiêu tới rủ ba mẹ con Hồng vượt biển. Vượt biển? Có ai quen bên phía trời kia mà vượt biển? Bác Bảy Nhiêu là người cùng làng, ngày xưa đã từng chịu ơn ba má Hồng. Hai người con trai của bác sắp bị đi lính sang Cam-pu-chia cho nên bác muốn chúng nó đi trốn. Bác nghe nhiều người vượt biển hiện giờ sống bình an và còn gửi tiền về giúp cho gia đình. Trong cơn túng quẫn bác muốn đem hai người con bác bỏ nước trốn đi. Bác có một chiếc ghe. Bác đã chuẩn bị kỹ lưỡng. Bác cho hai gia đình khác cùng đi, mỗi gia đình phải góp tiền để đủ mua dầu, nhớt và thực phẩm cho mười ngày đi biển. Tất cả đều được chuẩn bị đầy đủ; còn ba chỗ ngồi trên ghe, bác muốn dành cho ba mẹ con Hồng. Má Hồng không nghĩ là mình đi tị nạn chính trị. Bà chỉ nghĩ rằng ở đất này mình sống không được thì mình đi đất khác. Nghe nói ra biển gặp tàu ngoại quốc thì mình được họ vớt lên và mang về xứ họ liền. Mẹ con bà đói quá, vậy bà phải đi. Cũng như hai cậu trai kia không muốn đi lính qua Cam-pu-chia thì cũng phải đi. Sau mấy ngày suy nghĩ, má Hồng quyết định đi theo bác Bảy. Ba mẹ con sắp đặt về quê theo bác. Hồng không có gì đem theo cả. Cái áo Hồng mặc trên người là cái áo đẹp nhất của em. Chiếc quần xa lanh trắng của em cũng đã mòn gấu. Và một đôi giầy cao su trên hai bàn chân nhỏ. Đoàn người chia làm hai nhóm đi suốt đêm trong rừng rậm. Trẻ con được cho uống thuốc ngủ để khỏi khóc. Quanh quẩn trốn tránh gần tới hai ngày hai đêm họ mới tới được chỗ giấu ghe. Ghe vừa mới đi ra đã thấy bóng dáng của bốn chiếc thuyền đánh cá quốc doanh, nên lại phải quay trở lại trốn tránh. Đêm sau ghe ra bình

yên. Đến sáng thì tới hải phận quốc tế. Tưởng rằng tới đây là thoát, ai ngờ ra tới đây mới là bắt đầu đi vào cuộc mạo hiểm. Ghe chạy được một ngày thì hỏng máy. Bác Bảy loay hoay mãi mà không chữa được. Ghe bắt đầu dềnh dàng trôi nổi trên biển cả, không có cách gì điều khiển được. Ai nấy đều cầu nguyên cho một chiếc tàu ngoại quốc đi qua để mọi người được vớt lên. Nhưng suốt bốn năm ngày trôi dạt, ghe không gặp một chiếc tàu hay một chiếc ghe nào khác. Không ai biết được hiện giờ ghe đang trôi nổi ở vị trí nào trong vịnh Xiêm La.

Kể tới đây, Hồng nhìn Đào và hỏi:

- Ghe của chị có gặp tàu ngoại quốc nào không hả chị?

Đào gật đầu:

- Có, ghe của chị có gặp một tàu Nga, hai tàu Panama, một tàu Úc, một tàu Singapore và một tàu Hoa Kỳ. Thấy ghe chị, chiếc nào cũng làm lơ, đi thẳng. Chị không biết tại sao họ tàn nhẫn như thế. Má chị thường nói cứu một mạng người thì có phước nhiều lắm. Phước nhiều hay không thì chưa biết, nhưng chị chắc chắn là niềm vui khi cứu được một người lâm nạn phải là một niềm vui lớn. Những chiếc tàu kia coi mạng sống của đồng loại không bằng mạng sống của một con kiến. Thật là nhục nhã. Vậy mà chị cứ tưởng loài người là văn minh...

- Trước đây cũng có nhiều chiếc từng vớt người chị ạ. Nhưng một khi cứu người lên rồi thì không có bến nào chịu đón nhận người tị nạn, dù là tạm thời. Không có nước nào muốn chấp nhận người tị nạn. Các trại tị nạn ở Mã Lai, Nam Dương và Thái Lan mà có được là do sự can thiệp của Phủ Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc. Bất đắc dĩ các nước đó mới phải chấp nhận cho người tị nạn lên bờ. Họ âm thầm ra lệnh cho cảnh sát mỗi khi có ghe tị nạn tới thì đẩy lui ra hải phận quốc tế. Vì vậy có rất nhiều ghe tị nạn đi vòng lang thang ngoài biển và cuối cùng bị sóng gió nhận chìm.

Đào mở to hai mắt:

- Sao mà em biết được những chuyện đó, hả Hồng? Em đọc những điều đó ở sách báo nào thế?

Hai mắt cô bé đượm buồn:

- Em biết vì em biết, thế thôi chị ạ. Em không có đọc sách báo nào cả. Tân Gia Ba là một trong những xứ tàn nhẫn nhất. Có những ghe lén vào được bờ và người trên ghe nhận chìm thuyền để khỏi bị đuổi ra biển trở lại. Họ liền bị bắt nhốt và không ai biết họ bị giam ở nơi nào. Nếu nhà báo biết được, hoặc một tòa đại sứ nào hay được, hoặc có vị đại diện Liên Hiệp Quốc nghe tin, thì đó là một diễm phúc cho người bị bắt. Chính quyền Tân Gia Ba sẽ không thủ tiêu họ. Và dần dà họ cũng được một tòa đại sứ Tây Phương bảo lãnh để đem sang nước họ. Còn những người không ai biết đến thì có thể nằm mãi trong lao cho đến chết. Nhiều thuyền tị nạn ghé Mã Lai bị cảnh sát Mã bắn dọa để đuổi và có khi bắn thật vào thuyền làm thiệt mạng hoặc bị thương nhiều người. Số thuyền bị đuổi ra và chìm ngoài hải phận quốc tế không thể nào đếm được thưa chị. Có một lần em trông thấy hai chiếc ghe tị nạn ghé vào bờ Mã Lai, khoảng mười lăm cây số về phía Nam thành phố Mersing. Một chiếc chở sáu mươi hai người và một chiếc năm mươi bốn. Cả thảy là một trăm mười sáu người, trong số đó có hai phần ba là trẻ em. Tất cả đứng trên bãi cát, run rẩy xin vào tị nạn. Nhưng cảnh sát Mã Lai không có quyền cho phép. Họ buộc dân tị nạn leo lên thuyền để họ đuổi ra hải phận quốc tế. Mọi người than khóc, cầu khẩn nhưng vô hiệu. Có người nói rằng hai chiếc ghe đã bị hư hỏng, không thể nào ra biển lại được. Sau khi xem xét ghe, cảnh sát đi tìm thợ mộc trong một làng gần đấy để trám lại thuyền. Bốn giờ đồng hồ sau, mọi người bị đuổi lên ghe, trở ra hải phận quốc tế. Liền khi ghe mới ra khỏi vùng nước Mã Lai, sóng biển nhận chìm chiếc ghe chở sáu mươi hai người. Mọi người trên chiếc ghe thứ hai đều chứng kiến cảnh tượng hãi hùng đó. Thật chưa có cảnh thất vọng nào lớn lao hơn nữa. Người chỉ huy ghe thứ hai nhất định cho ghe cập bến trở lại dù bị tù hay bị bắn. Khi tới bến họ phá hủy chiếc ghe và ngồi lì trên bãi. Cảnh sát không biết phải

làm gì hơn, mới đem họ vào tạm trú trong một cái nhà kho mục nát gần đó. Dân làng tự động đem tới cho họ cơm và thức ăn. Trẻ con và phụ nữ than khóc như ri. Đàn ông thì im lặng; người nào người nấy chỉ nhìn vào khoảng không, chẳng nói năng mà cũng không ăn uống. Trong số sáu mươi hai người của chiếc ghe bị chìm chỉ có hai người đàn ông sống sót. Họ đã bơi lội mấy tiếng đồng hồ và đã được một ghe đánh cá Mã Lai vớt. Nhưng khi lên bờ họ bị đem đi đâu biệt tích. Cảnh sát dọa năm mươi bốn người kia không được kể chuyện chiếc ghe chìm cho bất cứ ai, nếu không thì họ sẽ bị bỏ lên một chiếc ghe cũ và đuổi ra hải phận quốc tế trở lại. Số phận của hai người kia về sau không rõ. Có thể họ đã bị thủ tiêu để cho câu chuyện kia được giữ kín đối với báo chí quốc tế. Những cảnh thương tâm như vậy xảy ra luôn luôn chị ạ, không tuần lễ nào là không có.

Hồng nói tự nhiên như Hồng kể lại chính những chuyện mắt thấy tai nghe của mình, chứ không phải là lặp lại những điều đã nghe người khác nói. Nét mặt Hồng vừa trang nghiêm, vừa đượm buồn. Không biết tại vì đâu mà Đào lại tin chắc rằng những điều Hồng nói là có thực, dù cô rất ngạc nhiên không hiểu sao cô bé ngồi trước mặt lại có thể biết, có thể thấy và nghe được nhiều điều như thế. Nhưng cái ngạc nhiên của cô không lớn bằng nỗi khổ đau đang dâng lên trong tâm hồn cô. Cô đã tưởng rằng những khổ nhục mà cô chịu đựng vì máy hư, vì đói khát và vì bọn cướp biển là những khổ nhục cùng cực rồi. Bây giờ cô mới thấy thảm trạng của những đồng bào cô. Bao nhiêu người đã chết dưới biển sâu? Cô không dám nghĩ tới. Cô chỉ biết là nhiều lắm, nhiều lắm. Đất nước mình mà mình không được ở, đem thân tới nước người cho họ bắn giết xua đuổi, hãm hiếp, cướp bóc và cuối cùng cũng chết dưới biển sâu. Hai hàng nước mắt lại tuôn ra, cô gục đầu khóc trên vai Hồng. Nắng đã tắt, gió chiều đã chuyển lạnh. Hồng đứng dậy. Em đi lấy bánh và nước suối cho Đào.

Đêm đã khuya mà Đào còn trăn trở mãi. Cô nghĩ tới chiếc ghe của Đạt, không biết giờ này trôi dạt phương nào. Trên ghe không còn thực phẩm, không còn nước uống và mọi người đều đã kiệt lực. Dù ghé được tới bến Mã Lai đi nữa thì liệu những người trên ghe có được

đưa vào một trại tị nạn hay không? Hay là cảnh sát lại kéo ghe ra để cho ghe chết chìm như những ghe khác? Đạt mà chết thì cô không còn thiết sống nữa. Hồng đã nói rằng mình không được ích kỷ nghĩ đến cái chết của mình. Mình phải sống cho mẹ và cho các em. Đào nói thầm: "Thưa mẹ, con sẽ sống, con sẽ sống vì mẹ và vì các em con." Đào nằm khóc như mưa.

Nhưng Hồng đã tỉnh giấc trẻ thơ. Em nghe tiếng Đào khóc và nhỏm dậy, vỗ về Đào. Như đọc được niềm đau khổ của Đào, em nói:

- Đã có những ghe ghé vào đúng bờ của trại tị nạn và được chấp nhận. Chị đừng lo buồn quá. Anh Đạt và những người đồng hành tuy hết lương thực nhưng còn cầm cự được ít ra cũng là vài hôm nữa. Nếu gặp được một ghe đánh cá nhân từ thì thế nào ghe của anh cũng được đưa vào bến bờ an ổn.

- Nhưng ít khi mình được gặp may như thế lắm, em Hồng. Chị chỉ sợ...

- Chị đừng sợ; chị đã bị một tên hải tặc hất xuống biển rồi mà có sao đâu. Có nhiều chuyện kỳ lạ đã xảy ra. Mấy tháng trước đây có bảy người thanh niên, bốn trai ba gái, đi trên cùng một chiếc ghe nhỏ không có máy đẩy. Họ chỉ dùng chèo bơi tay mà cũng tới bến Thái Lan và được chấp nhận vào trại Songkhla. Có một gia đình hai con, một đứa bốn tuổi, một đứa hai tuổi, trốn đi trên một chiếc ghe nhỏ, chiều dài bảy thước, chiều ngang một thước sáu. Khi chưa ra khỏi vùng biển Rạch Giá thì ghe bị bắn theo và người chồng trúng đạn giữa ngực. Ghe của họ lấy hết tốc lực chạy ra khỏi tầm súng, nhưng người cha chết trên ghe hai ngày sau đó. Bà mẹ, với hai đứa con thơ, đã cầm cự một mình với biển cả suốt cả bảy ngày bảy đêm, và cuối cùng cũng tấp vào được bờ biển Thái Lan. Có nhiều chiếc ghe đang chìm thì có tàu hoặc ghe đánh cá đi ngang cứu kịp. Vũ trụ có đầy chuyện lạ lùng mà ta chưa từng thấy từng nghe, thưa chị. Thế giới của chúng mình quanh quẩn chỉ có gia đình, trường học, chợ búa, hàng quà, rạp xi nê và xã hội mua bán. Chúng ta tưởng

rằng giác quan của chúng ta là những cửa sổ mở ra ngoài vũ trụ, và những điều chúng ta nghe thấy và sờ mó được chính là hình ảnh trung thực và toàn vẹn của vũ trụ bên ngoài. Khoa học đã hé cho ta thấy một ít sự thật về cái vũ trụ thực ngoài ta. Ánh sáng, âm thanh, và nhiệt độ mà tiếp nhận không phải đích thực là ánh sáng, âm thanh và nhiệt độ trong vũ trụ. Mắt ta chẳng hạn, chỉ tiếp nhận được những tia sáng mà ba trường chỉ là từ bốn trăm đến tăm trăm phần triệu của một ly. Nhưng trong vũ trụ còn có rất nhiều quang ba mà ba trường dài hơn hoặc ngắn hơn, vì vậy giác quan ta không tiếp nhận được. Nếu ba trường chỉ dài khoảng bốn trăm phần triệu của ly thì ta thấy màu tím. Nếu ba trường dài tới tám trăm phần triệu của ly thì ta lại thấy màu đỏ. Như vậy, màu đỏ và màu tím cũng như các màu khác, chỉ là chiều dài của những ba trường, và màu sắc tự chúng không có bản thể. Một bông hoa màu đỏ không phải là vì bông hoa ấy có màu đỏ mà vì khi tiếp nhận ánh sáng tự nhiên, bông hoa ấy thu hút tất cả những quang ba có ba trường ngắn và chỉ phản chiếu lại trong mắt ta những quang ba có ba trường dài. Chị học vật lý chắc chị biết những điều đó rồi. Em nhắc chị là để chị nhớ rằng những chuyện kỳ bí, lạ lùng trong vũ trụ không phải đi tìm đâu xa; nó ở ngay trong cuộc sống hàng ngày. Nhiều khi mình phải nghi ngờ cái thấy và cái nghe của mình, bởi vì cái thấy và cái nghe của mình có thể sai lạc chị ạ. Chị có nhớ hồi chiều khi chị em mình nhìn cái mặt trời đỏ chói đang từ từ lặn xuống biển hay không? Lúc đó ta tưởng như là ta đang trông thấy mặt trời của hiện tại. Kỳ thực mặt trời mà ta trông thấy đó chỉ là một mặt trời của quá khứ, trong khi mặt trời hiện tại đã lặn xuống biển trước đó tám phút rồi. Ta có thể nói là ta chẳng bao giờ thấy được mặt trời của hiện tại, và ánh sáng sưởi ấm cho chúng ta hàng ngày là ánh sáng của một mặt trời quá khứ. Chị thấy không? Vì vậy cho nên ta phải tỉnh táo, đừng để cho những điều ta thấy, nghe và nghĩ che lấp cái vũ trụ mầu nhiệm bên ngoài. Ở Sài Gòn, có khi nào chị nghĩ tới rằng một ngày kia chị sẽ nằm ngủ gối đầu trên một cái rễ cây nơi chốn hoang đảo cách biệt này không? Có bao giờ chị nghĩ đến những cảnh tượng hãi

hùng trên biển không? Vậy mà những điều đó đã xảy tới cho chị. Cũng may mà ngoài những cảnh tượng đau nát lòng kia vũ trụ còn dành cho ta những hiện tượng mầu nhiệm khác. Chị đừng lo lắng và sầu khổ quá mà mất đi phần sáng suốt của tâm não. Hãy giữ tâm hồn chị bình thản mà tiếp nhận những điều mầu nhiệm ấy. Thôi, đêm đã khuya, chị cần phải ngủ. Ngày mai em sẽ kể tiếp cho chị nghe chuyện của em như em đã hứa. Bây giờ để em đọc Tâm Kinh Bát Nhã cho chị nghe và em chúc chị yên giấc.

Hồng lại lấy giọng của bà ngoại mà đọc Tâm Kinh Bát Nhã: "Bồ Tát Quán Tự Tại đi sâu vào phép quán Bát Nhã, thấy được năm uẩn là không, vượt được tất cả mọi khổ đau ách nạn. Này người con của Xá Lợi, sắc tức là không, không tức là sắc, sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng đều như vậy...". Lời kinh êm dịu như mưa rơi nhẹ trên cỏ cây hoa lá. Đào nằm yên để cho lời kinh tác động trên tim trên óc mình. Cô mơ thấy một dòng nước mắt chảy trong một cánh đồng có lấm tấm các bông hoa vàng, tím,...

* * *

Ngày thứ ba trên đảo vắng. Sáng thức dậy Đào lại thấy vắng Hồng. Cô bé này ưa đi chơi thật sớm, Đào suy nghĩ. Cô xuống suối vốc nước rửa mặt, lấy bộ áo bà ba màu tím ra thay, giặt bộ đồ cũ và đem phơi. Đợi mãi mà chưa thấy Hồng về, cô liền lấy hai chiếc bánh lạt ra ăn rồi vốc nước suối uống. Cô lại ngược dòng suối đi lên đảo, mong tìm gặp Hồng. Đi ngang qua cây ổi hôm trước, cô dừng lại, hái thêm một trái ổi non và đứng ăn dù trái ổi chát đắng khiến cô nhăn mặt. Chợt thấy mấy cây rau tàu bay mọc gần đấy, cô lại gần ngắt đọt định đem rửa để ăn sống cho đỡ xót ruột. Đi một lát nữa, cô lại tìm thấy mấy cây rau sam và rau dền. Cô hái mỗi thứ một nắm, rồi trở về nơi hốc đá. Hồng vẫn chưa về. Cô trèo lên tảng đá cao nhất và quan sát mặt biển. Biển bao la quá, cô không thấy bóng một chiếc ghe nào cả. Cô lấy làm lạ không biết Bưởi đi đâu mà sáng nào cũng biệt tích. Cô lại bắt tay lên miệng làm loa để gọi Hồng. Cô gọi đến hết hơi mà không thấy Hồng trả lời. Thất vọng, cô ngồi phịch trên tảng đá. Nhưng cô nhận

thấy rằng cô không còn sợ tiếng vang của âm thanh cô vọng lại như ngày hôm qua.

Mặt trời lên tới đỉnh đầu mà Hồng đi chơi vẫn chưa về. Cô rất muốn đi tìm Hồng nhưng lại sợ lạc. Hồng đã lạc đường chăng? Không có lẽ. Cô bé này khôn ngoan hơn mình nhiều, nó không thể lạc đường trong hoang đảo. Đào nhớ lại những điều Hồng nói và càng lúc cái ngạc nhiên của cô càng trở nên to lớn. "Con bé sao mà thông minh một cách lạ lùng, mình nghĩ gì trong đầu nó cũng biết. Có khi nó nói chuyện như một ông thầy giảng bài. Có khi nó an ủi mình như một bà mẹ an ủi con. Hình như không có gì xảy ra trên mặt biển mà nó không biết. Nó kể chuyện như là nó có chứng kiến tất cả những điều nó nói." Lạ hơn nữa là Đào thấy mình rất tin những điều nó nói. Nó nói Đạt còn sống thì Đào sẵn sàng tin ngay là Đạt còn sống. Mà Đào có phải là đứa con nít bạ ai nói gì cũng tin được cả đâu. Có lẽ Hồng là một đứa bé đặc biệt, một loại thần đồng, Đào nghĩ. "Lát nữa nó về mình sẽ hỏi nó học trường nào, và tại sao nó biết được nhiều chuyện như thế, kể cả những chuyện xảy ra ở bờ biển Mã Lai."

Nhưng Đào đợi mãi mà vẫn không thấy Hồng. Vào khoảng hai giờ trưa hôm đó, mây đen lại kéo tới và trời nổi cơn giông. Mưa lớn không khác gì ngày hôm qua. Đào núp dưới hốc đá một mình, nghĩ đến Hồng giờ này ướt như chuột lột ở một nơi nào đó trên hoang đảo. Cô lo cho Hồng quá. Trời cứ mưa gió như thế cho đến khoảng xế chiều mới tạnh.

Khi trời đã ngả màu tím và cái lo sợ của Đào đã lên tới chỗ cùng cực thì Hồng về. Hồng từ dưới bãi cát đi lên, tóc và áo của em không dính một hạt mưa. Mừng quá, Đào la lên, chạy tới ôm chầm lấy Hồng. Hồng để cho Đào ôm như thế một lúc lâu rồi mới từ từ gỡ khỏi tay Đào, em nói:

- Có tin mừng chị ơi. Ghe anh Đạt đã được vào bờ.

- Sao, em nói sao? Ghe anh Đạt vào bờ hả? Đào hấp tấp hỏi. Không kịp nghĩ tại sao mà Hồng có thể biết được một cái tin như vậy.

- Ghe anh Đạt được một cái ghe đánh cá Mã Lai kéo vào gần cù lao Bidong. Bây giờ cả ghe đã được lên bờ và đã được chấp nhận vào trại tị nạn ở cù lao đó. Chị thấy không? Em đã nói là mình không nên mất hy vọng.

Đào rối rít:

- Thật hả em? Như vậy thì chị mừng quá. Chắc chị sống được rồi. Còn anh Đạt? Anh ấy có bị thương tích không? Vết thương có nguy hiểm đến tính mạng không?

Hồng lắc đầu:

- Anh Đạt không sao hết. Anh đã được một người bác sĩ cũng là dân tị nạn trong trại khám bệnh. Anh không bị nội thương. Người ta đã giã gừng lấy nước để bôi những vết bầm trên người của anh. Hiện anh chỉ khổ đau vì nghĩ rằng chị đã chết chìm dưới biển.

- Tội nghiệp cho anh Đạt ghê đi, Hồng. Làm sao mà ảnh biết rằng là chị còn sống ở đây, hả Hồng?

- Không có cách gì hết, thưa chị. Chỉ khi nào chị qua được ở bên kia thì chị mới có thể viết thư cho anh ấy mà thôi. Nhưng chị chưa qua được. Chúng ta còn phải chờ, mà không biết phải chờ bao lâu.

- Chị sợ chị chết trên đảo này và chẳng bao giờ gặp lại anh ấy nữa.

- Đó, chị lại để cho sự thất vọng xâm chiếm rồi. Mới nhận một tin vui lớn như thế sao chị lại có một cái nhìn bi đát như vậy?

- Chị tệ quá, chị xin lỗi em. Chị nghe lời em và hy vọng được rời khỏi đảo này sớm. Nhưng này em, làm sao mà em biết được tin đó? Em đi đâu từ sáng đến giờ khiến cho chị phải lo lắng cả ngày, đứng không yên mà ngồi cũng không yên?

Hồng lẳng lặng cầm tay Đào và đưa Đào lên ngồi trên một tảng đá. Em nói:

- Hôm qua em có hứa với chị là hôm nay em sẽ kể hết chuyện em cho chị nghe. Chuyện nào cũng có buồn vui. Mấy hôm nay chắc chị thắc mắc không hiểu tại sao em còn nhỏ mà biết nhiều chuyện kể cả những chuyện xảy ra bên bờ bên kia nữa. Chị lắng nghe em thì chị sẽ hiểu hết. Như hôm qua em đã thưa với chị, có những điều kỳ lạ mà chưa thấy, chưa hiểu, ta không nên cho là quái đản. Cũng như hôm qua em nói: cái bông hồng không phải tại nó hồng mà tại vì nó hút hết các tia sáng khác và chỉ phản chiếu những tia sáng có ba trường dài nhất mà mắt ta có thể thu nhận được. Em là bé Hồng của chị, năm nay em mười một tuổi. Nhưng em cũng là một con cá. Đó, chị lại giật mình rồi. Chị cười lên em xem nào? Được rồi, có thế em mới kể tiếp chuyện em cho chị nghe được.

Rồi Hồng tiếp tục câu chuyện hôm qua. Khi ghe của em ra tới hải phận quốc tế. Ghe chạy được một ngày rất ngon trớn. Nhưng tới ngày thứ hai thì ghe hỏng máy. Bác Bảy Nhiêu loay hoay mãi mà không chữa được. Ghe bềnh bồng trôi dạt từ đó. Trong bốn năm ngày liên tiếp, ghe không gặp một chiếc tàu nào hay một ghe chài lưới nào. Đến hôm thứ sau, biển động mạnh, mưa gió xối xả, chiếc ghe không điều khiển bị sóng đưa lên đưa xuống nhiều lần muốn lật. Mọi người trên ghe đồng ý quăng xuống biển tất cả hành lý, hy vọng ghe nhẹ sẽ không chìm. Họ đương đầu với sóng gió suốt ngày và suốt đêm, và may mắn là chiếc ghe đã không lật. Lúc tờ mờ sáng thì cơn bão chấm dứt. Mọi người đuối sức, không còn ai cử động được nữa. Ai cũng đói lả. Nước uống và thực phẩm đã bị liệng xuống biển từ ngày hôm qua rồi. Nắng lên, trong ghe nóng như một hầm lửa. Ai cũng khát đến khô cháy cổ mà không có nước uống. Khi đêm xuống thì trời lại lạnh. Cứ như thế mà ghe của Hồng trôi dạt ngày này sang ngày nọ. Em bé của Hồng, thằng Bích, lên cơn sốt. Không có thuốc men, không có nước uống. Bệnh tình của Bích càng lúc càng nặng. Ngày hôm sau nó chết. Má Hồng ôm xác nó trong tay, không chịu buông ra. Bà muốn khóc nhưng không còn nước mắt. Ghe của Hồng lại bị thủng lỗ, nước cứ

ngấm vào; những người đàn ông thay nhau tát nước cho đến khi ai cũng mệt lả không còn cử động được. Một mình bác Bảy cầm chiếc lon tiếp tục múc nước đổ ra ngoài. Bác Bảy bảo Hồng đi tiểu thì giữ nước tiểu mà uống. Hình như những người khác cũng làm như vậy. Qua ngày hôm sau, bác Bảy bảo má Hồng phải làm lễ thủy táng Bích, bà không chịu. Nhưng xác Bích đã hôi lắm, nên chiều hôm đó bà đành nghe lời bác Bảy. Mọi người đọc Tâm Kinh Bát Nhã. Hồng cũng đọc Tâm Kinh Bát Nhã. Rồi bác Bảy xướng "Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật" cho mọi người niệm. Trong khi tiếng niệm Phật tiếp tục đều đều, bác Bảy nhè nhẹ gỡ tay má Hồng và ôm nâng thằng Bích trong hai tay bác. Bác cúi xuống hạ thằng Bích trên mặt nước và buông hai tay. Xác của Bích chìm nhanh xuống biển. Má của Hồng khóc thét lên. Bác Bảy và mọi người cất cao tiếng niệm Phật cho lấn át tiếng khóc của bà. Tiếng niệm Phật chấm dứt thì má Hồng ngã quỵ vào lòng thuyền. Chiều hôm đó, một chiếc ghe cướp biển trờ tới, mọi người ngẩng lên chưa kịp phản ứng thì một chiếc móc sắt đã được liệng vào ghe và ghe lập tức bị thuyền bọn cướp kéo sát lại gần. Tất cả có khoảng mười hai tên cướp biển. Chúng không có súng, chỉ cầm trong tay dao nhọn và xà beng, gậy gộc. Không ai dám kháng cự chúng mà cũng không ai còn sức lực để kháng cự. Chúng vơ vét được một ít vàng bạc và tư trang. Thấy ai mặc chiếc áo nào lành lặn là chúng bảo cởi ra đưa cho chúng. Một tên tới gần má của Hồng định kiểm soát xem bà có đeo dây chuyền giấu dưới áo không. Hồng đứng cách đó ba thước. Em la lên:

- Đừng động tới má tui.

Nhưng tên cướp biển không nghe lời em. Hắn nắm lấy áo của má Hồng để xé toạc ra mà tìm sợi dây chuyền. Hồng nhảy tới dùng hết sức bình sinh kéo chân tên cướp để cho nó mất thăng bằng ngã xuống. Nhưng em yếu quá. Hắn không ngã. Hắn đưa chân gạt một cái. Hồng lăn tõm xuống biển. Má của Hồng kêu thét lên như người điên dại.

* * *

Không biết vì sao, không biết vì phép lạ nào, hoặc có thể vì Hồng rơi xuống biển nhằm một giờ linh thiêng nào mà Hồng không ngộp thở. Hồng lội như một con cá quanh quẩn bên chiếc ghe bị cướp. Bọn cướp sau khi vơ vét hết mọi thứ trên ghe đã dùng thuyền của chúng va đập vào ghe khiến cho ghe phải vỡ nát và nước ùa vào. Những người trên ghe yếu quá không thể phản ứng được, chỉ biết hét lên để cho ghe từ từ chìm xuống biển trong khi bọn cướp giật máy chạy đi với tất cả tốc lực.

Hồng biến thành một con cá bề dài gần một thước, bề ngang chừng hai tấc rưỡi. Con cá không đủ trí tuệ và bình tĩnh nên không kịp nghĩ rằng mình có thể cứu được một trong những người lâm nạn bằng cách đỡ người ấy ngoi lên mặt nước. Khi ý định đó nẩy sinh thì nó cũng không tìm thấy mẹ. Ngoi lên và nhảy khỏi mặt nước để nhìn, nó cũng chỉ thấy có mặt biển trầm ngâm và ác độc. Nó quanh quẩn ngày đêm suốt một tuần lễ tại vị trí của chiếc ghe chìm. Nhưng vẫn không có tăm hơi mẹ nó. Mẹ nó bị cá mập ăn thịt rồi chăng? Hay là mẹ nó cũng biến thành một con cá như nó? Nếu mẹ nó thành cá tại sao không lội đi tìm nó? Mẹ tìm con và con tìm mẹ, thế nào cũng có ngày gặp nhau. Hồng quyết đi khắp vịnh Thái Lan để tìm mẹ. Ngày nào nó cũng bơi lội đi khắp nơi, và đến những đêm trăng tròn nó lại trở về vị trí xưa, nơi chiếc ghe của mẹ nó bị chìm, hy vọng gặp lại mẹ. Hơn một năm trời trôi qua, ngày nào Hồng cũng đi tìm mẹ. Vì lội khắp vịnh Thái Lan cho nên nó gặp rất nhiều ghe thuyền của dân tị nạn. Đã khôn rồi cho nên mỗi khi có ghe chìm, nó cố gắng cứu cho được một người. Thường thường người được nó cứu là một đứa trẻ. Nó đưa lưng và đỡ nạn nhân lên để cho người này thở. Và nó tìm cách đưa nạn nhân giạt vào một bãi cát. Nếu ghe tị nạn bị chìm không xa bờ biển quá thì công việc cứu trợ của nó không đến nỗi nặng nhọc khó khăn. Nhưng nếu ghe chìm giữa biển bao la thì có thể nó thất bại. Vì vậy nó thường quanh quẩn ở những vùng dọc theo bờ biển Thái Lan, Mã Lai và Nam Dương để có thể có cơ hội cứu người dễ dàng hơn. Có lần nó bơi trước ghe của dân tị nạn để chỉ đường cho ghe khỏi va vào đá ngầm hoặc đi đúng vào những bến bờ không có cảnh sát. Có những người tị nạn nhận ra nó là một con cá linh nên cho ghe chạy

theo nó. Có những người thấy nó thì nghĩ tới chuyện lấy lao đâm vào nó để đem lên ghe nấu ăn cho đỡ đói. Thấy người ta đem lao ra Hồng phải lặn sâu xuống biển và ghe tị nạn đó mất một kẻ hướng đạo khôn ngoan. Tuy vậy nó không hề giận những người có mưu toan giết nó. Họ đói quá cho nên họ làm như vậy.

Vào một đêm trăng tròn tháng tư, nó cứu được một cậu bé mười bốn tuổi và đẩy cậu vào một bãi cát gần thị trấn Kota Baru. Sợ đến khuya nước lại dâng lên kéo cậu bé trở về biển, nó nhoài người lên cát đẩy cậu bé trở về biển, nó nhoài người lên cát đẩy cậu bé lên cao. Nhưng lạ thay, khi nó leo lên cạn thì nó lấy lại hình người, trong chiếc áo hồng, cái quần sa tanh trắng mòn gấu và đôi giày cao su quen thuộc. Nó mừng quá. Nó nhảy múa trên bãi cát dưới ánh trăng rằm tháng tư. Đêm đó là đêm Phật đản. Nó thử kêu "má ơi!", và nó kêu được "má ơi!", đúng là tiếng người. Nó thử kêu "Bích ơi!" và nó kêu được "Bích ơi!". Nó thử đọc Tâm Kinh Bát Nhã theo giọng bà ngoại nó và nó đã đọc được. Nó biết tuy nó là một con cá nhưng nó cũng còn là một em bé. Nó rơi xuống biển năm ngoái, lúc nó mười tuổi, bây giờ nó là một cô bé mười một tuổi.

Hồng ôm xốc cậu bé lớn hơn mình tới ba tuổi và mang đặt lên phía bờ cao, nơi nước biển không lên tới được. Nó biết nó đang đi trên bờ biển Mã Lai. Nó biết là nó đã sang được bờ bên kia mà không cần đến ghe thuyền. Nó có thể ở lại bờ bên kia. Nhưng mà nó không muốn. Nó muốn trở ề biển để tìm mẹ, để dắt lối cho ghe tị nạn, để cứu ít nhất là một em bé mỗi khi có ghe chìm. Cậu bé thiêm thiếp bất tỉnh, nhưng ngực cậu phập phồng. Biết chắc là cậu còn thở, Hồng cúi xuống đặt nhẹ một nụ hôn trên trán cậu và chạy về phía biển. Em nhảy xuống nước và biến trở lại thành con cá vảy hồng, lấp loáng trong trăng nước.

Từ đó thỉnh thoảng Hồng lại lên bờ, khi thì ở Mã Lai, khi thì ở Thái Lan, khi thì ở Nam Dương, hoặc để đưa người được cứu lên bãi hoặc để trà trộn trong đám người tị nạn mà dò hỏi sự tình. Ai cũng tưởng Hồng là con gái của một gia đình tị nạn đang được tạm cư tại đó trong khi chờ đợi được đi định cư ở một nước thứ ba. Tuy nhiên,

Hồng chỉ ở trà trộn với dân tị nạn một buổi sáng hoặc một buổi chiều là nhiều. Thời gian còn lại Hồng phải đi cứu người dưới biển.

Hồng chỉ ăn toàn rong biển, nhưng em rất mạnh. Em bơi suốt ngày không mỏi và có thể đỡ một người trên lưng mà lội xa độ mười lăm hải lý. Hôm bọn cướp biển tới quấy phá chiếc ghe của Đào, Hồng được chứng kiến cảnh tượng kinh khiếp trên ghe. Đó là một nơi chỉ cách chỗ ghe của má Hồng bị chìm chưa đầy hai dặm. Khi Đào bị hất xuống biển Hồng vội đưa lưng đỡ ngay lấy Đào và đưa Đào tấp vào một cù lao không tên gần đó. Cù lao này chỉ cách cù lao Quái khoảng hai mươi dặm. Đưa Đào lên bờ cát xong, Hồng lội trở ra thì thấy ghe hải tặc đã đi rồi và gió Đông Bắc đang chiếc ghe của Đạt về hướng Trengganu. Hồng nghĩ, nếu may mắn thì trong hai ngày hai đêm ghe của Đạt sẽ trôi tới vùng có nhiều ghe đánh cá của những ngư thôn miền bắc Kuala Trengganu, và sẽ được một trong những ghe này kéo vào bờ biển Nam Thái, như Pattani, Songkhla hay Bắc mã như Kota Baru hay Trengganu. Sáng hôm sau, Hồng gặp một chiếc ghe hư máy trên đó có tám mươi bốn người tị nạn, hết lương thực và nước uống. Hồng theo bảo vệ ghe này và chứng kiến cảnh chiếc tàu Đan Mạch đi quanh ghe ba lần nhưng không chịu vớt người trên ghe mà chỉ thả xuống hai thùng nước uống và mười thùng bánh khô. Hồng đỡ một trong ba thùng rớt xuống biển đem về để trên bờ cát nơi Đào còn thiêm thiếp và trở lại biển. Hồng lội suốt ngày ấy nhưng không cứu thêm được ai. Chiều hôm đó em chỉ mang được về đảo một bọc áo quần mà em thấy nổi lềnh bềnh bên cạnh ván thuyền của một chiếc ghe tị nạn nào đã vỡ chìm vì sóng đánh. Em về tới đảo thì thấy Đào còn ngủ thiếp mê mệt. Em mở bọc áo quần, vắt cho khô một bộ rồi treo trên một cành cây cho khô. Trăng vừa lên. Dưới ánh sáng sáng tỏ, em ngồi bên cạnh Đào. Em vừa đặt tay lên trán Đào để xem Đào có bị sốt không thì Đào tỉnh dậy...

Đào bóp chặt cánh tay trái của Hồng trong hai bàn tay cô để kiểm soát lại xem cô bé trước mặt Đào có đúng là một cô bé bằng xương bằng thịt không. Hai mắt Hồng long lanh nhìn Đào vừa ngây thơ vừa hơi có vẻ cười cợt. Đào ôm chầm lấy Hồng và nói:

- Mầu nhiệm quá! Mầu nhiệm quá!

Sự thật trước mắt Đào thật khó tin, nhưng có không thể không tin, vì đó là đúng sự thật. Có lẽ sự thật đó mầu nhiệm quá cho nên có vẻ khó tin. Như đoán hiểu được ý Đào, Hồng vừa cười vừa nói:

- Giả sử mai mốt chị qua được tới bờ bên kia và gặp lại anh Đạt thì chị có cho đó là một điều mầu nhiệm không? Và chị có tin đó là một sự thật hay không?

Đào như người tỉnh mộng. Bé Hồng vừa mở cho cô thấy một thế giới mầu nhiệm mới lạ. Bây giờ nếu được gặp lại Đạt, được cầm lấy tay Đạt thì đối với cô đó là một điều mầu nhiệm lạ lùng, và cô cũng khó tin đó là sự thật. Có lẽ khi gặp Đạt, cô cũng sẽ ôm chầm lấy anh và kêu lên "Mầu nhiệm quá! Mầu nhiệm quá!" giống hệt như cô vừa ôm lấy Hồng, vừa kêu lên những tiếng đó. Mới hôm qua đây, cô gặp được một cây ổi trên hoang đảo và cô cũng thấy đó là một điều mầu nhiệm. Tất cả những điều mầu nhiệm đều có vẻ không phải là sự thực, nhưng chính những điều đó đã khiến cho cô thấy thế giới hiện hữu một cách hiện thực hơn. Hôm qua, nhìn cây ổi, cô thấy hòn đảo hoang trở thành rất thực và cô nhận thấy ngay được vị trí của cô trong thời gian và không gian quen thuộc. Hồng vừa mở mắt cho cô. Đào đã từng được Đạt ôm vào trong hai cánh tay chàng, đã từng ngồi với chàng giờ này sang giờ khác, nhưng chưa bao giờ Đào nhìn Đạt như một sự thực mầu nhiệm. Đào đã tưởng rằng mọi hiện tượng trên đời như mặt trời, đám mây, cây ổi, mẹ cô, em cô, cũng như Đạt, đều là những hiện tượng tất nhiên phải có, đã có, đang có. Cô chưa từng thấy những thứ mầu nhiệm. Bây giờ đây, cô mới nhận ra rằng không có hiện tượng nào trên đời này là tầm thường và tất nhiên hết: tất cả đều là mầu nhiệm, là quý hóa, là khó tin rằng có thực. Cũng như cô bé áo Hồng đang ngồi trước mặt cô đây.

Đào hỏi Hồng về chiếc ghe của Đạt. Hồng kể cho Đào nghe là hôm kia em đã lội theo chiếc ghe đó cho tới khi ghe được một ngư thuyền Mã Lai kéo vào gần cù la Bidong ở ngoài khơi thị xã Kuala Trengganu. Hồng đã lên đảo, đã chứng kiến cảnh Đạt và những người trên ghe

được đưa lên trại tị nạn và do đó biết được đích xác tin tức về sức khỏe của Đạt. Hồng kể cho Đào nghe một vạn chuyện thương tâm mà Hồng đã chứng kiến dưới đáy biển. Hồng kể lại cho Đào nghe công việc hàng ngày của Hồng. Hồng cho Đào biết rằng thỉnh thoảng Hồng có thấy những ghe tị nạn đi theo con đường từ cù lao Quái đến cù lao Chàng. Hồng tin tưởng rằng thế nào cũng sẽ có chiếc ghe đi qua hòn đảo hoang này và Đào có thể xin quá giang để đi qua bờ bên kia với họ. Trước khi đi ngủ, Hồng lại hứa là sáng sớm mai, Hồng sẽ thức Đào dậy sớm để Đào có thể chứng kiến được cảnh Hồng đi xuống nước.

* * *

Suốt cả một buổi sáng hôm đó, Đào ngồi nhìn mặt biển phẳng lì với một tâm trạng vừa buồn vừa thương. Mặt biển đó đã từng khép lại trên bao nhiêu đồng bào xấu số của Đào, trong số đó có mẹ Hồng và em trai của Hồng. Cũng dưới mặt biển đó hiện giờ một con cá đầy tình thương đang một thân một mình lặn lội. Hồng nói sáng nào Hồng cũng phải đi làm việc thật sớm, ngay khi mặt trời chưa rời mặt biển. Tội nghiệp cho Hồng, mà cũng mừng cho Hồng. Tội nghiệp vì nghĩ đến Hồng chắc không bao giờ tìm lại được mẹ và em. Mừng cho Hồng là vì mới có mười một tuổi đầu Hồng đã làm được bao nhiêu điều lợi ích cho người đồng loại. Nghĩ tới đó Đào thấy hổ thẹn. Đào tự nguyện với lòng là một khi sang đến bờ bên kia, Đào sẽ gắng hết sức để lo lắng cho những người thiếu phước hơn mình. Theo Hồng thì còn nhiều khổ cực chờ đợi Đào trong trại tị nạn phía bên kia bờ. Nhưng Đào không sợ hãi nữa. Sự có mặt của Hồng trong biển Nam Hải là một nguồn an ủi lớn cho Đào. Đào sẽ phấn đấu, Đào sẽ cố gắng để khỏi hổ thẹn với Hồng. Sáng nay lúc còn tinh sương, Đào đã thấy Hồng xuống biển. Sau khi hẹn với Đào chiều nay sẽ gặp lại, Hồng đã thản nhiên đi xuống biển cho đến khi nước dâng tới ngực. Thế rồi Hồng đưa hai tay ra phía trước, cúi đầu thấp xuống và nhoài mình ra biển. Đào chỉ thoáng thấy bóng một con cá hồng quảy đuôi làm tung tóe bọt sóng phía sau lưng nó. Hồng đã đi. Hồng đi tới tối mịt Hồng mới về. Cả ngày Đào ngồi ngoài bãi cát bởi vì Đào biết Hồng đang ở biển. Khi bầu trời đã nhấp nháy ánh sao Đào mới nghe tiếng Hồng.

Dưới ánh sao, Đào thấy dáng Hồng bước nhẹ trên bãi cát đi về phía Đào. Đào mừng rỡ đứng dậy đón Hồng. Hồng im lặng nắm tay Đào đi lên đảo. Đào chạy đi lấy bánh lạt cho Hồng ăn và vốc nước suối cho Hồng uống, nhưng Hồng không ăn bánh và chỉ uống hết vốc nước. Hồng kể cho Đào nghe những gì Hồng đã thấy trong ngày hôm nay. Hồng kể chuyện có một chiếc ghe tị nạn bị chìm ở Narathiwat, cách bờ biển gần một trăm thước, mà trong số ba trăm chín mươi bảy người đó, có tới chín mươi chín người bị chết chìm dưới biển. Khi h tới đó thì ghe đã chìm rồi và Hồng không có cơ hội cứu được một người nào cả. Hồng thấy những mảnh ván nổi lềnh bềnh trên mặt biển và ký hiệu LA1945 của chiếc ghe. Chiếc ghe này vừa thoát ra khỏi hải phận Việt Nam thì bị biển động. Ghe nghiêng ngả trong năm ngày năm đêm trên biển cả. Đêm thứ sáu biển động rất mạnh. Sóng đánh văng chiếc cầu tiêu phía sau ghe và gây thành một lỗ thủng thật lớn khiến cho nước chảy ào ạt vào ghe. Ai cũng tưởng là chết nhưng nhờ nhanh tay và cầm cự giỏi mà những người trai trẻ trên ghe đã giữ cho ghe không chìm. Họ tranh đấu suốt đêm hôm ấy và cả suốt một ngày mai nữa. Cuối cùng vào sáu giờ chiều, ghe của họ thấy được bờ biển Thái Lan và tiến dần vào. Trời đã tối, nhưng những đợt sóng lớn ụp tới làm cho ghe nghiêng hẳn đi và nước tràn vào các cửa sổ ghe. Ghe nghiêng qua nghiêng lại muốn chìm. Nhiều người hoảng hốt nhảy xuống biển. Ghe chìm thật sự. Đèn của ghe đã bị vỡ, không ai trông thấy ai, người nào cũng chỉ cố lội lên bờ để khỏi bị chết chìm. Chín mươi chín người đã mất mạng. Sáng hôm đó tiếng khóc vợ khóc chồng, mẹ khóc con, anh khóc em vang dậy cả bãi cát. Tất cả tiền bạc hành lý đều bị dân địa phương xuống lấy sạch. Cuối cùng cảnh sát Thái đã đưa họ lên xe về trại tị nạn Songkhla. Hồng kể cho Đào nghe về một chiếc ghe tị nạn cập bến Patthani. Chiếc ghe này chỉ chở có ba mươi người. Ghe ra đi từ Cà Mau. Trong hai ngày hai đêm, ghe đi bình yên vô sự. Ngày thứ ba ghe tới được gần hải phận thái Lan, cách cù lao Cụt khoảng hai mươi dặm. Nơi đây ghe gặp một ghe cướp Thái giả dạng đánh cá. Bọn cướp biển vơ vét hết tiền bạc áo quần. Tất cả bảy phụ nữ trên ghe đều bị chúng hãm hiếp; mỗi người bị hiếp tới hai lần. Sau khi chúng đi, ghe vẫn chưa tìm được cách vào bờ. Chiều hôm sau chiếc ghe cướp trở lại; chúng lục soát thêm để vơ vét và hãm hiếp

các phụ nữ một lần nữa. Sau lần bị cướp thứ hai, ghe đã tìm cách đổ bộ nhiều lần nhưng lần nào cũng bị cảnh sát đẩy lui ra biển. Hai ngày sau, ghe gặp một lần ba chiếc ghe hải tặc đón đường. Chúng leo lên ghe lục soát. Thấy không còn gì để cướp bóc nữa, chúng giận dữ rút súng bắn chết hai người đàn ông và liệng xác xuống biển. Chúng còn ôm ba người khác liệng xuống biển cho cá mập ăn. Trong ba người này chỉ có một thanh niên thoát khỏi hàm răng cá mập. Anh ta cố bơi ra xa, bám và núp sau một chiếc thùng nhựa mà người trên ghe đã thảy xuống. Bọn hải tặc cho ghe của chúng ép lại để làm bể Bưởi Em ghe tị nạn. Ba bốn trẻ em trên ghe hoảng sợ, ôm thùng nhựa nhảy ùm xuống biển. Be ghe đã vỡ. Bọn cướp bỏ đi, chắc mẩm thế nào ghe cũng sẽ chìm.

Nhưng ghe không chìm. Trẻ em được người lớn vớt lên ghe trở lại, và ghe trôi nổi trên biển thêm ba đêm ba ngày liên tiếp. Trong thời gian này ghe lại bị thêm hai lần cướp nữa. Đây là những toán cướp khác. Chúng cũng lục soát và hãm hiếp, tuy nhiên chúng không bắn giết như toán vừa qua. Cuối cùng, vào sáng hôm nay, ghe được phép lên bờ và được cảnh sát cho đến trại Songkhla. Người phụ nữ trẻ nhất trên ghe là một cô gái mười sáu tuổi. Cô đã bị bọn cướp hãm hiếp tất cả là mười hai lần. Hiện giờ cô như người điên dại.

Nghe Hồng kể, Đào khóc ngất. Biết bao thảm kịch như thế xảy ra trong một ngày? Hai vai rung lên, cô kềm chế không được nữa những cảm xúc đang trào dâng trong cô. Sao loài người lại có thể độc ác với nhau như thế, cô không thể nào hiểu nữa. Có lẽ sắp đến ngày tận thế rồi chăng? Cô khóc rất lâu, mãi cho đến khi cô ngẩng đầu lên thì trăng đã sáng tỏ, và cô thấy Hồng ngồi yên lặng dưới trăng như một pho tượng đồng. Hồng hỏi nhỏ:

- Em đã để yên cho chị khóc, để chị vơi bớt nỗi khổ. Bây giờ thì chị đi xuống suối rửa mặt cho mát. Chúng mình sẽ đọc Tâm Kinh trước khi đi ngủ. Đêm đã khuya rồi. Ngày mai em lại phải đi sớm.

* * *

Ngày thứ năm trên đảo vắng. Đào biết trước là đến tối mịt Hồng mới về cho nên cô không có ý đợi Hồng. Cô chỉ ra biển ngóng nhìn xem có chiếc ghe nào đi ngang qua gần đảo không để cô làm dấu hiệu đón họ. Theo lời căn dặn của Hồng, cô đã buộc một cái áo vào đầu một cành cây để sẵn ở bãi; hễ khi nào có ghe là cô xuống bãi cầm cành cây phất qua phất lại để làm hiệu đón ghe. Nhưng suốt ngày hôm đó cho đến khi Hồng về Đào không thấy tăm dạng một chiếc ghe nào cả.

Hồng thuật chuyện hôm nay Hồng gặp nhiều ghe tị nạn đi quanh quẩn trong vịnh, vì ghé đến bến bờ nào họ cũng bị cảnh sát bắn dọa để đuổi hoặc dùng thuyền cảnh sát kéo các ghe họ trở ra hải phận quốc tế. Hồng gặp một chiếc ghe hư máy, trên ghe có năm mươi người đang trôi vô định ngoài khơi Patthani, trên ghe không còn nước uống và thực phẩm. Tất cả mọi người trên ghe đều đã chết, trừ một người đàn ông còn thoi thóp sống. Hồng lại thấy một ghe đánh cá Thái Lan đang kéo giúp một ghe tị nạn về phía Bắc Songkhla. Những người đánh cá trên ghe không muốn cảnh sát bắt gặp mình đang giúp ghe tị nạn cho nên chưa tới bờ đã cắt đứt sợi dây buộc thuyền và quay trở ra biển. Ghe tị nạn còn đang tìm cách tiến gần bờ thì một ghe cướp đi tới. Bọn cướp này chỉ lục soát lấy hết tư trang, tiền bạc và những áo quần còn tốt rồi bỏ đi, không động tới phụ nữ. Chiếc ghe này cuối cùng đã được vào bờ và những người trên ghe được chở vào trại tị nạn Songkhla.

Hồng lại mỉm cười thuật cho Đào nghe về một chiếc ghe kỳ lạ mà em đã gặp khá nhiều lần trên vịnh Xiêm La. Đó là một chiếc ghe đánh cá Thái Lan dài khoảng hai mươi hai thước và rộng khoảng năm thước hai, mang tên là Shantisuk. Trên ghe này có đủ dụng cụ đánh cá, có cả súng để bắn cá lớn nữa, nhưng Hồng chưa thấy người trên ghe đánh cá bao giờ. Trên ghe, Hồng thấy có tám người, trong số đó có một phụ nữ. Hồng đã từng thấy ghe đánh cá này tiếp cứu những ghe tị nạn bằng cách tiếp tế thức ăn, nước uống, dầu chạy máy và những bản đồ chỉ đường để ghe tị nạn có thể tránh đá ngầm và đi đúng vào những bến có trại tị nạn. Có một lần Hồng theo chiếc ghe ấy về tận bến Patthani. Ghe đậu chung với các ghe đánh cá khác không có vẻ gì là một chiếc ghe đặc biệt. Hồng khen thầm hành trạng của chiếc ghe kỳ

lạ đó và càng để ý theo dõi. Tuy họ chỉ có tám người nhưng những người trên ghe lại nói chuyện với nhau bằng bốn thứ tiếng: tiếng Thái, tiếng Pháp, tiếng Anh và tiếng Việt. Sở dĩ họ phải làm như vậy là vì trên ghe có ba người quốc tịch Thái và năm người quốc tịch Pháp, trong đó bốn người có gốc Việt. Bốn người này nói được cả tiếng Việt trong khi người Pháp thuần túy chỉ nói được tiếng Pháp. Tiếng Anh của chàng ta rất trọ trẹ. Ba người Thái đều nói được tiếng Anh nhưng không biết tiếng Việt và tiếng Pháp. Chiếc ghe của họ nếu lấy hết tốc lực thì có thể chạy được hai mươi gút, nhưng người thuyền trưởng chỉ cho ghe chạy với tốc độ mười gút mà thôi. Trên ghe có một chiếc ca nô bằng cao su bơm phồng mà thỉnh thoảng họ cho xuống nước để liên lạc nhanh với những chiếc ghe tị nạn. Chiếc ca nô này màu xám, rất nhẹ và chạy nhanh như một mũi tên. Hồng thường nghe tiếng cười nói và đàn hát trên ghe, tuy nhiên lúc nào cũng có một người đặc trách mang ống viễn kính nhìn ra bốn phía để tìm ghe tị nạn. Có lần chiếc ghe bị hỏng máy trên biển khiến cho anh thợ máy và thuyền trưởng loay hoay chữa mãi. Thuyền trưởng là một anh chàng dong dỏng cao tên Luc, Pháp gốc Việt, ăn ngủ rất ít mà làm việc tận tụy không ai bằng. Mọi người trên ghe hình như ăn chay. Có một buổi sáng Hồng thấy cô gái gốc Việt trên ghe nhặt những con cá bay vướng trên sàn ghe thả lại xuống biển. Những con cá này trong đêm đã bay nhầm lên sàn tàu. Có lần Hồng thấy cô gái trên thuyền đem cá sống mua được của một chiếc xuồng bé gần bờ mà thả xuống nước để chúng trở về với biển. Cô lại còn nói chuyện với những con cá này. Hồng rất cảm động và có cảm tình đặc biệt với cô gái này. Hồng lội sát chiếc ghe và ngoi lên gần mặt nước để nghe những người trên ghe nói chuyện, vì vậy đã nhiều lần bị cô gái bắt gặp và gọi những người khác đến xem. Biết họ là những người vô hại, Hồng thản nhiên lội theo ghe. Nhờ nghe chuyện họ nói mà Hồng hiểu tại sao công việc cứu trợ của họ phải làm trong vòng bí mật. Các nước Thái, Tân Gia Ba, Mã và Nam Dương không muốn nhận dân tị nạn cho nên rất ghét những chương trình cứu trợ người trên biển. Họ nghĩ, thà để cho dân tị nạn chết trên biển còn hơn là để nước họ bị lôi thôi về kinh tế và chính trị. Để có thể cứu người, chiếc Shantisuk đã phải cải trang làm ghe đánh cá. Những người có quốc tịch Thái trên ghe là những người

không đồng ý với chính sách nhẫn tâm của chính phủ họ đối với dân tị nạn. Trong số ba người Thái ấy có một người là tu sĩ trẻ giả dạng ngư dân. Tất cả tám người trong họ đều là đệ tử của một vị đạo sĩ hiện đang tĩnh cư nơi một am mây trên đỉnh núi Doi Suthep, miền Bắc Thái Lan. Không có người Việt thuần túy nào được tham dự chương trình này vì lẽ giấy tờ của họ không cho phép họ vào một nước nào trong số bốn nước Thái Lan, Mã Lai, Tân Gia Ba và Nam Dương cả. Anh chàng Pháp thuần túy tên là Jean Paul, ngày xưa là một thủy thủ lành nghề miền Bretagne nước Pháp. Anh cũng biết ngồi thiền như bà ngoại của Hồng. Có lần Hồng thấy dáng anh ngồi kiết già trước mũi ghe. Hồng biết trên ghe có rất nhiều thực phẩm khô, nhất là mì gói, và biết Jean Paul thích ăn mì gói, ăn ngon lành như người Việt ăn bún chả. Chiếc Shantisuk đã bị cướp một lần trên hải phận Thái mặc dầu ghe đã giả dạng làm ghe đánh cá. Bọn cướp đã đến bằng một chiếc ghe có máy ra đa. Ghe của chúng chạy nhanh vô cùng bởi vì máy của ghe là một cái máy mạnh tới 800 mã lực. Chúng uy hiếp những người trên chiếc Shantisuk bằng súng. Chúng lấy hết tiền bạc và thực phẩm. Chúng không hỏi nữ trang và vàng bạc vì chúng biết đây không phải là ghe tị nạn. May cho những người trên ghe là chúng không đánh đập và hãm hiếp ai. Mọi người để yên cho chúng vơ vét.

Sau chuyến bị cướp ấy, thuyền trưởng Luc đề nghị phải mua một cây súng để tự vệ. Đây là đầu mối cho những cuộc đàm luận không ngớt trên tàu suốt nhiều ngày nhiều đêm. Hồng nghe chuyện và hiểu gần hết được những éo le của tình trạng họ.

Ý kiến của Luc bị nhiều người trên ghe bác bỏ. Là học trò của vị đạo sĩ trên núi, họ không muốn nhờ vũ khí bảo vệ cho họ. Nhưng Luc nói rằng "có một cây súng không có nghĩa là sẽ giết người". Ngày xưa Luc đã từng là tay súng giỏi. Anh ta bảo rằng chỉ cần có một cây súng là mình có thể khiến cho bọn cướp "ngán" và không dám lại gần. Mình có thể hoặc bắn dọa trong không khí, hoặc bắn trúng một cái gì rất nhỏ trên ghe cướp để họ tránh xa. Cô gái trên ghe cười và nói rằng chỉ khi nào tinh thần mình yếu mới nghĩ đến chuyện có súng, rằng

hướng dẫn bởi ý định tiếp tục cứu người trên bể cả mình sẽ được những niệm lực lành che chở. Cô nói:

- Trước khi mình xuống núi, thầy đã dặn mình phải tuyệt đối tôn trọng sự sống, lấy tình thương mà trả lời với bạo lực. Một con cá dưới biển cũng không được động tới, người đã dặn như thế rồi mà.

Luc bảo:

- Cây súng chỉ là hình thức. Cách sử dụng súng mới là nội dung. Chúng ta có thể sử dụng súng một cách bất bạo động. Chắc sư phụ cũng đồng ý với tôi.

Nhưng bạo động hay không bạo động không phải là đề tài bàn cãi quan trọng nhất. Vấn đề nghiêm trọng của họ là bọn cướp ở Mahachai đã khám phá ra rằng ghe của họ là một ghe đánh cá của người ngoại quốc. Mahachai thuộc về thị trấn SamukShkhorn là một nơi tương tự với xóm anh chị Cầu Muối bên mình.

- Bọn Mahachai mà có ý hại mình thì không thể nào mình tiếp tục được chương trình này nữa. Tụi mình đã lớn rồi, phải tự định liệu lấy, không thể bất cứ gặp vấn đề gì cũng phải về núi thỉnh ý sư phụ, Lục đã nói như thế. Vì vậy cho nên cuộc bàn luận kéo dài.

Bẵng đi một thời gian, Hồng không gặp chiếc Shantisuk, nhưng trưa hôm qua em lại thấy nó xuất hiện hoạt động phía bờ biển Bắc Mã Lai. Hồng nghe được những chuyện rất lý thú. Luc đã làm quen được với một tay anh chị cỡ lớn ở Mahachai tên là Tana, gọi tắt là Tân. Võ nghệ Tân khá giỏi nhưng Tân đã phục Luc và chịu nhận Luc là một người anh em. Luc đã đơn thân độc mã đi vào xóm Mahachai và bọn đàn em của Tân thấy dáng điệu hiên ngang của Luc đã không dám động tới. Có một đứa ngăn chặn Luc đã bị anh hất ngã. Chúng báo động với Tân. Luc cũng hỏi thăm và đi tìm Tân. Tân mời Luc vào nhà, mời ngồi. Nhưng bất thần Tân dùng một thế võ bí hiểm định khóa trái cánh tay Luc lại. Luc phản ứng mau lẹ như chớp, thoát khỏi tay Tân

và thản nhiên ngồi xuống. Tân vớ con dao nhọn trên bàn đâm Luc bằng một thế đâm rất hiểm hóc. Luc không tìm cách giật con dao mà chỉ nghiêng mình khiến cho Tân đâm trượt. Sau cái thế võ thứ hai đó, Tân không còn "thử" Luc nữa và chịu Luc là người anh em. Tân muốn mời Luc vào "nhóm" bởi vì Tân cần một tay súng giỏi. Tân hứa sẽ bảo đàn em trả lại những gì chúng đã cướp trên chiếc Shantisuk. Tân vẫn nghĩ chiếc ghe Luc là một chiếc ghe đánh cá của người ngoại quốc. Tân đề nghị Luc bán chiếc Shantisuk và gia nhập vào nhóm của Tân. Tân sẽ giao cho Luc trông coi chiếc ghe 800 ngựa có trang bị ra đa.

Luc không dám từ chối, bảo rằng cần phải có thời gian để suy nghĩ và bàn lại với các bạn. Luc nói Luc cần một cây súng. Tân bảo Tân quen với cảnh sát, có thể giới thiệu để cảnh sát cấp giấy cho Luc mua súng tự vệ. Mà quả thật, Tân rất có quyền thế. Luc đã xin được giấy mua súng trong vòng một khắc đồng hồ, nhưng vì các bạn Luc không đồng ý cho nên Luc đã không mua.

Ghe của Luc không còn bị đàn em khá đông của Tân quất phá nhưng vẫn bị các toán cướp biển khác theo đuổi, trong số những toán cướp này có một toán gốc ở Trad. Chiến thuật của chiếc Shantisuk là mỗi khi gặp cướp biển thì mở hết tốc lực để chạy trốn. Chiến thuật này, theo Hồng, là khôn ngoan hơn hết. Nhưng những người trên ghe chỉ sợ những tàu hải tặc có ra đa, chạy nhanh và có súng. Trước đây, những chiếc tàu cướp biển thường hay đón những ghe đánh cá Mã Lai và Thái Lan; nhiều khi chúng giết cả ngư dân sau khi cướp đoạt tiền bạc. Cảnh sát biển của Thái đã nhiều lần đi tuần tiễu nhưng không trừ diệt nổi những lực lượng cướp biển. Cách đây không lâu, trọn một tiểu đội cảnh sát do một thiếu tá cảnh sát Thái chỉ huy đã bị bọn cướp bắn chết gần đảo Ko Kut, không sống sót được người nào. Có một lần chiếc Shantisuk suýt bị cướp không xa vùng ấy. Tối hôm đó, khi rời bến Trad và vượt eo biển để đi về phía các đảo Ko Chang và Ko Kut, nó gặp hai chiếc thuyền cướp đón đường. Nhờ quan sát kỹ nên Luc nhận ra thâm ý của hai chiếc này khi chiếc Shantisuk còn cách chúng đến năm trăm thước. Eo biển rất hẹp nên mọi người trên thuyền biết không thể nào tránh lọt hai chiếc ghe hải tặc. Jean Paul

lưu ý mọi người về cách chúng chớp đèn báo hiệu cho nhau, dù rằng lúc ấy vẫn còn ánh mặt trời. Muốn biết chắc chúng có phải là ghe cướp không, Luc lái ghe sang phía mặt phải, làm ra cách sẽ ra biển bằng eo biển phía mặt thay vì đi thẳng eo bên trái. Hai chiếc ghe kia lại chớp đèn cho nhau và cùng tiến về phía eo mặt để chặn lối chiếc Shantisuk. Hồng lo ngại quá. Nhưng bất thần chiếc Shantisuk quay đầu lấy tốc lực hướng về bến Trad, nơi có rất nhiều ghe đậu. Vậy là đêm ấy nó không bị cướp. Đêm sau chiếc Shantisuk ra khơi lúc ba giờ khuya cùng với nhiều ngư thuyền khác; và do đó đã thoát khỏi ghe hải tặc đón đầu. Cũng từ đó chiếc Shantisuk không lai vãng vùng Trad nữa.

Mấy lúc gần đây bọn hải tặc tha hồ tung hoành, không ai kiểm soát được. Trên những chiếc ghe tị nạn đầu tiên mà chúng cướp, chúng có tìm thấy vàng. Vì vậy chúng chia nhau đi chặn đường những ghe tị nạn, nhiều nhất là vùng Ko Kut, Ko Chang, nơi có nhiều thuyền tị nạn đi qua. Càng ngày, hải tặc càng nhiều. Có nhiều người nghèo khổ xoay sang nghề hải tặc. Những người này không chuyên nghiệp, không có súng; họ chỉ có đao búa, xà beng và gậy gộc. Chính quyền Thái biết những gì xảy ra ngoài biển, nhưng vì không muốn có thêm dân tị nạn lên bờ nên cố tình làm ngơ. Mà dầu có muốn tiễu trừ cũng chưa chắc tiễu trừ được.

Một hôm chiếc Shantisuk đang nằm tại biển Chantaburi thì có một người Thái đến đề nghị với Luc lấy ca nô đi ra biển tìm vàng. Hỏi vàng ở đâu thì người kia nói là chôn ở một cái đảo nhỏ gần Ko Kut. Luc hỏi tới ngành ngọn thì biết rằng người đó là kẻ sống sót duy nhất của một đám hải tặc gồm mười tám người. Đám hải tặc này đã cướp bốn ghe tị nạn ở gần Ko Kut và chôn giấu vàng bạc cướp được tại hòn đảo vô danh kia. Ngay sau đó, toán hải tặc này lại bị toán hải tặc khác thanh toán, bởi vì "chúng là đàn em mà dám qua mặt, phỗng tay trên của đàn anh." Tất cả đều bị giết, chỉ còn một người chạy thoát được. Chính người này đã tìm tới Luc và đề nghị Luc cũng đi ra hòn đảo nọ để lấy. Luc từ chối, nói rằng Luc rất sợ. Có thể là Luc sợ thật. Hoặc có lẽ chỉ vì mục đích của Luc tới xứ này không phải là để tìm vàng.

Hồng cho Đào biết cướp biển là tai nạn lớn nhất của người tị nạn. Nghề cướp biển thịnh hành quá thành ra hầu hết tị nạn chiếc nào cũng bị cướp ít nhất một lần. Có ghe bị cướp tới mười lần. Trung bình mỗi ghe bị cướp ba hay bốn lần. Có những bọn cướp dã man tới mức tột cùng. Có những bọn cướp sau khi cướp xong có thể nghe lời năn nỉ của nạn nhân mà kéo giúp ghe chúng vừa cướp vào gần tới bờ. Có bọn sau khi cướp và hãm hiếp xong thì giết hết người và nhận chìm ghe của nạn nhân. Có bọn chỉ lấy tiền bạc và áo quần mà không đụng tới phụ nữ.

Đào run sợ khi nghe Hồng kể. Cô mất hết can đảm. Nhưng Hồng nói là Hồng sẽ làm đủ cách để Đào sẽ qua được bờ bên kia mà không bị cướp bắt gặp. Tối hôm đó Đào xin Hồng dạy cho Đào học thuộc Tâm Kinh Bát Nhã. Cô thấy cô cần phải đọc kinh này để có thêm an tĩnh, có thêm sức mạnh tinh thần. Cảm thương cho thân phận của mình, tối đó cô thiếp đi mà nước mắt ướt đẫm cả mặt.

Thức dậy, Đào nhìn quanh và biết là Hồng đã xuống biển rồi. Cô giận mình mê ngủ quá. Cô xuống suối rửa mặt, rửa tóc và ngồi trên bờ suối ôn lại Tâm Kinh. Rồi cô đi lấy hai cái bánh lạt để ăn cho đỡ đói. Uống nước suối xong, cô leo lên một tảng đá trơn bóng và râm mát rồi tập ngồi thiền định. Cô chưa biết tọa thiền như thế nào nhưng cũng bắt chước ngồi xếp bằng giữ sống lưng cho thẳng. Cô chẳng biết phải làm thế nào cho đúng phép ngồi thiền. Có lần cô nghe người ta nói hơi thở rất quan hệ cho việc ngồi thiền, cho nên cô mỉm cười bắt đầu thở những hơi thở nhẹ và dài. Quả nhiên chừng mười lăm phút sau cô thấy trong người dễ chịu và tỉnh táo. Cô cảm thấy mình vững vàng hơn, về thể chất cũng như về tinh thần. Cô bèn khởi sự đọc Tâm Kinh. Cô đọc nhiều lần. Nhận thấy giọng của mình có hơi bắt chước giọng của Hồng, cô mỉm cười. Cô không hiểu lời kinh muốn nói gì nhưng cô thấy âm điệu của lời kinh rất là thu hút. Cô để ý nhất đến một câu mà cô có cảm tưởng rằng nếu cô lặp lại chừng một ngàn lần thì cô thể hiểu được. Đó là câu "Này người con của Xá Lợi, mọi hiện tượng đều có chung một thể tính không tịch; không có gì sinh ra, không có gì mất đi, không có gì nhơ bẩn, không có gì trong sạch, không có gì thêm lên, không có gì bớt đi. Trong thể tính không tịch

đó, không có vật chất, không có cảm thọ, không có tư duy, không có hạnh nghiệp, không có nhận thức...". Lời kinh gì mà vừa hiền dịu như mây bay, vừa dữ dội như sấm sét. Đào thoáng thấy một cái gì rất quan trọng trong câu kinh đó, dù cô chưa hiểu thấy. Chưa hiểu thấu nhưng không phải là cô không hiểu gì hết. Cô hiểu gì, cô cũng không biết; cô chỉ biết là cô bị hút vào câu kinh đó cũng như mảnh thép nhỏ bị hút vào một khối nam châm.

Đột nhiên Đào ngẩng lên, Hồng đã về. Hồng đã về quá sớm. Giờ này là giờ ngọ, mặt trời đang đứng bóng. Đào bước xuống, chạy ra đón Hồng. Cô đưa Hồng tới ngồi dưới bóng cây râm mát và chạy đi lấy nước cho Hồng uống. Hồng uống nước xong nhìn Đào và nói:

- Chị Đào, chị sửa soạn để chiều hôm nay qua bờ bên kia.

Đào giật mình nhìn Hồng. Cô chưa kịp hỏi gì thì Hồng tiếp:

- Có một chiếc ghe tị nạn sẽ đi ngang qua đây vào lúc ba giờ chiều. Chị còn dư thì giờ để chuẩn bị. Chị nên đem theo hết chỗ bánh còn lại và bọc áo quần. Khi ghe tới, chị nói người trên ghe lên suối lấy thêm nước ngọt. Em sẽ có cách làm cho người trên ghe thấy chị và ghé vào đây đón chị.

Đào nắm tay Hồng:

- Em có đi với chị không? Chị sợ lắm.

Hồng cười:

- Em sang bên ấy để làm gì? Em phải ở lại. Em còn phải tìm má em. Chị nghe em nói đây. Hôm nay là ngày đầu năm của dân tộc Thái. Tất cả đều ở nhà ăn Tết. Trên biển không có bóng dáng một ghe cướp nào của Thái, kể cả các ghe đánh cá cũng vậy. Đây là một cơ hội hiếm có cho các ghe tị nạn. Ở đây không có giấy và bút. Em không thể vẽ ra để chỉ đường cho chị. Vậy chị em mình xuống dưới bãi cát. Em sẽ chỉ cho chị con đường đi từ đảo này tới đảo Ko Kut và từ đảo Ko Kut tới đảo Ko Chang. Và em cũng sẽ chỉ cho chị cách đi từ Ko Chang tới một cái làng thuộc quận

Leam Sing tỉnh Chantaburi. Nơi đây chị sẽ được dân làng đưa lên cho ăn uống thuốc men và ngày mai cảnh sát sẽ đưa chị và những người cùng ghe tới trại tị nạn Leam Sing.

Hồng đưa Đào xuống bãi cát, dùng ngón tay vẽ bản đồ vịnh Xiêm La và chỉ cho Đào mọi chi tiết. Hồng căn dặn Đào rất kỹ về những nơi có đá ngầm. Phải nhìn kỹ mặt biển, nơi nào sóng gợn bên trên khác thường với mặt biển xung quanh thì tránh ngay, vì bên dưới có đá ngầm có thể làm thủng ghe. Hồng chỉ cho Đào cách nhắm hướng căn cứ trên mặt trời, trên những ngôi sao, trên hình dáng mờ xa của cù lao Kut hay cù lao Chang. Rồi Hồng xóa bản đồ của mình vẽ, bảo Đào vẽ lại, lặp lại những điều Hồng dặn. Hồng lại bổ túc cho Đào những chỗ Đào chưa nắm vững. Xong xuôi, Hồng hỏi Đào:

- Chị có người quen nào ở ngoại quốc không?

- Có, chị có một ông bác ở Pháp.

- Vào được trại Leam Sing chị tìm cách viết thư ngay cho bác và nhờ mục sư Doug Kellum đem bỏ thư nhà dây thép thị trấn Chantaburi dùm. Ông mục sư này cứ mỗi tuần vào thăm trại tị nạn Leam Sing một lần để giúp đỡ. Chị nhờ bác đánh điện cho anh Đạt tại trại tị nạn Pulau Bidong ở Mã Lai, ngoài khơi thị trấn Kuala Trengganu, báo tin là chị còn sống và hiện tại ở trại Leam Sing. Chị cũng có thể viết thư trực tiếp cho anh ấy. Chị khai với đại diện Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc là chị có người bác tại Pháp và muốn làm đơn xin qua Pháp với bác. Anh Đạt cũng xin đi Pháp phải không? Chị nhớ nhắc anh Đạt là nên cùng xin qua Pháp. Và điều này nữa, em xin chị đừng quên: tới trại, chị tìm cách xin bác sĩ khám cho chị. Chị nói riêng với bác sĩ là chị không muốn có dấu tích gì của bọn cướp biển trên thân thể chị cũng như là trong tâm hồn chị.

Ngẩng lên, Đào thấy hai giọt lệ long lanh trong mắt Hồng. Cô ôm Hồng chặt trong tay. Cô nói:

- Chị sẽ làm đúng lời em dặn. Chị còn gặp em nữa không?

Hồng gỡ tay Đào, đưa Đào trở lên tảng đá có bóng cây râm mát. Hồng nói:

- Có thể em còn cơ hội gặp chị. Nhưng em không chắc lắm. Vậy cứ tạm xem hôm nay là buổi hội ngộ cuối cùng. Chị nghe em nói đây. Người tị nạn hiện giờ ra nhiều quá và các nước xung quanh đã đồng ý với nhau dùng biện pháp mạnh để ngăn chặn. Họ sẽ canh phòng các bờ biển nghiêm ngặt và sẽ dùng quân đội để ngăn người tị nạn đổ bộ lên đất họ. Chưa hết. Họ còn dự tính tổ chức dân chúng biểu tình để họ có cớ bỏ những người tị nạn trở lên ghe và kéo những ghe này ra hải phận quốc tế trở lại. Nếu họ làm như thế thì đồng bào chết hết. Em hy vọng dư luận thế giới sẽ ngăn cản họ. Nhưng một khi tới trại tị nạn chị phải cho đồng bào biết để đề phòng. Phải đồng sinh cộng tử với nhau, nghĩ ra những biện pháp kháng cự tập thể hữu hiệu. Cả trong ban đêm, mình cũng phải tỉnh táo và sẵn sàng đối phó. Nếu bị ép lên thuyền để đẩy ra biển thì nhất quyết đồng loạt không tuân lệnh dù súng của họ dí vào ngực mình cũng vậy. Trong trường hợp sự đe dọa trở thành rõ rệt quá, phải tìm cách nhận chìm hoặc tiêu hủy các con thuyền trước bến của trại tị nạn. Đời sống của người tị nạn ở trại chị sắp đến cũng rất cực khổ nhưng đời sống tại những Songkhla, Pulau Bidong, Pulau Tengah, Pulau Pinang và những trại khác rải rác trên miền duyên hải bốn nước. Chị sẽ phải ở lại trại từ bốn đến sáu, hay tám tháng. Thì giờ rỗi rảnh, em nhờ chị chăm sóc những người khổ đau bất hạnh trong trại dùm em.

Hồng ngước lên, cười, trong khi mắt em còn ướt:

- Có một tin vui. Anh Luc, thuyền trưởng của chiếc Shantisuk đã tới gặp anh Tân và nói hết sự thực. Anh nói: "Người nghĩa hiệp không bao giờ ức hiếp kẻ khốn cùng. Ta có thể tạm lấy vàng của nhà giàu trong khi kẻ khác đói, nhưng ta không có quyền giết người, hãm hiếp người. Đàn em của anh không thể làm mất thanh danh của anh." Anh Luc thật là can đảm không ai bì kịp. Anh nói rằng anh Tân đã vỗ vai anh và hứa sẽ ra lệnh cho bọn

đàn em. Nhưng chị ơi, trên biển có hàng trăm toán cướp. Một vài toán đàn em của anh Tân không đụng tới tính mạng và danh tiết của người tị nạn, nhưng còn những toán khác thì sao? Chính chiếc Shantisuk cũng đang bị những toán kia đe dọa. Em sợ một ngày gần đây chiếc ấy cũng không còn hoạt động được. Em sợ cho tính mạng của những người trên chiếc ấy lắm. Có thể là ông Đạo ở trên núi Doi Suthep sẽ gọi họ về vì tình trạng quá nguy hiểm trên biển. này chị, nhìn xem, chiếc ghe đã tới! Chị đi tìm cành cây có móc chiếc áo bà ba đi. Chúng mình xuống dưới bờ cát.

Đào thấy ở chân trời phía Đông một chấm đen. Chấm đen càng lúc càng rõ và cuối cùng Đào thấy rõ ràng đó là một chiếc ghe tị nạn. Hồng nói:

- Chị đợi ghe tới gần thêm chút nữa rồi hãy phất áo làm hiệu. Đừng nói gì cho những người trên ghe biết về em nhé. Em sẽ lội ra khơi và làm cho ghe chú ý tới dấu hiệu kêu cứu của chị. Nhớ làm theo điều em căn dặn chị nhé. Và nhất là phải tiêu hủy ghe ngay sau khi lên bờ.

Hồng ôm chặt lấy Đào. Rồi đúng như một cô bé, Hồng buông Đào một cách đột ngột, chạy về bờ nước, lao mình xuống biển, lội mất. Đào tiếp tục phất qua phất lại cành cây với chiếc áo bà ba. Cô tiến về phía trước cho tới khi nước biển ngập tới đầu gốc. Cô làm dấu không ngớt. Và kìa, chiếc ghe đã trông thấy dấu hiệu. Người trên ghe đã bẻ lái chạy về phía hoang đảo.